ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ

Thông báo số 69/2020/TB-LPQT ngày 22 tháng 12 năm 2020 về việc điều ước quốc tế có hiệu lực: "Nghị định thư phân giới cắm mốc biên giới trên đất liền giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Vương quốc Cam-pu-chia"

(Tiếp theo Công báo số 151 + 152)

BỘ NGOẠI GIAO
ỦY BAN BIÊN GIỚI QUỐC GIA

NGHỊ ĐỊNH THƯ
PHÂN GIỚI CẮM MỐC BIÊN GIỚI TRÊN ĐẤT LIỀN GIỮA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM VÀ
VƯƠNG QUỐC CAMPUCHIA

Tập 1: Văn bản Nghị định thư và Phụ lục 3, Phụ lục 4, Phụ lục 5 đính kèm Nghị định thư

Từ mốc giới số 170/3, đường biên giới hướng Đông Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 170/4. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,419km.

Mốc giới số 170/4 là mốc phụ đơn, cắm trên bờ ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°05'12,852" vĩ độ Bắc, 106°09'55,418" kinh độ Đông và có độ cao 3,05m.

Từ mốc giới số 170/4, đường biên giới hướng Đông Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 170/5. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,423km.

Mốc giới số 170/5 là mốc phụ đơn, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°05'01,728" vĩ độ Bắc, 106°10'03,633" kinh độ Đông và có độ cao 3,10m.

Từ mốc giới số 170/5, đường biên giới hướng Đông Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 170/6. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,627km.

Mốc giới số 170/6 là mốc phụ đơn, cắm trên bãi đất trống, tại điểm có tọa độ địa lý 11°04'45,244" vĩ độ Bắc, 106°10'15,804" kinh độ Đông và có độ cao 3,09m.

Từ mốc giới số 170/6, đường biên giới hướng Đông Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 171. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,418km.

Mốc giới số 171 là mốc đơn, loại A, cắm tại cặp cửa khẩu quốc tế Mộc Bài (Việt Nam) - Ba Vet (Campuchia), là điểm giao giữa quốc lộ số 22A (Việt Nam) và quốc lộ số 1 (Campuchia) với đường biên giới, tại điểm có tọa độ địa lý 11°04'34,248" vĩ độ Bắc, 106°10'23,921" kinh độ Đông và có độ cao 4,14m.

Từ mốc giới số 171, đường biên giới hướng Nam - Đông Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 171/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,570km.

Mốc giới số 171/1 là mốc phụ đơn, cắm trên bãi đất trống, tại điểm có tọa độ địa lý 11°04'18,034" vĩ độ Bắc, 106°10'33,066" kinh độ Đông và có độ cao 2,64m.

Từ mốc giới số 171/1, đường biên giới hướng Nam - Đông Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 171/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,665km.

Mốc giới số 171/2 là mốc phụ đơn, cắm trong rừng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°03'59,113" vĩ độ Bắc, 106°10'43,734" kinh độ Đông và có độ cao 2,36m.

Từ mốc giới số 171/2, đường biên giới hướng Nam - Đông Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 171/3. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,616km.

Mốc giới số 171/3 là mốc phụ đơn, cắm trên bãi đất trống, tại điểm có tọa độ địa lý 11°03'41,577" vĩ độ Bắc, 106°10'53,600" kinh độ Đông và có độ cao 2,29m.

Từ mốc giới số 171/3, đường biên giới hướng Nam - Đông Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 171/4. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,408km.

Mốc giới số 171/4 là mốc phụ đơn, cắm trên bãi đất trống, tại điểm có tọa độ địa lý 11°03'29,975" vĩ độ Bắc, 106°11'00,138" kinh độ Đông và có độ cao 2,36m.

Từ mốc giới số 171/4, đường biên giới hướng Nam - Đông Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 171/5. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,612km.

Mốc giới số 171/5 là mốc phụ đơn, cắm trong rừng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°03'12,572" vĩ độ Bắc, 106°11'09,944" kinh độ Đông và có độ cao 2,67m.

Từ mốc giới số 171/5, đường biên giới hướng Nam - Đông Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 172. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,408km.

Mốc giới số 172 là mốc đơn, loại B, cắm trên bãi đất trống, tại điểm có tọa độ địa lý 11°03'00,972" vĩ độ Bắc, 106°11'16,480" kinh độ Đông và có độ cao 3,83m.

Từ mốc giới số 172, đường biên giới hướng Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 172/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,410km.

Mốc giới số 172/1 là mốc phụ đơn, cắm trên bãi đất trống, tại điểm có tọa độ địa lý 11°02'47,734" vĩ độ Bắc, 106°11'18,245" kinh độ Đông và có độ cao 2,23m.

Từ mốc giới số 172/1, đường biên giới hướng Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 172/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,615km.

Mốc giới số 172/2 là mốc phụ đơn, cắm trên bãi đất trống, tại điểm có tọa độ địa lý 11°02'27,894" vĩ độ Bắc, 106°11'20,888" kinh độ Đông và có độ cao 1,93m.

Từ mốc giới số 172/2, đường biên giới hướng Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 172/3. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,410km.

Mốc giới số 172/3 là mốc phụ đơn, cắm trên bãi đất trống, tại điểm có tọa độ địa lý 11°02'14,663" vĩ độ Bắc, 106°11'22,654" kinh độ Đông và có độ cao 1,96m.

Từ mốc giới số 172/3, đường biên giới hướng Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 172/4. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,409km.

Mốc giới số 172/4 là mốc phụ đơn, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°02'01,455" vĩ độ Bắc, 106°11'24,414" kinh độ Đông và có độ cao 1,64m.

Từ mốc giới số 172/4, đường biên giới hướng Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 172/5. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,410km.

Mốc giới số 172/5 là mốc phụ đơn, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°01'48,221" vĩ độ Bắc, 106°11'26,173" kinh độ Đông và có độ cao 1,91m.

Từ mốc giới số 172/5, đường biên giới hướng Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 173. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,410km.

Mốc giới số 173 là mốc đơn, loại B, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°01'34,980" vĩ độ Bắc, 106°11'27,937" kinh độ Đông và có độ cao 2,01m.

Từ mốc giới số 173, đường biên giới hướng Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 173/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,437km.

Mốc giới số 173/1 là mốc phụ đơn, cắm trên bờ ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°01'20,879" vĩ độ Bắc, 106°11'29,811" kinh độ Đông và có độ cao 2,18m.

Từ mốc giới số 173/1, đường biên giới hướng Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 173/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,382km.

Mốc giới số 173/2 là mốc phụ đơn, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°01'08,564" vĩ độ Bắc, 106°11'31,449" kinh độ Đông và có độ cao 2,12m.

Từ mốc giới số 173/2, đường biên giới hướng Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 173/3. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,400km.

Mốc giới số 173/3 là mốc phụ đơn, cắm trên bờ ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°00'55,665" vĩ độ Bắc, 106°11'33,161" kinh độ Đông và có độ cao 2,40m.

Từ mốc giới số 173/3, đường biên giới hướng Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 174. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,371km.

Mốc giới số 174 là mốc đơn, loại B, cắm trên bãi đất trống, tại điểm có tọa độ địa lý 11°00'43,683" vĩ độ Bắc, 106°11'34,750" kinh độ Đông và có độ cao 2,75m.

Từ mốc giới số 174, đường biên giới hướng Nam - Đông Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 174/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,612km.

Mốc giới số 174/1 là mốc phụ đơn, cắm trên bờ ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°00'24,142" vĩ độ Bắc, 106°11'38,657" kinh độ Đông và có độ cao 2,78m.

Từ mốc giới số 174/1, đường biên giới hướng Nam - Đông Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 174/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,518km.

Mốc giới số 174/2 là mốc phụ đơn, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 11°00'07,587" vĩ độ Bắc, 106°11'41,970" kinh độ Đông và có độ cao 2,81m.

Từ mốc giới số 174/2, đường biên giới hướng Nam - Đông Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 174/3. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,502km.

Mốc giới số 174/3 là mốc phụ đơn, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°59'51,568" vĩ độ Bắc, 106°11'45,171" kinh độ Đông và có độ cao 2,36m.

Từ mốc giới số 174/3, đường biên giới hướng Nam - Đông Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 175. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,612km.

Mốc giới số 175 là mốc đơn, loại B, cắm giữa đường nhựa, tại điểm có tọa độ địa lý 10°59'32,016" vĩ độ Bắc, 106°11'49,082" kinh độ Đông và có độ cao 3,43m.

Từ mốc giới số 175, đường biên giới hướng chung Đông Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°59'27,339" vĩ độ Bắc, 106°11'51,663" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°59'22,545" vĩ độ Bắc, 106°11'56,574" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 175/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,526km.

Mốc giới số 175/1 là mốc phụ đơn, cắm trên bờ ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°59'18,523" vĩ độ Bắc, 106°11'59,520" kinh độ Đông và có độ cao 2,60m.

Từ mốc giới số 175/1, đường biên giới hướng chung Nam - Đông Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°59'13,945" vĩ độ Bắc, 106°12'03,094" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 175/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,451km.

Mốc giới số 175/2 là mốc phụ đơn, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°59'06,264" vĩ độ Bắc, 106°12'07,634" kinh độ Đông và có độ cao 2,36m.

Từ mốc giới số 175/2, đường biên giới hướng chung Nam - Đông Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°58'59,413" vĩ độ Bắc, 106°12'11,284" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 175/3. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,488km.

Mốc giới số 175/3 là mốc phụ đơn, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°58'52,313" vĩ độ Bắc, 106°12'15,318" kinh độ Đông và có độ cao 2,42m.

Từ mốc giới số 175/3, đường biên giới hướng chung Nam - Đông Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°58'46,979" vĩ độ Bắc, 106°12'17,965" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 175/4. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,402km.

Mốc giới số 175/4 là mốc phụ đơn, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°58'40,306" vĩ độ Bắc, 106°12'20,573" kinh độ Đông và có độ cao 2,28m.

Từ mốc giới số 175/4, đường biên giới hướng chung hướng Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°58'37,026" vĩ độ Bắc, 106°12'21,031" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 176. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,210km.

Mốc giới số 176 là mốc đơn, loại B, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°58'33,549" vĩ độ Bắc, 106°12'20,432" kinh độ Đông và có độ cao 1,85m.

Từ mốc giới số 176, đường biên giới hướng Tây - Tây Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 176/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,279km.

Mốc giới số 176/1 là mốc phụ đơn, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°58'29,814" vĩ độ Bắc, 106°12'12,040" kinh độ Đông và có độ cao 1,99m.

Từ mốc giới số 176/1, đường biên giới hướng chung Tây - Tây Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°58'28,183" vĩ độ Bắc, 106°12'04,661" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 176/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,462km.

Mốc giới số 176/2 là mốc phụ đơn, cắm cạnh đường mòn, tại điểm có tọa độ địa lý 10°58'26,525" vĩ độ Bắc, 106°11'57,175" kinh độ Đông và có độ cao 2,49m.

Từ mốc giới số 176/2, đường biên giới hướng chung Tây - Tây Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°58'24,896" vĩ độ Bắc, 106°11'49,809" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 176/3. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,466km.

Mốc giới số 176/3 là mốc phụ đơn, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°58'23,213" vĩ độ Bắc, 106°11'42,199" kinh độ Đông và có độ cao 2,05m.

Từ mốc giới số 176/3, đường biên giới hướng chung hướng Tây, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°58'21,558" vĩ độ Bắc, 106°11'34,728" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 177. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,421km.

Mốc giới số 177 là mốc đơn, loại C, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°58'21,539" vĩ độ Bắc, 106°11'28,503" kinh độ Đông và có độ cao 1,64m.

Từ mốc giới số 177, đường biên giới hướng Tây, theo đường thẳng đến mốc giới số 177/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,125km.

Mốc giới số 177/1 là mốc phụ đơn, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°58'22,009" vĩ độ Bắc, 106°11'24,419" kinh độ Đông và có độ cao 1,95m.

Từ mốc giới số 177/1, đường biên giới hướng chung Tây - Tây Bắc, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°58'25,095" vĩ độ Bắc, 106°11'14,651" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 177/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,554km.

Mốc giới số 177/2 là mốc phụ đơn, cắm trên bờ ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°58'27,972" vĩ độ Bắc, 106°11'07,213" kinh độ Đông và có độ cao 2,33m.

Từ mốc giới số 177/2, đường biên giới hướng chung hướng Tây, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°58'28,213" vĩ độ Bắc, 106°11'00,795" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 178. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,483km.

Mốc giới số 178 là mốc đơn, loại C, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°58'28,582" vĩ độ Bắc, 106°10'51,321" kinh độ Đông và có độ cao 2,59m.

Từ mốc giới số 178, đường biên giới hướng Tây, theo đường thẳng đến mốc giới số 178/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,098km.

Mốc giới số 178/1 là mốc phụ đơn, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°58'28,008" vĩ độ Bắc, 106°10'48,153" kinh độ Đông và có độ cao 2,12m.

Từ mốc giới số 178/1, đường biên giới hướng chung Tây - Tây Bắc, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°58'32,222" vĩ độ Bắc, 106°10'40,646" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 178/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,459km.

Mốc giới số 178/2 là mốc phụ đơn, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°58'35,225" vĩ độ Bắc, 106°10'34,915" kinh độ Đông và có độ cao 2,06m.

Từ mốc giới số 178/2, đường biên giới hướng Tây - Tây Bắc, theo đường thẳng đến mốc giới số 178/3. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,400km.

Mốc giới số 178/3 là mốc phụ đơn, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°58'42,179" vĩ độ Bắc, 106°10'23,767" kinh độ Đông và có độ cao 2,44m.

Từ mốc giới số 178/3, đường biên giới hướng Tây - Tây Bắc, theo đường thẳng đến mốc giới số 179. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,223km.

Mốc giới số 179 là mốc đơn, loại C, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°58'46,224" vĩ độ Bắc, 106°10'17,660" kinh độ Đông và có độ cao 2,27m.

Từ mốc giới số 179, đường biên giới hướng chung Tây - Tây Bắc, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°58'46,649" vĩ độ Bắc, 106°10'14,245" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 179/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,215km.

Mốc giới số 179/1 là mốc phụ đơn, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°58'47,764" vĩ độ Bắc, 106°10'10,772" kinh độ Đông và có độ cao 2,45m.

Từ mốc giới số 179/1, đường biên giới hướng chung Tây - Tây Bắc, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°58'48,566" vĩ độ Bắc, 106°10'07,885" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 179/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,170km.

Mốc giới số 179/2 là mốc phụ đơn, cắm trên bờ ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°58'48,581" vĩ độ Bắc, 106°10'05,291" kinh độ Đông và có độ cao 2,95m.

Từ mốc giới số 179/2, đường biên giới hướng chung hướng Tây, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°58'48,398" vĩ độ Bắc, 106°10'01,941" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 179/3. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,186km.

Mốc giới số 179/3 là mốc phụ đơn, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°58'47,979" vĩ độ Bắc, 106°09'59,201" kinh độ Đông và có độ cao 2,36m.

Từ mốc giới số 179/3, đường biên giới hướng chung hướng Tây, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°58'47,716" vĩ độ Bắc, 106°09'55,664" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 180. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,279km.

Mốc giới số 180 là mốc đơn, loại C, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°58'46,967" vĩ độ Bắc, 106°09'50,075" kinh độ Đông và có độ cao 2,07m.

Từ mốc giới số 180, đường biên giới hướng Tây, theo đường thẳng đến mốc giới số 180/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,185km.

Mốc giới số 180/1 là mốc phụ đơn, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°58'46,379" vĩ độ Bắc, 106°09'44,004" kinh độ Đông và có độ cao 2,48m.

Từ mốc giới số 180/1, đường biên giới hướng chung hướng Tây, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°58'46,606" vĩ độ Bắc, 106°09'39,913" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 180/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,249km.

Mốc giới số 180/2 là mốc phụ đơn, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°58'47,586" vĩ độ Bắc, 106°09'35,938" kinh độ Đông và có độ cao 2,58m.

Từ mốc giới số 180/2, đường biên giới hướng Tây - Tây Bắc, theo đường thẳng đến mốc giới số 180/3. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,249km.

Mốc giới số 180/3 là mốc phụ đơn, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°58'51,164" vĩ độ Bắc, 106°09'28,562" kinh độ Đông và có độ cao 2,52m.

Từ mốc giới số 180/3, đường biên giới hướng Tây Bắc, theo đường thẳng đến mốc giới số 180/4. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,285km.

Mốc giới số 180/4 là mốc phụ đơn, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°58'57,094" vĩ độ Bắc, 106°09'21,346" kinh độ Đông và có độ cao 2,41m.

Từ mốc giới số 180/4, đường biên giới hướng Tây Bắc, theo đường thẳng đến mốc giới số 181. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,195km.

Mốc giới số 181 là mốc đơn, loại C, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°59'01,522" vĩ độ Bắc, 106°09'16,764" kinh độ Đông và có độ cao 2,58m.

Từ mốc giới số 181, đường biên giới hướng Tây Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 181/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,312km.

Mốc giới số 181/1 là mốc phụ đơn, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°58'54,009" vĩ độ Bắc, 106°09'09,828" kinh độ Đông và có độ cao 2,98m.

Từ mốc giới số 181/1, đường biên giới hướng Tây - Tây Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 181/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,296km.

Mốc giới số 181/2 là mốc phụ đơn, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°58'48,695" vĩ độ Bắc, 106°09'01,680" kinh độ Đông và có độ cao 2,72m.

Từ mốc giới số 181/2, đường biên giới hướng chung hướng Tây, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°58'47,273" vĩ độ Bắc, 106°08'57,148"

kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 181/3. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,442km.

Mốc giới số 181/3 là mốc phụ đơn, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°58'46,266" vĩ độ Bắc, 106°08'47,386" kinh độ Đông và có độ cao 2,71m.

Từ mốc giới số 181/3, đường biên giới hướng chung Tây Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°58'38,837" vĩ độ Bắc, 106°08'42,549" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 182. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,388km.

Mốc giới số 182 là mốc đơn, loại C, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°58'36,226" vĩ độ Bắc, 106°08'39,767" kinh độ Đông và có độ cao 3,12m.

Từ mốc giới số 182, đường biên giới hướng chung Nam - Đông Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°58'25,807" vĩ độ Bắc, 106°08'41,626" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 182/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,460km.

Mốc giới số 182/1 là mốc phụ đơn, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°58'21,593" vĩ độ Bắc, 106°08'42,833" kinh độ Đông và có độ cao 3,93m.

Từ mốc giới số 182/1, đường biên giới hướng chung Nam - Đông Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°58'12,194" vĩ độ Bắc, 106°08'45,673" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 183. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,427km.

Mốc giới số 183 là mốc đơn, loại C, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°58'08,144" vĩ độ Bắc, 106°08'46,249" kinh độ Đông và có độ cao 4,18m.

Đoạn biên giới từ mốc giới số 183 đến mốc giới số 189 chưa phân giới trên thực địa.

Mốc giới số 189 là mốc đơn, loại C, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°53'16,672" vĩ độ Bắc, 106°09'42,891" kinh độ Đông và có độ cao 2,69m.

Từ mốc giới số 189, đường biên giới hướng Nam - Đông Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 189/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,543km.

Mốc giới số 189/1 là mốc phụ đơn, cắm phía Nam kênh không tên, tại điểm có tọa độ địa lý 10°53'01,023" vĩ độ Bắc, 106°09'51,240" kinh độ Đông và có độ cao 4,49m.

Từ mốc giới số 189/1, đường biên giới hướng Nam - Đông Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 189/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,448km.

Mốc giới số 189/2 là mốc phụ đơn, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°52'48,128" vĩ độ Bắc, 106°09'58,122" kinh độ Đông và có độ cao 2,57m.

Từ mốc giới số 189/2, đường biên giới hướng Nam - Đông Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 189/3. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,648km.

Mốc giới số 189/3 là mốc phụ đơn, cắm trên bãi đất trống, tại điểm có tọa độ địa lý 10°52'29,465" vĩ độ Bắc, 106°10'08,070" kinh độ Đông và có độ cao 2,07m.

Từ mốc giới số 189/3, đường biên giới hướng Nam - Đông Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 190. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,384km.

Mốc giới số 190 là mốc đơn, loại C, cắm trong rừng tràm, tại điểm có tọa độ địa lý 10°52'18,399" vĩ độ Bắc, 106°10'13,972" kinh độ Đông và có độ cao 2,09m.

Từ mốc giới số 190, đường biên giới hướng Nam - Đông Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 190/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,841km.

Mốc giới số 190/1 là mốc phụ đơn, cắm trong rừng tràm, tại điểm có tọa độ địa lý 10°51'54,171" vĩ độ Bắc, 106°10'26,882" kinh độ Đông và có độ cao 2,25m.

Từ mốc giới số 190/1, đường biên giới hướng Nam - Đông Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 190/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,784km.

Mốc giới số 190/2 là mốc phụ đơn, cắm trong rừng tràm, tại điểm có tọa độ địa lý 10°51'31,579" vĩ độ Bắc, 106°10'38,921" kinh độ Đông và có độ cao 2,15m.

Từ mốc giới số 190/2, đường biên giới hướng Nam - Đông Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 191. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,044km.

Mốc giới số 191 là mốc đơn, loại C, cắm trong rừng tràm, tại điểm có tọa độ địa lý 10°51'01,523" vĩ độ Bắc, 106°10'54,934" kinh độ Đông và có độ cao 1,92m.

Từ mốc giới số 191, đường biên giới hướng Nam - Đông Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 191/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,843km.

Mốc giới số 191/1 là mốc phụ đơn, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°50'36,994" vĩ độ Bắc, 106°11'07,408" kinh độ Đông và có độ cao 1,94m.

Từ mốc giới số 191/1, đường biên giới hướng Nam - Đông Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 192. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,698km.

Mốc giới số 192 là mốc đơn, loại C, cắm trong rừng tràm, tại điểm có tọa độ địa lý 10°50'16,697" vĩ độ Bắc, 106°11'17,727" kinh độ Đông và có độ cao 2,08m.

Đoạn biên giới từ mốc giới số 192 đến mốc giới số 194 chưa phân giới trên thực địa.

Mốc giới số 194 là mốc đơn, loại C, cắm trong rừng tràm, tại điểm có tọa độ địa lý 10°47'24,082" vĩ độ Bắc, 106°11'24,314" kinh độ Đông và có độ cao 1,88m.

Từ mốc giới số 194, đường biên giới hướng Tây Bắc, theo đường thẳng đến mốc giới số 194/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,605km.

Mốc giới số 194/1 là mốc phụ đơn, cắm trong rừng tràm, tại điểm có tọa độ địa lý 10°47'36,885" vĩ độ Bắc, 106°11'09,200" kinh độ Đông và có độ cao 2,04m.

Từ mốc giới số 194/1, đường biên giới hướng Tây Bắc, theo đường thẳng đến mốc giới số 195. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,607km.

Mốc giới số 195 là mốc đơn, loại C, cắm trên bãi đất trống, tại điểm có tọa độ địa lý 10°47'49,732" vĩ độ Bắc, 106°10'54,034" kinh độ Đông và có độ cao 2,30m.

Từ mốc giới số 195, đường biên giới hướng Tây Bắc, theo đường thẳng đến mốc giới số 195/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,165km.

Mốc giới số 195/1 là mốc phụ đơn, cắm trên bãi đất trống, tại điểm có tọa độ địa lý 10°48'14,413" vĩ độ Bắc, 106°10'24,894" kinh độ Đông và có độ cao 2,30m.

Từ mốc giới số 195/1, đường biên giới hướng Tây Bắc, theo đường thẳng đến mốc giới số 195/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,652km.

Mốc giới số 195/2 là mốc phụ đơn, cắm trên bãi đất trống, tại điểm có tọa độ địa lý 10°48'28,229" vĩ độ Bắc, 106°10'08,593" kinh độ Đông và có độ cao 2,18m.

Từ mốc giới số 195/2, đường biên giới hướng Tây Bắc, theo đường thẳng đến mốc giới số 196. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,649km.

Mốc giới số 196 là mốc đơn, loại C, cắm trên bãi đất trống, tại điểm có tọa độ địa lý 10°48'41,985" vĩ độ Bắc, 106°09'52,356" kinh độ Đông và có độ cao 2,11m.

Từ mốc giới số 196, đường biên giới hướng Tây, theo đường thẳng đến mốc giới số 196/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,760km.

Mốc giới số 196/1 là mốc phụ đơn, cắm trên bãi đất trống, tại điểm có tọa độ địa lý 10°48'40,543" vĩ độ Bắc, 106°09'27,377" kinh độ Đông và có độ cao 2,44m.

Từ mốc giới số 196/1, đường biên giới hướng Tây, theo đường thẳng đến mốc giới số 197. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,880km.

Mốc giới số 197 là mốc đơn, loại C, cắm trên bãi đất trống, tại điểm có tọa độ địa lý 10°48'38,872" vĩ độ Bắc, 106°08'58,436" kinh độ Đông và có độ cao 2,63m.

Từ mốc giới số 197, đường biên giới hướng Tây, theo đường thẳng đến mốc giới số 197/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,969km.

Mốc giới số 197/1 là mốc phụ đơn, cắm trên bờ ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°48'37,031" vĩ độ Bắc, 106°08'26,570" kinh độ Đông và có độ cao 2,69m.

Từ mốc giới số 197/1, đường biên giới hướng Tây, theo đường thẳng đến mốc giới số 197/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,830km.

Mốc giới số 197/2 là mốc phụ đơn, cắm trên bờ ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°48'35,459" vĩ độ Bắc, 106°07'59,280" kinh độ Đông và có độ cao 2,90m.

Từ mốc giới số 197/2, đường biên giới hướng Tây, theo đường thẳng đến mốc giới số 197/3. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,783km.

Mốc giới số 197/3 là mốc phụ đơn, cắm trên bãi đất trống, tại điểm có tọa độ địa lý 10°48'33,958" vĩ độ Bắc, 106°07'33,546" kinh độ Đông và có độ cao 2,23m.

Từ mốc giới số 197/3, đường biên giới hướng Tây, theo đường thẳng đến mốc giới số 198. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,862km.

Mốc giới số 198 là mốc đơn, loại C, cắm trên bãi đất trống, tại điểm có tọa độ địa lý 10°48'32,317" vĩ độ Bắc, 106°0705,206" kinh độ Đông và có độ cao 2,41m.

Từ mốc giới số 198, đường biên giới hướng Tây, theo đường thẳng đến mốc giới số 198/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,000km.

Mốc giới số 198/1 là mốc phụ đơn, cắm phía Đông đường đất, tại điểm có tọa độ địa lý 10°48'30,443" vĩ độ Bắc, 106°06'32,325" kinh độ Đông và có độ cao 2,18m.

Từ mốc giới số 198/1, đường biên giới hướng Tây, theo đường thẳng đến mốc giới số 198/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,721km.

Mốc giới số 198/2 là mốc phụ đơn, cắm trên bờ ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°48'29,053" vĩ độ Bắc, 106°06'08,636" kinh độ Đông và có độ cao 2,32m.

Từ mốc giới số 198/2, đường biên giới hướng Tây, theo đường thẳng đến mốc giới số 199. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,699km.

Mốc giới số 199 là mốc đơn, loại C, cắm trên bãi đất trống, tại điểm có tọa độ địa lý 10°48'27,725" vĩ độ Bắc, 106°05'45,663" kinh độ Đông và có độ cao 2,03m.

Từ mốc giới số 199, đường biên giới hướng Tây, theo đường thẳng đến mốc giới số 199/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,186km.

Mốc giới số 199/1 là mốc phụ đơn, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°48'33,956" vĩ độ Bắc, 106°05'07,119" kinh độ Đông và có độ cao 2,16m.

Từ mốc giới số 199/1, đường biên giới hướng Tây, theo đường thẳng đến mốc giới số 199/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,678km.

Mốc giới số 199/2 là mốc phụ đơn, cắm trên bờ ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°48'37,507" vĩ độ Bắc, 106°04'45,088" kinh độ Đông và có độ cao 2,39m.

Từ mốc giới số 199/2, đường biên giới hướng Tây, theo đường thẳng đến mốc giới số 200. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,916km.

Mốc giới số 200 là mốc đơn, loại C, cắm phía Tây kênh Cà Dứa (kênh không tên), tại điểm có tọa độ địa lý 10°48'42,313" vĩ độ Bắc, 106°04'15,325" kinh độ Đông và có độ cao 2,74m.

Từ mốc giới số 200, đường biên giới hướng chung Tây - Tây Bắc, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý là 10°48'51,303" vĩ độ Bắc, 106°04'00,217" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 200/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,658km.

Mốc giới số 200/1 là mốc phụ đơn, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°48'53,597" vĩ độ Bắc, 106°03'56,932" kinh độ Đông và có độ cao 2,73m.

Từ mốc giới số 200/1, đường biên giới hướng Tây Bắc, theo đường thẳng đến mốc giới số 200/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,739km.

Mốc giới số 200/2 là mốc phụ đơn, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°49'07,793" vĩ độ Bắc, 106°03'37,282" kinh độ Đông và có độ cao 2,69m.

Từ mốc giới số 200/2, đường biên giới hướng Tây Bắc, theo đường thẳng đến mốc giới số 200/3. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,642km.

Mốc giới số 200/3 là mốc phụ đơn, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°49'20,371" vĩ độ Bắc, 106°03'20,409" kinh độ Đông và có độ cao 2,59m.

Từ mốc giới số 200/3, đường biên giới hướng Tây Bắc, theo đường thẳng đến mốc giới số 201. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,811km.

Mốc giới số 201 là mốc đơn, loại C, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°49'35,705" vĩ độ Bắc, 106°02'58,688" kinh độ Đông và có độ cao 1,39m.

Từ mốc giới số 201, đường biên giới hướng Tây Bắc, theo đường thẳng đến mốc giới số 201/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,816km.

Mốc giới số 201/1 là mốc phụ đơn, cắm trên bờ ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°49'51,147" vĩ độ Bắc, 106°02'36,819" kinh độ Đông và có độ cao 2,72m.

Từ mốc giới số 201/1, đường biên giới hướng Tây Bắc, theo đường thẳng đến mốc giới số 201/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,936km.

Mốc giới số 201/2 là mốc phụ đơn, cắm trên bãi đất trống, tại điểm có tọa độ địa lý 10°50'08,853" vĩ độ Bắc, 106°02'11,744" kinh độ Đông và có độ cao 3,29m.

Từ mốc giới số 201/2, đường biên giới hướng Tây Bắc, theo đường thẳng đến mốc giới số 202. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,908km.

Mốc giới số 202 là mốc đơn, loại C, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°50'26,034" vĩ độ Bắc, 106°01'47,414" kinh độ Đông và có độ cao 2,64m.

Từ mốc giới số 202, đường biên giới hướng Tây Bắc, theo đường thẳng đến mốc giới số 202/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,605km.

Mốc giới số 202/1 là mốc phụ đơn, cắm trên bờ ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°50'37,493" vĩ độ Bắc, 106°01'31,192" kinh độ Đông và có độ cao 3,10m.

Từ mốc giới số 202/1, đường biên giới hướng Tây Bắc, theo đường thẳng đến mốc giới số 202/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,988km.

Mốc giới số 202/2 là mốc phụ đơn, cắm trên bờ ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°50'56,182" vĩ độ Bắc, 106°01'04,717" kinh độ Đông và có độ cao 3,49m.

Từ mốc giới số 202/2, đường biên giới hướng Tây Bắc, theo đường thẳng đến mốc giới số 203. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,943km.

Mốc giới số 203 là mốc đơn, loại C, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°51'14,022" vĩ độ Bắc, 106°00'39,459" kinh độ Đông và có độ cao 3,07m.

Đoạn biên giới từ mốc giới số 203 đến vị trí mốc giới số 208/1 chưa phân giới trên thực địa.

Mốc giới số 208/1 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc số 208/1(1) cắm trên bờ rạch Rồ (prêch Kam Pong Rô) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 10°54'21,441" vĩ độ Bắc, 105°56'47,949" kinh độ Đông và có độ cao 3,42m, cách vị trí mốc giới số 208/1 là 27,85m; cột mốc số 208/1(2) cắm trên bờ rạch Rồ (prêch Kam Pong Rô) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 10°54'22,243" vĩ độ Bắc, 105°56'49,619" kinh độ Đông và có độ cao 3,08m, cách vị trí mốc giới số 208/1 là 28,51m.

Từ vị trí mốc giới số 208/1, đường biên giới hướng chung Nam - Đông Nam, xuôi theo trung tuyến dòng chảy của rạch Rồ (prêch Kam Pong Rô) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 208/2(1) và cột mốc số 208/2(2) với trung tuyến dòng chảy của rạch Rồ (prêch Kam Pong Rô), tức là vị trí mốc giới số 208/2. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài 0,858km.

Mốc giới số 208/2 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc số 208/2(1) cắm trên bờ rạch Rồ (prêch Kam Pong Rô) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 10°53'57,217" vĩ độ Bắc, 105°56'59,285" kinh độ Đông và có độ cao 2,25m, cách vị trí mốc giới số 208/2 là 18,19m; cột mốc số 208/2(2) cắm trên bờ rạch Rồ (prêch Kam Pong Rô) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 10°53'58,208" vĩ độ Bắc, 105°56'59,947" kinh độ Đông và có độ cao 2,53m, cách vị trí mốc giới số 208/2 là 18,29m.

Từ vị trí mốc giới số 208/2, đường biên giới hướng chung Nam - Đông Nam, xuôi theo trung tuyến dòng chảy của rạch Rồ (prêch Kam Pong Rô) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 208/3(1) và cột mốc số 208/3(2) với trung tuyến dòng chảy của rạch Rồ (prêch Kam Pong Rô), tức là vị trí mốc giới số 208/3. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài 2,136km.

Mốc giới số 208/3 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc số 208/3(1) cắm trên bờ rạch Rồ (prêch Kam Pong Rô) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 10°53'04,383" vĩ độ Bắc, 105°57'21,875" kinh độ Đông và có độ cao 2,58m, cách vị trí mốc giới số 208/3 là 21,36m; cột mốc số 208/3(2) cắm trên bờ rạch Rồ (prêch Kam Pong Rô) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 10°53'04,707" vĩ độ Bắc, 105°57'23,316" kinh độ Đông và có độ cao 2,79m, cách vị trí mốc giới số 208/3 là 23,50m.

Từ vị trí mốc giới số 208/3, đường biên giới hướng chung Tây Nam, xuôi theo trung tuyến dòng chảy của rạch Rồ (prêch Kam Pong Rô) đến giao điểm của đoạn

thẳng nối liền cột mốc số 208/4(1) và cột mốc số 208/4(2) với trung tuyến dòng chảy của rạch Rồ (prêch Kam Pong Rô), tức là vị trí mốc giới số 208/4. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài 1,632km.

Mốc giới số 208/4 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc số 208/4(1) cắm trên bờ rạch Rồ (prêch Kam Pong Rô) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 10°52'28,799" vĩ độ Bắc, 105°56'48,251" kinh độ Đông và có độ cao 2,02m, cách vị trí mốc giới số 208/4 là 29,76m; cột mốc số 208/4(2) cắm trên bờ rạch Rồ (prêch Kam Pong Rô) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 10°52'27,396" vĩ độ Bắc, 105°56'49,826" kinh độ Đông và có độ cao 2,45m, cách vị trí mốc giới số 208/4 là 34,61m.

Từ vị trí mốc giới số 208/4, đường biên giới hướng chung Tây Nam, xuôi theo trung tuyến dòng chảy của rạch Rồ (prêch Kam Pong Rô) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 208/5(1) và cột mốc số 208/5(2) với trung tuyến dòng chảy của rạch Rồ (prêch Kam Pong Rô), tức là vị trí mốc giới số 208/5. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài 1,280km.

Mốc giới số 208/5 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc số 208/5(1) cắm trên bờ rạch Rồ (prêch Kam Pong Rô) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 10°52'09,275" vĩ độ Bắc, 105°56'23,340" kinh độ Đông và có độ cao 2,35m, cách vị trí mốc giới số 208/5 là 28,92m; cột mốc số 208/5(2) cắm trên bờ rạch Rồ (prêch Kam Pong Rô) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 10°52'07,896" vĩ độ Bắc, 105°56'24,667" kinh độ Đông và có độ cao 2,72m, cách vị trí mốc giới số 208/5(2) là 29,54m.

Từ vị trí mốc giới số 208/5, đường biên giới hướng chung Tây Nam, xuôi theo trung tuyến dòng chảy của rạch Rồ (prêch Kam Pong Rô) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 209(1) và cột mốc số 209(2) với trung tuyến dòng chảy của rạch Rồ (prêch Kam Pong Rô), tức là vị trí mốc giới số 209. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài 2,102km.

Mốc giới số 209 là mốc đôi cùng số, loại C: Cột mốc số 209(1) cắm trên bờ rạch Rồ (prêch Kam Pong Rô) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 10°51'32,710" vĩ độ Bắc, 105°55'43,914" kinh độ Đông và có độ cao 2,13m, cách vị trí mốc giới số 209 là 40,09m; cột mốc số 209(2) cắm trên bờ rạch Rồ (prêch Kam Pong Rô) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 10°51'33,493" vĩ

độ Bắc, 105°55'45,891" kinh độ Đông và có độ cao 1,52m, cách vị trí mốc giới số 209 là 24,60m.

Từ vị trí mốc giới số 209, đường biên giới hướng chung hướng Nam, xuôi theo trung tuyến dòng chảy của rạch Rồ (prêch Kam Pong Rô), đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 209/1(1) và cột mốc số 209/1(2) với trung tuyến dòng chảy của rạch Rồ (prêch Kam Pong Rô), tức là vị trí mốc giới số 209/1. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài 1,307km.

Mốc giới số 209/1 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc số 209/1(1) cắm trên bờ rạch Rồ (prêch Kam Pong Rô) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 10°51'00,734" vĩ độ Bắc, 105°55'49,704" kinh độ Đông và có độ cao 3,17m, cách vị trí mốc giới số 209/1 là 19,57m; cột mốc số 209/1(2) cắm trên bờ rạch Rồ (prêch Kam Pong Rô) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 10°51'00,458" vĩ độ Bắc, 105°55'50,952" kinh độ Đông và có độ cao 2,82m, cách vị trí mốc giới số 209/1 là 19,26m.

Từ vị trí mốc giới số 209/1, đường biên giới hướng chung Đông Nam, xuôi theo trung tuyến dòng chảy của rạch Rồ (prêch Kam Pong Rô) đến giao điểm trung tuyến dòng chảy của rạch Rồ (prêch Kam Pong Rô) với trung tuyến dòng chảy của rạch Tầm Đuông chảy ra từ lãnh thổ Việt Nam, tức là vị trí mốc giới số 209/2. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài là 0,960km.

Mốc giới số 209/2 là mốc phụ ba cùng số, gồm có:

- Cột mốc số 209/2(1) cắm trên bờ rạch Rồ (prêch Kam Pong Rô) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 10°50'43,355" vĩ độ Bắc, 105°56'09,873" kinh độ Đông và có độ cao 2,64m, cách vị trí mốc giới số 209/2 là 46,78m; khoảng cách từ cột mốc số 209/2(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 209/2(2) có chiều dài là 54,66m; khoảng cách từ cột mốc số 209/2(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 209/2(3) có chiều dài là 50,60m.

- Cột mốc số 209/2(2) cắm trên bờ rạch Rồ (prêch Kam Pong Rô) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 10°50'44,856" vĩ độ Bắc, 105°56'12,045" kinh độ Đông và có độ cao 2,32m, cách vị trí mốc giới số 209/2 là 46,04m; khoảng cách từ cột mốc số 209/2(2) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 209/2(1) có chiều dài là 25,81m.

- Cột mốc số 209/2(3) cắm trên bờ rạch Rồ (prêch Kam Pong Rô) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 10°50'42,454" vĩ độ Bắc, 105°56'12,641" kinh độ Đông và có độ cao 3,92m, cách vị trí mốc giới số 209/2 là 49,26m; khoảng cách từ cột mốc số 209/2(3) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 209/2(1) có chiều dài là 37,86m.

Từ vị trí mốc giới số 209/2, đường biên giới hướng chung hướng Nam, xuôi theo trung tuyến dòng chảy của rạch Rồ (prêch Kam Pong Rô) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 210(1) và cột mốc số 210(2) với trung tuyến dòng chảy của rạch Rồ (prêch Kam Pong Rô), tức là vị trí mốc giới số 210. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài là 0,802km.

Mốc giới số 210 là mốc đôi cùng số, loại C: Cột mốc số 210(1) cắm trên đường biên giới, tại điểm có tọa độ địa lý 10°50'19,466" vĩ độ Bắc, 105°56'05,997" kinh độ Đông và có độ cao 1,65m; cột mốc số 210(2) cắm trên bờ rạch Rồ (prêch Kam Pong Rô) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 10°50'17,860" vĩ độ Bắc, 105°56'09,552" kinh độ Đông và có độ cao 2,30m, cách vị trí mốc giới số 210 là 59,22m.

Đoạn biên giới từ vị trí mốc giới số 210 đến mốc giới số 211 chưa phân giới trên thực địa.

Mốc giới số 211 là mốc đơn, loại A, cắm tại cặp cửa khẩu quốc tế Bình Hiệp (Việt Nam) - Prây Vo (Campuchia), là điểm giao giữa quốc lộ số 62 (Việt Nam) và quốc lộ số 314A (Campuchia) với đường biên giới, tại điểm có tọa độ địa lý 10°50'22,099" vĩ độ Bắc, 105°55'49,853" kinh độ Đông và có độ cao 4,32m.

Đoạn biên giới từ mốc giới số 211 đến mốc giới số 212 chưa phân giới trên thực địa.

Mốc giới số 212 là mốc đơn, loại C, cắm trên bãi đất trống, tại điểm có tọa độ địa lý 10°50'29,908" vĩ độ Bắc, 105°55'01,360" kinh độ Đông và có độ cao 3,15m.

Đoạn biên giới từ mốc giới số 212 đến mốc giới số 213 chưa phân giới trên thực địa.

Mốc giới số 213 là mốc đơn, loại C, cắm trên bãi đất trống, tại điểm có tọa độ địa lý 10°50'40,474" vĩ độ Bắc, 105°53'56,019" kinh độ Đông và có độ cao 3,86m.

Đoạn biên giới từ mốc giới số 213 đến mốc giới số 214 chưa phân giới trên thực địa.

Mốc giới số 214 là mốc đơn, loại C, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°51'00,249" vĩ độ Bắc, 105°53'00,827" kinh độ Đông và có độ cao 3,10m.

Đoạn biên giới từ mốc giới số 214 đến mốc giới số 215 chưa phân giới trên thực địa.

Mốc giới số 215 là mốc đơn, loại C, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°51'27,211" vĩ độ Bắc, 105°51'48,853" kinh độ Đông và có độ cao 2,27m.

Đoạn biên giới từ mốc giới số 215 đến mốc giới số 216(1) chưa phân giới trên thực địa.

Mốc giới số 216(1) là mốc đôi đặc biệt, loại C, cắm trên đường biên giới, phía Đông rạch Chanh (prêch Chan), tại điểm có tọa độ địa lý 10°51'45,771" vĩ độ Bắc, 105°50'59,327" kinh độ Đông và có độ cao 2,81m;

Từ mốc giới số 216(1), đường biên giới hướng Tây Bắc, theo đường thẳng đến mốc giới số 216(2). Chiều dài đoạn biên giới này là 0,129km.

Mốc giới số 216(2) là mốc đôi đặc biệt, loại C, cắm trên đường biên giới, trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°51'49,077" vĩ độ Bắc, 105°50'56,719" kinh độ Đông và có độ cao 2,46m.

Từ mốc giới số 216(2), đường biên giới hướng chung Bắc - Tây Bắc, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°51'51,598" vĩ độ Bắc, 105°50'55,536" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°51'55,423"vĩ độ Bắc, 105°50'54,591" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 216/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,314km.

Mốc giới số 216/1 là mốc phụ đơn, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°51'58,917" vĩ độ Bắc, 105°50'54,552" kinh độ Đông và có độ cao 2,17m.

Từ mốc giới số 216/1, đường biên giới hướng chung Bắc - Đông Bắc, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°52'02,920" vĩ độ Bắc, 105°50'55,651" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 217. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,253km.

Mốc giới số 217 là mốc đơn, loại C, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°52'06,646" vĩ độ Bắc, 105°50'57,344" kinh độ Đông và có độ cao 2,87m.

Từ mốc giới số 217, đường biên giới hướng Bắc - Đông Bắc, theo đường thẳng đến mốc giới số 217/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,483km.

Mốc giới số 217/1 là mốc phụ đơn, cắm trên bờ ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°52'20,813" vĩ độ Bắc, 105°51'04,237" kinh độ Đông và có độ cao 2,38m.

Từ mốc giới số 217/1, đường biên giới hướng Bắc - Đông Bắc, theo đường thẳng đến mốc giới số 218. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,575km.

Mốc giới số 218 là mốc đơn, loại C, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°52'37,680" vĩ độ Bắc, 105°51'12,444" kinh độ Đông và có độ cao 2,79m.

Từ mốc giới số 218, đường biên giới hướng Bắc - Đông Bắc, theo đường thẳng đến mốc giới số 219. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,949km.

Mốc giới số 219 là mốc đơn, loại C, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°53'05,593" vĩ độ Bắc, 105°51'25,855" kinh độ Đông và có độ cao 2,78m.

Từ mốc giới số 219, đường biên giới hướng Bắc - Đông Bắc, theo đường thẳng đến mốc giới số 219/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,850km.

Mốc giới số 219/1 là mốc phụ đơn, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°53'30,737" vĩ độ Bắc, 105°51'37,574" kinh độ Đông và có độ cao 3,46m.

Từ mốc giới số 219/1, đường biên giới hướng chung Bắc - Đông Bắc, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°53'47,015" vĩ độ Bắc, 105°51'45,563" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°53'52,141" vĩ độ Bắc, 105°51'47,293" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 220. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,874km.

Mốc giới số 220 là mốc đơn, loại C, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°53'57,022" vĩ độ Bắc, 105°51'48,095" kinh độ Đông và có độ cao 3,06m.

Đoạn biên giới từ mốc giới số 220 đến mốc giới số 221 chưa phân giới trên thực địa.

Mốc giới số 221 là mốc đơn, loại C, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°54'51,784" vĩ độ Bắc, 105°51'13,785" kinh độ Đông và có độ cao 3,86m.

Từ mốc giới số 221, đường biên giới hướng Tây Bắc, theo đường thẳng đến mốc giới số 221/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,610km.

Mốc giới số 221/1 là mốc phụ đơn, cắm trên bờ ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°55'08,086" vĩ độ Bắc, 105°51'02,307" kinh độ Đông và có độ cao 4,74m.

Từ mốc giới số 221/1, đường biên giới hướng Tây Bắc, theo đường thẳng đến mốc giới số 221/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,671km.

Mốc giới số 221/2 là mốc phụ đơn, cắm trên bờ ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°55'26,008" vĩ độ Bắc, 105°50'49,686" kinh độ Đông và có độ cao 4,13m.

Từ mốc giới số 221/2, đường biên giới hướng Tây Bắc, theo đường thẳng đến mốc giới số 222. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,653km.

Mốc giới số 222 là mốc đơn, loại C, cắm trên bờ ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°55'43,446" vĩ độ Bắc, 105°50'37,410" kinh độ Đông và có độ cao 4,50m.

Từ mốc giới số 222, đường biên giới hướng Tây Bắc, theo đường thẳng đến mốc giới số 223. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,696km.

Mốc giới số 223 là mốc đơn, loại C, cắm trên bờ ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°56'02,044" vĩ độ Bắc, 105°50'24,313" kinh độ Đông và có độ cao 3,54m.

Từ mốc giới số 223, đường biên giới hướng Tây Bắc, theo đường thẳng đến mốc giới số 223/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,783km.

Mốc giới số 223/1 là mốc phụ đơn, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°56'21,870" vĩ độ Bắc, 105°50'08,115" kinh độ Đông và có độ cao 3,01m.

Từ mốc giới số 223/1, đường biên giới hướng Tây Bắc, theo đường thẳng đến mốc giới số 224. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,843km.

Mốc giới số 224 là mốc đơn, loại C, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°56'43,214" vĩ độ Bắc, 105°49'50,671" kinh độ Đông và có độ cao 2,72m.

Từ mốc giới số 224, đường biên giới hướng Tây Bắc, theo đường thẳng đến mốc giới số 224/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,826km.

Mốc giới số 224/1 là mốc phụ đơn, cắm trên bờ ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°57'04,113" vĩ độ Bắc, 105°49'33,558" kinh độ Đông và có độ cao 3,12m.

Từ mốc giới số 224/1, đường biên giới hướng Tây Bắc, theo đường thẳng đến mốc giới số 225. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,772km.

Mốc giới số 225 là mốc đơn, loại C, cắm trên bờ ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°57'23,644" vĩ độ Bắc, 105°49'17,566" kinh độ Đông và có độ cao 3,75m.

Từ mốc giới số 225, đường biên giới hướng Tây Bắc, theo đường thẳng đến mốc giới số 225/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,733km.

Mốc giới số 225/1 là mốc phụ đơn, cắm trên bờ ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°57'42,225" vĩ độ Bắc, 105°49'02,410" kinh độ Đông và có độ cao 3,91m.

Từ mốc giới số 225/1, đường biên giới hướng Tây Bắc, theo đường thẳng đến mốc giới số 226. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,642km.

Mốc giới số 226 là mốc đơn, loại C, cắm trên bờ ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°57'58,487" vĩ độ Bắc, 105°48'49,144" kinh độ Đông và có độ cao 3,93m.

Từ mốc giới số 226, đường biên giới hướng Tây Bắc, theo đường thẳng đến mốc giới số 227. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,921km.

Mốc giới số 227 là mốc đơn, loại C, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°58'21,820" vĩ độ Bắc, 105°48'30,109" kinh độ Đông và có độ cao 4,10m.

Đoạn biên giới từ mốc giới số 227 đến vị trí mốc giới số 229/1 chưa phân giới trên thực địa.

Mốc giới số 229/1 là mốc phụ ba cùng số, gồm có:

- Cột mốc số 229/1(1) cắm trên bờ kênh Cái Cỏ (prêch Kam Pong Snai) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 11°01'49,310" vĩ độ Bắc, 105°46'09,957" kinh độ Đông và có độ cao 5,16m, cách vị trí mốc giới số 229/1 là 48,08m; khoảng cách từ cột mốc số 229/1(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 229/1(2) có chiều dài là 44,06m; khoảng cách từ cột mốc số 229/1(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 229/1(3) có chiều dài là 52,62m.

- Cột mốc số 229/1(2) cắm trên bờ kênh Cái Cỏ (prêch Kam Pong Snai) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 11°01'53,252" vĩ độ Bắc, 105°46'07,524" kinh độ Đông và có độ cao 3,54m, cách vị trí mốc giới số 229/1 là 114,42m; khoảng cách từ cột mốc số 229/1(2) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 229/1(1) có chiều dài là 97,78m.

- Cột mốc số 229/1(3) cắm trên bờ kênh Cái Cỏ (prêch Kam Pong Snai) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 11°01'52,858" vĩ độ Bắc, 105°46'12,083" kinh độ Đông và có độ cao 2,95m, cách vị trí mốc giới số 229/1 là 81,23m; khoảng cách từ cột mốc số 229/1(3) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 229/1(1) có chiều dài là 74,03m.

Từ vị trí mốc giới số 229/1, đường biên giới hướng chung Tây - Tây Nam, xuôi theo trung tuyến dòng chảy của kênh Cái Cỏ (prêch Kam Pong Snai), đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 229/2(1) và cột mốc số 229/2(2) với trung tuyến dòng chảy của kênh Cái Cỏ (prêch Kam Pong Snai), tức là vị trí

mốc giới số 229/2. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài là 0,879km.

Mốc giới số 229/2 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc số 229/2(1) cắm trên bờ kênh Cái Cỏ (prêch Kam Pong Snai) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 11°01'43,603" vĩ độ Bắc, 105°45'42,374" kinh độ Đông và có độ cao 4,08m, cách vị trí mốc giới số 229/2 là 22,36m; cột mốc số 229/2(2) cắm trên bờ kênh Cái Cỏ (prêch Kam Pong Snai) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 11°01'42,135" vĩ độ Bắc, 105°45'42,824" kinh độ Đông và có độ cao 4,06m, cách vị trí mốc giới số 229/2 là 24,78m.

Từ vị trí mốc giới số 229/2, đường biên giới hướng chung Tây - Tây Nam, xuôi theo trung tuyến dòng chảy của kênh Cái Cỏ (prêch Kam Pong Snai), đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 229/3(1) và cột mốc số 229/3(2) với trung tuyến dòng chảy của kênh Cái Cỏ (prêch Kam Pong Snai), tức là vị trí mốc giới số 229/3. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài là 1,636km.

Mốc giới số 229/3 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc số 229/3(1) cắm trên bờ kênh Cái Cỏ (prêch Kam Pong Snai) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 11°01'33,362" vĩ độ Bắc, 105°44'56,026" kinh độ Đông và có độ cao 3,23m, cách vị trí mốc giới số 229/3 là 45,29m; cột mốc số 229/3(2) cắm trên bờ kênh Cái Cỏ (prêch Kam Pong Snai) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 11°01'30,793" vĩ độ Bắc, 105°44'56,005" kinh độ Đông và có độ cao 3,90m, cách vị trí mốc giới số 229/3 là 33,60m.

Từ vị trí mốc giới số 229/3, đường biên giới hướng chung hướng Tây, xuôi theo trung tuyến dòng chảy của kênh Cái Cỏ (prêch Kam Pong Snai), đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 229/4(1) và cột mốc số 229/4(2) với trung tuyến dòng chảy của kênh Cái Cỏ (prêch Kam Pong Snai), tức là vị trí mốc giới số 229/4. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài là 1,127km.

Mốc giới số 229/4 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc số 229/4(1) cắm trên bờ kênh Cái Cỏ (prêch Kam Pong Snai) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 11°01'37,696" vĩ độ Bắc, 105°44'20,361" kinh độ Đông và có độ cao 4,06m, cách vị trí mốc giới số 229/4(1) là 20,82m; cột mốc số 229/4(2) cắm trên bờ kênh Cái Cỏ (prêch Kam Pong Snai) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý

11°01'36,272" vĩ độ Bắc, 105°44'20,529" kinh độ Đông và có độ cao 3,36m, cách vị trí mốc giới số 229/4 là 23,21m.

Từ vị trí mốc giới số 229/4, đường biên giới hướng chung Tây - Tây Nam, xuôi theo trung tuyến dòng chảy của kênh Cái Cỏ (prêch Kam Pong Snai) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 229/5(1) và cột mốc số 229/5(2) với trung tuyến dòng chảy của kênh Cái Cỏ (prêch Kam Pong Snai), tức là vị trí mốc giới số 229/5. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài 1,430km.

Mốc giới số 229/5 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc số 229/5(1) cắm trên bờ kênh Cái Cỏ (prêch Kam Pong Snai) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 11°01'27,518" vĩ độ Bắc, 105°43'35,089" kinh độ Đông và có độ cao 3,86m, cách vị trí mốc giới số 229/5 là 22,04m; cột mốc số 229/5(2) cắm trên bờ kênh Cái Cỏ (prêch Kam Pong Snai) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 11°01'26,089" vĩ độ Bắc, 105°43'35,305" kinh độ Đông và có độ cao 3,90m, cách vị trí mốc giới số 229/5 là 22,36m.

Từ vị trí mốc giới số 229/5, đường biên giới hướng chung Tây - Tây Nam, xuôi theo trung tuyến dòng chảy của kênh Cái Cỏ (prêch Kam Pong Snai), đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 229/6(1) và cột mốc số 229/6(2) với trung tuyến dòng chảy của kênh Cái Cỏ (prêch Kam Pong Snai), tức là vị trí mốc giới số 229/6. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài là 1,455km.

Mốc giới số 229/6 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc số 229/6(1) cắm trên bờ kênh Cái Cỏ (prêch Kam Pong Snai) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 11°01'08,179" vĩ độ Bắc, 105°42'51,320" kinh độ Đông và có độ cao 4,58m, cách vị trí mốc giới số 229/6 là 24,77m; cột mốc số 229/6(2) cắm trên bờ kênh Cái Cỏ (prêch Kam Pong Snai) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 11°01'06,954" vĩ độ Bắc, 105°42'52,328" kinh độ Đông và có độ cao 4,19m; cách vị trí mốc giới số 229/6 là 23,73m.

Từ vị trí mốc giới số 229/6, đường biên giới hướng chung Tây Nam, xuôi theo trung tuyến dòng chảy của kênh Cái Cỏ (prêch Kam Pong Snai) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 229/7(1) và cột mốc số 229/7(2) với trung tuyến dòng chảy của kênh Cái Cỏ (prêch Kam Pong Snai), tức là vị trí mốc giới số 229/7. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài là 1,029km.

Mốc giới số 229/7 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc số 229/7(1) cắm trên bờ kênh Cái Cỏ (prêch Kam Pong Snai) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 11°00'49,365" vĩ độ Bắc, 105°42'23,526" kinh độ Đông và có độ cao 3,84m, cách vị trí mốc giới số 229/7 là 26,99m; cột mốc số 229/7(2) cắm trên bờ kênh Cái Cỏ (prêch Kam Pong Snai) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 11°00'48,132" vĩ độ Bắc, 105°42'24,874" kinh độ Đông và có độ cao 4,38m, cách vị trí mốc giới số 229/7 là 28,72m.

Từ vị trí mốc giới số 229/7, đường biên giới hướng chung Tây Nam, xuôi theo trung tuyến dòng chảy của kênh Cái Cỏ (prêch Kam Pong Snai) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 229/8(1) và cột mốc số 229/8(2) với trung tuyến dòng chảy của kênh Cái Cỏ (prêch Kam Pong Snai), tức là vị trí mốc giới số 229/8. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài là 1,304km.

Mốc giới số 229/8 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc số 229/8(1) cắm trên bờ kênh Cái Cỏ (prêch Kam Pong Snai) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 11°00'19,436" vĩ độ Bắc, 105°41'53,762" kinh độ Đông và có độ cao 4,13m, cách vị trí mốc giới số 229/8 là 36,22m; cột mốc số 229/8(2) cắm trên bờ kênh Cái Cỏ (prêch Kam Pong Snai) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 11°00'18,318" vĩ độ Bắc, 105°41'55,799" kinh độ Đông và có độ cao 5,17m, cách vị trí mốc giới số 229/8 là 34,49m.

Từ vị trí mốc giới số 229/8, đường biên giới hướng chung Tây - Tây Nam, xuôi theo trung tuyến dòng chảy của kênh Cái Cỏ (prêch Kam Pong Snai) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 229/9(1) và cột mốc số 229/9(2) với trung tuyến dòng chảy của kênh Cái Cỏ (prêch Kam Pong Snai), tức là vị trí mốc giới số 229/9. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài là 1,950km.

Mốc giới số 229/9 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc số 229/9(1) cắm trên bờ kênh Cái Cỏ (prêch Kam Pong Snai) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 10°59'46,342" vĩ độ Bắc, 105°41'00,533" kinh độ Đông và có độ cao 3,79m, cách vị trí mốc giới số 229/9 là 38,04m; cột mốc số 229/9(2) cắm trên bờ kênh Cái Cỏ (prêch Kam Pong Snai) phía Việt Nam, có tọa độ địa lý 10°59'44,157" vĩ độ Bắc, 105°41'01,594" kinh độ Đông và có độ cao 3,88m, cách vị trí mốc giới số 229/9 là 36,41m.

Từ vị trí mốc giới số 229/9, đường biên giới hướng chung Tây - Tây Nam, xuôi theo trung tuyến dòng chảy của kênh Cái Cỏ (prêch Kam Pong Snai) đến giao điểm của kênh Cái Cỏ (prêch Kam Pong Snai) đoạn thẳng nối liền cột mốc số 229/10(1) và cột mốc số 229/10(2) với trung tuyến dòng chảy của kênh Cái Cỏ (prêch Kam Pong Snai), tức là vị trí mốc giới số 229/10. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài là 2,066km.

Mốc giới số 229/10 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc số 229/10(1) cắm trên bờ kênh Cái Cỏ (prêch Kam Pong Snai) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 10°59'15,197" vĩ độ Bắc, 105°40'00,545" kinh độ Đông và có độ cao 3,53m, cách vị trí mốc giới số 229/10 là 20,43m; cột mốc số 229/10(2) cắm trên bờ kênh Cái Cỏ (prêch Kam Pong Snai) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 10°59'13,719" vĩ độ Bắc, 105°40'00,967" kinh độ Đông và có độ cao 3,84m; cách vị trí mốc giới số 229/10 là 26,74m.

Từ vị trí mốc giới số 229/10, đường biên giới hướng chung Tây - Tây Nam, xuôi theo trung tuyến dòng chảy của kênh Cái Cỏ (prêch Kam Pong Snai), đến giao điểm trung tuyến dòng chảy của kênh Cái Cỏ (prêch Kam Pong Snai) với trung tuyến dòng chảy của kênh 28 chảy vào lãnh thổ Việt Nam, tức là vị trí mốc giới số 229/11. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài là 1,046km.

Mốc giới số 229/11 là mốc phụ ba cùng số, gồm có:

- Cột mốc số 229/11(1) cắm trên bờ kênh Cái Cỏ (prêch Kam Pong Snai) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 10°59'05,562" vĩ độ Bắc, 105°39'26,982" kinh độ Đông và có độ cao 4,75m, cách vị trí mốc giới số 229/11 là 39,70m; khoảng cách từ cột mốc số 229/11(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 229/11(2) có chiều dài là 53,66m; khoảng cách từ cột mốc số 229/11(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 229/11(3) có chiều dài là 33,25m.

- Cột mốc số 229/11(2) cắm trên bờ kênh Cái Cỏ (prêch Kam Pong Snai) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 10°59'03,958" vĩ độ Bắc, 105°39'29,948" kinh độ Đông và có độ cao 4,83m, cách vị trí mốc giới số 229/11 là 66,22m; khoảng cách từ cột mốc số 229/11(2) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 229/11(1) có chiều dài là 48,98m:

- Cột mốc số 229/11(3) cắm trên bờ kênh Cái Cỏ (prêch Kam Pong Snai) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 10°59'03,304" vĩ độ Bắc, 105°39'27,459" kinh độ Đông và có độ cao 4,84m, cách vị trí mốc giới số 229/11 là 42,07m; khoảng cách từ cột mốc số 229/11(3) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 229/11(1) có chiều dài là 37,59m.

Từ vị trí mốc giới số 229/11, đường biên giới hướng chung Tây - Tây Nam, xuôi theo trung tuyến dòng chảy của kênh Cái Cỏ (prêch Kam Pong Snai) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 229/12(1) và cột mốc số 229/12(2) với trung tuyến dòng chảy của kênh Cái Cỏ (prêch Kam Pong Snai), tức là vị trí mốc giới số 229/12. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài là 1,484km.

Mốc giới số 229/12 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc số 229/12(1) cắm trên bờ kênh Cái Cỏ (prêch Kam Pong Snai) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 10°58'54,831" vĩ độ Bắc, 105°38'40,074" kinh độ Đông và có độ cao 3,22m, cách vị trí mốc giới số 229/12 là 19,64m; cột mốc số 229/12(2) cắm trên bờ kênh Cái Cỏ (prêch Kam Pong Snai) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 10°58'53,455" vĩ độ Bắc, 105°38'40,305" kinh độ Đông và có độ cao 4,89m, cách vị trí mốc giới số 229/12 là 23,22m.

Từ vị trí mốc giới số 229/12, đường biên giới hướng chung Tây - Tây Nam, xuôi theo trung tuyến dòng chảy của kênh Cái Cỏ (prêch Kam Pong Snai) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 229/13(1) và cột mốc số 229/13(2) với trung tuyến dòng chảy của kênh Cái Cỏ (prêch Kam Pong Snai), tức là vị trí mốc giới số 229/13. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài là 1,228km.

Mốc giới số 229/13 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc số 229/13(1) cắm trên bờ kênh Cái Cỏ (prêch Kam Pong Snai) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 10°58'45,461" vĩ độ Bắc, 105°38'00,899" kinh độ Đông và có độ cao 3,47m, cách vị trí mốc giới số 229/13 là 23,65m; cột mốc số 229/13(2) cắm trên bờ kênh Cái Cỏ (prêch Kam Pong Snai) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 10°58'43,887" vĩ độ Bắc, 105°38'01,108" kinh độ Đông và có độ cao 4,41m, cách vị trí mốc giới số 229/13 là 25,11m.

Từ vị trí mốc giới số 229/13, đường biên giới hướng chung Tây - Tây Nam, xuôi theo trung tuyến dòng chảy của kênh Cái Cỏ (prêch Kam Pong Snai) đến

giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 229/14(1) và cột mốc số 229/14(2) với trung tuyến dòng chảy của kênh Cái Cỏ (prêch Kam Pong Snai), tức là vị trí mốc giới số 229/14. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài là 1,198km.

Mốc giới số 229/14 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc số 229/14(1) cắm trên bờ kênh Cái Cỏ (prêch Kam Pong Snai) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 10°58'35,522" vĩ độ Bắc, 105°37'22,752" kinh độ Đông và có độ cao 4,13m, cách vị trí mốc giới số 229/14 là 22,23m; cột mốc số 229/14(2) cắm trên bờ kênh Cái Cỏ (prêch Kam Pong Snai) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 10°58'34,038" vĩ độ Bắc, 105°37'22,933" kinh độ Đông và có độ cao 3,87m, cách vị trí mốc giới số 229/14 là 23,69m.

Từ vị trí mốc giới số 229/14, đường biên giới hướng chung Tây - Tây Nam, xuôi theo trung tuyến dòng chảy của kênh Cái Cỏ (prêch Kam Pong Snai) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 230(1) và cột mốc số 230(2) với trung tuyến dòng chảy của kênh Cái Cỏ (prêch Smau), tức là vị trí mốc giới số 230. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài là 1,103km.

Mốc giới số 230 là mốc đôi cùng số, loại C: Cột mốc số 230(1) cắm trên bờ kênh Cái Cỏ (prêch Smau) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 10°58'26,126" vĩ độ Bắc, 105°36'47,243" kinh độ Đông và có độ cao 2,60m, cách vị trí mốc giới số 230 là 34,72m; cột mốc số 230(2) cắm trên bờ kênh Cái Cỏ (prêch Smau) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 10°58'24,395" vĩ độ Bắc, 105°36'48,459" kinh độ Đông và có độ cao 4,58m, cách vị trí mốc giới số 230 là 30,02m.

Từ vị trí mốc giới số 230, đường biên giới hướng chung Tây - Tây Nam, xuôi theo trung tuyến dòng chảy của kênh Cái Cỏ (prêch Smau), đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 230/1(1) và cột mốc số 230/1(2) với trung tuyến dòng chảy của kênh Cái Cỏ (prêch Smau), tức là vị trí mốc giới số 230/1. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài là 1,112km.

Mốc giới số 230/1 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc số 230/1(1) cắm trên bờ kênh Cái Cỏ (prêch Smau) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 10°58'15,050" vĩ độ Bắc, 105°36'12,836" kinh độ Đông và có độ cao 4,43m, cách vị trí mốc giới số 230/1 là 21,23m; cột mốc số 230/1(2) cắm trên bờ kênh Cái Cỏ (prêch Smau) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 10°58'13,504" vĩ

độ Bắc, 105°36'13,293" kinh độ Đông và có độ cao 4,25m, cách vị trí mốc giới số 230/1 là 28,32m.

Từ vị trí mốc giới số 230/1, đường biên giới hướng chung Tây - Tây Nam, xuôi theo trung tuyến dòng chảy của kênh Cái Cỏ (prêch Smau), đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 230/2(1) và cột mốc số 230/2(2) với trung tuyến dòng chảy của kênh Cái Cỏ (prêch Smau), tức là vị trí mốc giới số 230/2. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài là 1,447km.

Mốc giới số 230/2 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc số 230/2(1) cắm trên bờ kênh Cái Cỏ (prêch Smau) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 10°58'01,815" vĩ độ Bắc, 105°35'27,574" kinh độ Đông và có độ cao 5,38m, cách vị trí mốc giới số 230/2 là 30,82m; cột mốc số 230/2(2) cắm trên bờ kênh Cái Cỏ (prêch Smau) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 10°57'59,652" vĩ độ Bắc, 105°35'28,003" kinh độ Đông và có độ cao 5,57m, cách vị tri mốc giới số 230/2 là 36,87m.

Từ vị trí mốc giới số 230/2, đường biên giới hướng chung Tây - Tây Nam, xuôi theo trung tuyến dòng chảy của kênh Cái Cỏ (prêch Smau), đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 230/3(1) và cột mốc số 230/3(2) với trung tuyến dòng chảy của kênh Cái Cỏ (prêch Smau), tức là vị trí mốc giới số 230/3. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài là 1,171km.

Mốc giới số 230/3 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc số 230/3(1) cắm trên bờ kênh Cái Cỏ (prêch Smau) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 10°57'51,937" vĩ độ Bắc, 105°34'50,224" kinh độ Đông và có độ cao 4,18m, cách vị trí mốc giới số 230/3 là 23,31m; cột mốc số 230/3(2) cắm trên bờ kênh Cái Cỏ (prêch Smau) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 10°57'50,271" vĩ độ Bắc, 105°34'50,802" kinh độ Đông và có độ cao 4,41m, cách vị trí mốc giới số 230/3 là 30,79m.

Từ vị trí mốc giới số 230/3, đường biên giới hướng chung hướng Tây, xuôi theo trung tuyến dòng chảy của kênh Cái Cỏ (prêch Smau), đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 230/4(1) và cột mốc số 230/4(2) với trung tuyến dòng chảy của kênh Cái Cỏ (prêch Smau), tức là vị trí mốc giới số 230/4. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài là 1,536km.

Mốc giới số 230/4 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc số 230/4(1) cắm trên bờ kênh Cái Cỏ (prêch Smau) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý

10°57'43,573" vĩ độ Bắc, 105°34'00,929" kinh độ Đông và có độ cao 3,89m, cách vị trí mốc giới số 230/4 là 27,87m; cột mốc số 230/4(2) cắm trên bờ kênh Cái Cỏ (prêch Smau) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 10°57'41,595" vĩ độ Bắc, 105°34'01,014" kinh độ Đông và có độ cao 5,64m, cách vị trí mốc giới số 230/4 là 33,00m.

Từ vị trí mốc giới số 230/4, đường biên giới hướng chung hướng Tây, xuôi theo trung tuyến dòng chảy của kênh Cái Cỏ (prêch Smau) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 230/5(1) và cột mốc số 230/5(2) với trung tuyến dòng chảy của kênh Cái Cỏ (prêch Smau), tức là vị trí mốc giới số 230/5. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài là 1,005km.

Mốc giới số 230/5 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc số 230/5(1) cắm trên bờ kênh Cái Cỏ (prêch Smau) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 10°57'37,980" vĩ độ Bắc, 105°33'28,336" kinh độ Đông và có độ cao 5,37m, cách vị trí mốc giới số 230/5 là 35,02m; cột mốc số 230/5(2) cắm trên bờ kênh Cái Cỏ (prêch Smau) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 10°57'35,577" vĩ độ Bắc, 105°33'28,599" kinh độ Đông và có độ cao 6,15m, cách vị trí mốc giới số 230/5 là 39,21m.

Từ vị trí mốc giới số 230/5, đường biên giới hướng chung Tây - Tây Nam, xuôi theo trung tuyến dòng chảy của kênh Cái Cỏ (prêch Smau), đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 230/6(1) và cột mốc số 230/6(2) với trung tuyến dòng chảy của kênh Cái Cỏ (prêch Smau), tức là vị trí mốc giới số 230/6. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài là 1,247km.

Mốc giới số 230/6 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc số 230/6(1) cắm trên bờ kênh Cái Cỏ (prêch Smau) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 10°57'24,821" vĩ độ Bắc, 105°32'49,788" kinh độ Đông và có độ cao 4,61m, cách vị trí mốc giới số 230/6 là 23,25m; cột mốc số 230/6(2) cắm trên bờ kênh Cái Cỏ (prêch Smau) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 10°57'23,409" vĩ độ Bắc, 105°32'50,439" kinh độ Đông và có độ cao 3,90m, cách vị trí mốc giới số 230/6 là 24,41m.

Từ vị trí mốc giới số 230/6, đường biên giới hướng chung Tây - Tây Nam, xuôi theo trung tuyến dòng chảy của kênh Cái Cỏ (prêch Smau), đến giao điểm trung tuyến dòng chảy của kênh Cái Cỏ (prêch Smau) với trung tuyến dòng chảy

của kênh 79 chảy vào lãnh thổ Việt Nam, tức là vị trí mốc giới số 230/7. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài là 1,001km.

Mốc giới số 230/7 là mốc phụ ba cùng số, gồm có:

- Cột mốc số 230/7(1) cắm trên bờ kênh Cái Cỏ (prêch Smau) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 10°57'10,344" vĩ độ Bắc, 105°32'20,084" kinh độ Đông và có độ cao 5,06m, cách vị trí mốc giới số 230/7 là 31,38m; khoảng cách từ cột mốc số 230/7(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 230/7(2) có chiều dài là 38,55m; khoảng cách từ cột mốc số 230/7(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 230/7(3) có chiều dài là 31,28m.

- Cột mốc số 230/7(2) cắm trên bờ kênh Cái Cỏ (prêch Smau) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 10°57'09,395" vĩ độ Bắc, 105°32'22,089" kinh độ Đông và có độ cao 5,45m, cách vị trí mốc giới số 230/7 là 41,90m; khoảng cách từ cột mốc số 230/7(2) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 230/7(1) có chiều dài là 28,92m.

- Cột mốc số 230/7(3) cắm trên bờ kênh Cái Cỏ (prêch Smau) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 10°57'08,469" vĩ độ Bắc, 105°32'20,120" kinh độ Đông và có độ cao 6,17m, cách vị trí mốc giới số 230/7 là 37,39m; khoảng cách từ cột mốc số 230/7(3) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 230/7(1) có chiều dài là 26,30m.

Từ vị trí mốc giới số 230/7, đường biên giới hướng chung hướng Tây, xuôi theo trung tuyến dòng chảy của kênh Cái Cỏ (prêch Smau), đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 230/8(1) và cột mốc số 230/8(2) với trung tuyến dòng chảy của kênh Cái Cỏ (prêch Smau), tức là vị trí mốc giới số 230/8. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài là 0,990km.

Mốc giới số 230/8 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc số 230/8(1) cắm trên bờ kênh Cái Cỏ (prêch Smau) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 10°57'05,455" vĩ độ Bắc, 105°31'48,502" kinh độ Đông và có độ cao 3,75m, cách vị trí mốc giới số 230/8 là 24,60m; cột mốc số 230/8(2) cắm trên bờ kênh Cái Cỏ (prêch Smau) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 10°57'03,879" vĩ độ Bắc, 105°31'48,695" kinh độ Đông và có độ cao 3,87m, cách vị trí mốc giới số 230/8 là 24,21m.

Từ vị trí mốc giới số 230/8, đường biên giới hướng chung hướng Tây, xuôi theo trung tuyến dòng chảy của kênh Cái Cỏ (prêch Smau), đến giao điểm trung tuyến dòng chảy của kênh Cái Cỏ (prêch Smau) với trung tuyến dòng chảy của kênh KT1 chảy vào lãnh thổ Việt Nam, tức là vị trí mốc giới số 230/9. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài là 0,644km.

Mốc giới số 230/9 là mốc phụ ba cùng số, gồm có:

- Cột mốc số 230/9(1) cắm trên bờ kênh Cái Cỏ (prêch Smau) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 10°57'02,798" vĩ độ Bắc, 105°31'27,351" kinh độ Đông và có độ cao 4,46m, cách vị trí mốc giới số 230/9 là 24,31m; khoảng cách từ cột mốc số 230/9(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 230/9(2) có chiều dài là 29,72m; khoảng cách từ cột mốc số 230/9(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 230/9(3) có chiều dài là 23,06m.

- Cột mốc số 230/9(2) cắm trên bờ kênh Cái Cỏ (prêch Smau) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 10°57'01,219" vĩ độ Bắc, 105°31'28,798" kinh độ Đông và có độ cao 5,48m, cách vị trí mốc giới số 230/9 là 45,13m; khoảng cách từ cột mốc số 230/9(2) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 230/9(1) có chiều dài là 35,72m.

- Cột mốc số 230/9(3) cắm trên bờ kênh Cái Cỏ (prêch Smau) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 10°57'00,991" vĩ độ Bắc, 105°31'27,057" kinh độ Đông và có độ cao 4,96m, cách vị trí mốc giới số 230/9 là 35,53m; khoảng cách từ cột mốc số 230/9(3) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 230/9(1) có chiều dài là 33,16m.

Từ vị trí mốc giới số 230/9, đường biên giới hướng chung hướng Tây, xuôi theo trung tuyến dòng chảy của kênh Cái Cỏ (prêch Smau), đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 230/10(1) và cột mốc số 230/10(2) với trung tuyến dòng chảy của kênh Cái Cỏ (prêch Smau), tức là vị trí mốc giới số 230/10. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài 0,775km.

Mốc giới số 230/10 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc số 230/10(1) cắm trên bờ kênh Cái Cỏ (prêch Smau) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 10°57'00,071" vĩ độ Bắc, 105°31'02,061" kinh độ Đông và có độ cao 4,99m, cách vị trí mốc giới số 230/10 là 28,77m; cột mốc số 230/10(2) cắm trên bờ kênh Cái Cỏ (prêch Smau) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý

10°56'58,253" vĩ độ Bắc, 105°31'02,411" kinh độ Đông và có độ cao 4,57m, cách vị trí mốc giới số 230/10 là 28,10m.

Từ vị trí mốc giới số 230/10, đường biên giới hướng chung hướng Tây xuôi theo trung tuyến dòng chảy của kênh Cái Cỏ (prêch Smau), đến giao điểm trung tuyến dòng chảy của kênh Cái Cỏ (prêch Smau) với trung tuyến dòng chảy kênh Cái Bát chảy vào lãnh thổ Việt Nam, tức là vị trí mốc giới số 230/11. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài là 1,335km.

Mốc giới số 230/11 là mốc phụ ba cùng số, gồm có:

- Cột mốc số 230/11(1) cắm trên bờ kênh Cái Cỏ (prêch Smau) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 10°56'57,422" vĩ độ Bắc, 105°30'18,397" kinh độ Đông và có độ cao 4,77m, cách vị trí mốc giới số 230/11 là 31,19m; khoảng cách từ cột mốc số 230/11(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 230/11(2) có chiều dài là 34,91m; khoảng cách từ cột mốc số 230/11(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 230/11(3) có chiều dài là 30,88m.

- Cột mốc số 230/11(2) cắm trên bờ kênh Cái Cỏ (prêch Smau) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 10°56'55,958" vĩ độ Bắc, 105°30'19,621" kinh độ Đông và có độ cao 6,55m, cách vị trí mốc số 230/11 là 36,26m; khoảng cách từ cột mốc số 230/11(2) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 230/11(1) có chiều dài là 23,39m.

- Cột mốc số 230/11(3) cắm trên bờ kênh Cái Cỏ (prêch Smau) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 10°56'55,579" vĩ độ Bắc, 105°30'18,004" kinh độ Đông và có độ cao 5,49m, cách vị trí mốc giới số 230/11 là 30,01m; khoảng cách từ cột mốc số 230/11(3) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 230/11(1) có chiều dài là 26,95m.

Từ vị trí mốc giới số 230/11, đường biên giới hướng chung Tây Bắc, xuôi theo trung tuyến dòng chảy của kênh Cái Cỏ (prêch Smau), đến giao điểm trung tuyến dòng chảy của kênh Cái Cỏ (prêch Smau) và trung tuyến luồng của sông Tam Ly (prêch Krom) với trung tuyến dòng chảy của rạch Tờ Ro Béc chảy ra từ lãnh thổ Campuchia, tức là vị trí mốc giới số 231. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài là 0,815km.

Mốc giới số 231 là mốc ba cùng số, loại C, gồm có:

- Cột mốc số 231(1) cắm trên bờ sông Tam Ly (prêch Krom) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 10°57'10,761" vĩ độ Bắc, 105°29'56,727" kinh độ Đông và có độ cao 6,82m, cách vị trí mốc giới số 231 là 32,99m; khoảng cách từ cột mốc số 231(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 231(2) có chiều dài là 34,69m; khoảng cách từ cột mốc số 231(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 231(3) có chiều dài là 34,21m.

- Cột mốc số 231(2) cắm trên bờ sông Tam Ly (prêch Krom) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 10°57'13,097" vĩ độ Bắc, 105°29'55,374" kinh độ Đông và có độ cao 4,57m, cách vị trí mốc giới số 231 là 58,60m; khoảng cách từ cột mốc số 231(2) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 231(1) có chiều dài là 47,96m.

- Cột mốc số 231(3) cắm trên bờ kênh Cái Cỏ (prêch Smau) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 10°57'12,437" vĩ độ Bắc, 105°29'58,557" kinh độ Đông và có độ cao 5,50m, cách vị trí mốc giới số 231 là 55,93m; khoảng cách từ cột mốc số 231(3) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 231(1) có chiều dài là 41,50m.

Từ vị trí mốc giới số 231, đường biên giới hướng chung Nam - Tây Nam, xuôi theo trung tuyến luồng của sông Tam Ly (prêch Krom), đến giao điểm trung tuyến luồng của sông Tam Ly (prêch Krom) và sông Sở Hạ (prêch Krom) với trung tuyến luồng của sông Thông Bình chảy ra từ lãnh thổ Việt Nam, tức là vị trí mốc giới số 231/1. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài là 0,794km.

Mốc giới số 231/1 là mốc phụ ba cùng số, gồm có:

- Cột mốc số 231/1(1) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 10°56'52,345" vĩ độ Bắc, 105°29'46,929" kinh độ Đông và có độ cao 3,27m, cách vị trí mốc giới số 231/1 là 60,61m; khoảng cách từ cột mốc số 231/1(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 231/1(2) có chiều dài là 56,80m; khoảng cách từ cột mốc số 231/1(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 231/1(3) có chiều dài là 33,23m.

- Cột mốc số 231/1(2) cắm trên bờ sông Tam Ly (prêch Krom) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 10°56'49,828" vĩ độ Bắc, 105°29'49,593" kinh độ

Đông và có độ cao 6,24m, cách vị trí mốc giới số 231/1 là 59,42m; khoảng cách từ cột mốc số 231/1(2) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 231/1(1) có chiều dài là 55,08m.

- Cột mốc số 231/1(3) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 10°56'50,309" vĩ độ Bắc, 105°29'46,022" kinh độ Đông và có độ cao 4,06m, cách vị trí mốc giới số 231/1 là 53,96m; khoảng cách từ cột mốc số 231/1(3) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 231/1(1) có chiều dài là 35,08m.

Từ vị trí mốc giới số 231/1, đường biên giới hướng chung Tây - Tây Bắc, xuôi theo trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom), đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 231/2(1) và cột mốc số 231/2(2) với trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom), tức là vị trí mốc giới số 231/2. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài là 1,235km.

Mốc giới số 231/2 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc số 231/2(1) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 10°57'05,784" vĩ độ Bắc, 105°29'12,708" kinh độ Đông và có độ cao 3,13m, cách vị trí mốc giới số 231/2 là 27,16m; cột mốc số 231/2(2) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 10°57'04,162" vĩ độ Bắc, 105°29'11,835" kinh độ Đông và có độ cao 2,83m, cách vị trí mốc giới số 231/2 là 29,26m.

Từ vị trí mốc giới số 231/2, đường biên giới hướng chung Bắc - Tây Bắc, xuôi theo trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom), đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 231/3(1) và cột mốc số 231/3(2) với trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom), tức là vị trí mốc giới số 231/3. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài là 1,060km.

Mốc giới số 231/3 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc số 231/3(1) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 10°57'29,039" vĩ độ Bắc, 105°29'01,259" kinh độ Đông và có độ cao 3,86m, cách vị trí mốc giới số 231/3 là 27,98m; cột mốc số 231/3(2) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 10°57'28,241" vĩ độ Bắc, 105°28'59,384" kinh độ Đông và có độ cao 4,31m, cách vị trí mốc giới số 231/3 là 34,02m.

Từ vị trí mốc giới số 231/3, đường biên giới hướng chung Tây Bắc, xuôi theo trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 231/4(1) và cột mốc số 231/4(2) với trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom), tức là vị trí mốc giới số 231/4. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài là 0,787km.

Mốc giới số 231/4 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc số 231/4(1) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 10°57'44,799" vĩ độ Bắc, 105°28'42,537" kinh độ Đông và có độ cao 3,61m, cách vị trí mốc giới số 231/4 là 26,61m; cột mốc số 231/4(2) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 10°57'43,219" vĩ độ Bắc, 105°28'41,556" kinh độ Đông và có độ cao 3,60m, cách vị trí mốc giới số 231/4 là 30,32m.

Từ vị trí mốc giới số 231/4, đường biên giới hướng chung Tây - Tây Bắc, xuôi theo trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom) đến giao điểm trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom) với trung tuyến dòng chảy rạch Anh Chanh chảy ra từ lãnh thổ Campuchia, tức là vị trí mốc giới số 231/5. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài là 0,670km.

Mốc giới số 231/5 là mốc phụ ba cùng số, gồm có:

- Cột mốc số 231/5(1) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 10°57'50,645" vĩ độ Bắc, 105°28'23,918" kinh độ Đông và có độ cao 3,83m, cách vị trí mốc giới số 231/5 là 71,69m; khoảng cách từ cột mốc số 231/5(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 231/5(2) có chiều dài là 69,60m; khoảng cách từ cột mốc số 231/5(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 231/5(3) có chiều dài là 76,95m.

- Cột mốc số 231/5(2) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 10°57'54,964" vĩ độ Bắc, 105°28'23,552" kinh độ Đông và có độ cao 3,50m, cách vị trí mốc giới số 231/5 là 71,39m; khoảng cách từ cột mốc số 231/5(2) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 231/5(1) có chiều dài là 63,51m;

- Cột mốc số 231/5(3) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 10°57'54,546" vĩ độ Bắc, 105°28'27,241" kinh độ Đông và có độ cao 3,17m, cách vị trí mốc giới số 231/5 là 95,19m;

khoảng cách từ cột mốc số 231/5(3) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 231/5(1) có chiều dài là 79,66m.

Từ vị trí mốc giới số 231/5, đường biên giới hướng chung hướng Tây, xuôi theo trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom), đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 231/6(1) và cột mốc số 231/6(2) với trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom), tức là vị trí mốc giới số 231/6. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài là 1,015km.

Mốc giới số 231/6 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc số 231/6(1) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 10°57'53,084" vĩ độ Bắc, 105°27'53,969" kinh độ Đông và có độ cao 3,11m, cách vị trí mốc giới số 231/6 là 38,10m; cột mốc số 231/6(2) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 10°57'50,317" vĩ độ Bắc, 105°27'54,613" kinh độ Đông và có độ cao 5,55m, cách vị trí mốc giới số 231/6 là 49,12m.

Từ vị trí mốc giới số 231/6, đường biên giới hướng chung Tây Nam, xuôi theo trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom), đến giao điểm trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom) với trung tuyến dòng chảy của kênh Tân Thành chảy ra từ lãnh thổ Việt Nam, tức là vị trí mốc giới số 231/7. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài là 1,539km.

Mốc giới số 231/7 là mốc phụ ba cùng số, gồm có:

- Cột mốc số 231/7(1) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 10°57'21,425" vĩ độ Bắc, 105°27'16,765" kinh độ Đông và có độ cao 2,52m, cách vị trí mốc giới số 231/7 là 40,32m; khoảng cách từ cột mốc số 231/7(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 231/7(2) có chiều dài là 47,86m; khoảng cách từ cột mốc số 231/7(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 231/7(3) có chiều dài là 34,81m.

- Cột mốc số 231/7(2) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 10°57'19,172" vĩ độ Bắc, 105°27'18,948" kinh độ Đông và có độ cao 7,31m, cách vị trí mốc giới số 231/7 là 59,80m; khoảng cách từ cột mốc số 231/7(2) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 231/7(1) có chiều dài là 47,95m.

- Cột mốc số 231/7(3) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 10°57'19,084" vĩ độ Bắc, 105°27'16,823" kinh độ Đông và có độ cao 5,38m, cách vị trí mốc giới số 231/7 là 37,55m; khoảng cách từ cột mốc số 231/7(3) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 231/7(1) có chiều dài là 37,12m.

Từ vị trí mốc giới số 231/7, đường biên giới hướng chung Tây - Tây Nam, xuôi theo trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom), đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 231/8(1) và cột mốc số 231/8(2) với trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom), tức là vị trí mốc giới số 231/8. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài là 0,403km.

Mốc giới số 231/8 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc số 231/8(1) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 10°57'18,548" vĩ độ Bắc, 105°27'05,543" kinh độ Đông và có độ cao 3,98m, cách vị trí mốc giới số 231/8 là 31,06m; cột mốc số 231/8(2) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 10°57'16,829" vĩ độ Bắc, 105°27'04,507" kinh độ Đông và có độ cao 4,92m, cách vị trí mốc giới số 231/8 là 30,38m.

Từ vị trí mốc giới số 231/8, đường biên giới hướng chung Tây Bắc, xuôi theo trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom), đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 231/9(1) và cột mốc số 231/9(2) với trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom), tức là vị trí mốc giới số 231/9. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài là 0,830km.

Mốc giới số 231/9 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc số 231/9(1) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 10°57'34,256" vĩ độ Bắc, 105°26'44,761" kinh độ Đông và có độ cao 3,40m, cách vị trí mốc giới số 231/9 là 28,57m; cột mốc số 231/9(2) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 10°57'32,578" vĩ độ Bắc, 105°26'43,903" kinh độ Đông và có độ cao 3,20m, cách vị trí mốc giới số 231/9 là 29,18m.

Từ vị trí mốc giới số 231/9, đường biên giới hướng chung Tây Bắc, xuôi theo trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 231/10(1) và cột mốc số 231/10(2) với trung tuyến

luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom), tức là vị trí mốc giới số 231/10. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài là 0,728km.

Mốc giới số 231/10 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc số 231/10(1) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 10°57'47,173" vĩ độ Bắc, 105°26'26,930" kinh độ Đông và có độ cao 3,70m, cách vị trí mốc giới số 231/10 là 53,71m; cột mốc số 231/10(2) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 10°57'45,377" vĩ độ Bắc, 105°26'24,344" kinh độ Đông và có độ cao 4,48m, cách vị trí mốc giới số 231/10 là 42,24m.

Từ vị trí mốc giới số 231/10, đường biên giới hướng chung Tây Bắc, xuôi theo trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 231/11(1) và cột mốc số 231/11(2) với trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom), tức là vị trí mốc giới số 231/11. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài là 0,743km.

Mốc giới số 231/11 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc số 231/11(1) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 10°58'03,846" vĩ độ Bắc, 105°26'12,952" kinh độ Đông và có độ cao 3,76m, cách vị trí mốc giới số 231/11 là 30,56m; cột mốc số 231/11(2) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 10°58'01,872" vĩ độ Bắc, 105°26'11,866" kinh độ Đông và có độ cao 4,04m, cách vị trí mốc giới số 231/11 là 38,45m.

Từ vị trí mốc giới số 231/11, đường biên giới hướng chung Bắc - Tây Bắc, xuôi theo trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom), đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 231/12(1) và cột mốc số 231/12(2) với trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom), tức là vị trí mốc giới số 231/12. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài là 0,777km.

Mốc giới số 231/12 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc số 231/12(1) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 10°58'24,151" vĩ độ Bắc, 105°25'59,546" kinh độ Đông và có độ cao 4,25m, cách vị trí mốc giới số 231/12 là 26,28m; cột mốc số 231/12(2) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 10°58'22,581" vĩ độ Bắc, 105°25'58,503" kinh độ Đông và có độ cao 4,15m, cách vị trí mốc giới số 231/12 là 31,43m.

Từ vị trí mốc giới số 231/12, đường biên giới hướng chung hướng Tây, xuôi theo trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom), đến giao điểm trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom) với trung tuyến dòng chảy của kênh Ăng Cô Oong chảy ra từ lãnh thổ Campuchia, tức là vị trí mốc giới số 231/13. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài là 0,728km.

Mốc giới số 231/13 là mốc phụ ba cùng số, gồm có:

- Cột mốc số 231/13(1) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 10°58'20,709" vĩ độ Bắc, 105°25'36,353" kinh độ Đông và có độ cao 4,25m, cách vị trí mốc giới số 231/13 là 37,45m; khoảng cách từ cột mốc số 231/13(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 231/13(2) có chiều dài là 46,91m; khoảng cách từ cột mốc số 231/13(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 231/13(3) có chiều dài là 46,25m.

- Cột mốc số 231/13(2) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 10°58'25,275" vĩ độ Bắc, 105°25'34,326" kinh độ Đông và có độ cao 3,60m, cách vị trí mốc giới số 231/13 là 125,11m; khoảng cách từ cột mốc số 231/13(2) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 231/13(1) có chiều dài là 106,24m.

- Cột mốc số 231/13(3) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 10°58'23,558" vĩ độ Bắc, 105°25'39,476" kinh độ Đông và có độ cao 4,25m, cách vị trí mốc giới số 231/13 là 100,31m; khoảng cách từ cột mốc số 231/13(3) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 231/13(1) có chiều dài là 82,74m.

Từ vị trí mốc giới số 231/13, đường biên giới hướng chung Nam - Tây Nam, xuôi theo trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom), đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 232(1) và cột mốc số 232(2) với trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom), tức là vị trí mốc giới số 232. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài là 0,917km.

Mốc giới số 232 là mốc đôi cùng số, loại A, cắm tại cặp cửa khẩu quốc tế Dinh Bà (Việt Nam) - Banteay Chak Krei (Campuchia): Cột mốc số 232(1) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 10°57'58,293" vĩ độ Bắc, 105°25'23,651" kinh độ Đông và có độ cao 7,48m, cách vị trí mốc giới số 232 là 77,15m; cột mốc số 232(2) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch

Krom) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 10°57'56,322" vĩ độ Bắc, 105°25'28,468" kinh độ Đông và có độ cao 7,03m, cách vị trí mốc giới số 232 là 81,10m.

Từ vị trí mốc giới số 232, đường biên giới hướng chung Tây Nam, xuôi theo trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom), đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 232/1(1) và cột mốc số 232/1(2) với trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom), tức là vị trí mốc giới số 232/1. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài là 0,499km.

Mốc giới số 232/1 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc số 232/1(1) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 10°57'45,245" vĩ độ Bắc, 105°25'14,955" kinh độ Đông và có độ cao 6,01m, cách vị tri mốc giới số 232/1 là 68,60m; cột mốc số 232/1(2) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 10°57'43,189" vĩ độ Bắc, 105°25'18,090" kinh độ Đông và có độ cao 5,30m, cách vị trí mốc giới số 232/1 là 45,60m.

Từ vị trí mốc giới số 232/1, đường biên giới hướng chung Nam - Tây Nam, xuôi theo trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom), đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 232/2(1) và cột mốc số 232/2(2) với trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom), tức là vị trí mốc giới số 232/2. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài là 1,146km.

Mốc giới số 232/2 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc số 232/2(1) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 10°57'13,571" vĩ độ Bắc, 105°24'58,054" kinh độ Đông và có độ cao 5,77m, cách vị trí mốc giới số 232/2 là 35,49m; cột mốc số 232/2(2) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 10°57'12,343" vĩ độ Bắc, 105°25'00,052" kinh độ Đông và có độ cao 4,38m, cách vị trí mốc giới số 232/2 là 35,94m.

Từ vị trí mốc giới số 232/2, đường biên giới hướng chung Nam - Tây Nam, xuôi theo trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom), đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 232/3(1) và cột mốc số 232/3(2) với trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom), tức là vị trí mốc giới số 232/3. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài là 0,869km.

Mốc giới số 232/3 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc số 232/3(1) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 10°56'49,115" vĩ độ Bắc, 105°24'45,346" kinh độ Đông và có độ cao 3,45m, cách vị trí mốc giới số 232/3 là 38,39m; cột mốc số 232/3(2) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 10°56'47,724" vĩ độ Bắc, 105°24'47,602" kinh độ Đông và có độ cao 5,30m, cách vị trí mốc giới số 232/3 là 42,31m.

Từ vị trí mốc giới số 232/3, đường biên giới hướng chung Nam - Tây Nam, xuôi theo trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom), đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 232/4(1) và cột mốc số 232/4(2) với trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom), tức là vị trí mốc giới số 232/4. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài là 0,904km.

Mốc giới số 232/4 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc số 232/4(1) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 10°56'22,998" vĩ độ Bắc, 105°24'39,734" kinh độ Đông và có độ cao 3,53m, cách vị trí mốc giới số 232/4 là 35,45m; cột mốc số 232/4(2) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 10°56'21,533" vĩ độ Bắc, 105°24'41,901" kinh độ Đông và có độ cao 6,26m, cách vị trí mốc giới số 232/4(2) lá 44,24m.

Từ vị trí mốc giới số 232/4, đường biên giới hướng chung Tây Nam, xuôi theo trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom), đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 232/5(1) và cột mốc số 232/5(2) với trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom), tức là vị trí mốc giới số 232/5. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài là 1,016km.

Mốc giới số 232/5 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc số 232/5(1) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 10°55'58,565" vĩ độ Bắc, 105°24'21,290" kinh độ Đông và có độ cao 5,34m, cách vị trí mốc giới số 232/5 là 33,43m; cột mốc số 232/5(2) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 10°55'59,507" vĩ độ Bắc, 105°24'23,150" kinh độ Đông và có độ cao 3,76m, cách vị trí mốc giới số 232/5 là 30,01m.

Từ vị trí mốc giới số 232/5, đường biên giới hướng chung Nam - Tây Nam, xuôi theo trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom), đến giao điểm trung

tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom) với trung tuyến dòng chảy của rạch Sa Rài chảy vào lãnh thổ Việt Nam, tức là vị trí mốc giới số 232/6. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài là 0,622km.

Mốc giới số 232/6 là mốc phụ ba cùng số, gồm có:

- Cột mốc số 232/6(1) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 10°55'49,607" vĩ độ Bắc, 105°24'17,939" kinh độ Đông và có độ cao 5,41m, cách vị trí mốc giới số 232/6 là 82,44m; khoảng cách từ cột mốc số 232/6(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 232/6(2) có chiều dài là 93,65m; khoảng cách từ cột mốc số 232/6(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 232/6(3) có chiều dài là 48,52m.

- Cột mốc số 232/6(2) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 10°55'47,934" vĩ độ Bắc, 105°24'22,556" kinh độ Đông và có độ cao 6,64m, cách vị trí mốc giới số 232/6 là 67,63m; khoảng cách từ cột mốc số 232/6(2) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 232/6(1) có chiều dài là 55,59m.

- Cột mốc số 232/6(3) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 10°55'47,441" vĩ độ Bắc, 105°24'20,211" kinh độ Đông và có độ cao 5,32m, cách vị trí mốc giới số 232/6 là 31,36m; khoảng cách từ cột mốc số 232/6(3) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 232/6(1) có chiều dài là 47,28m.

Từ vị trí mốc giới số 232/6, đường biên giới hướng chung Tây - Tây Nam, xuôi theo trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom), đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 232/7(1) và cột mốc số 232/7(2) với trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom), tức là vị trí mốc giới số 232/7. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài là 0,386km.

Mốc giới số 232/7 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc số 232/7(1) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 10°55'44,563" vĩ độ Bắc, 105°24'08,707" kinh độ Đông và có độ cao 3,91m, cách vị trí mốc giới số 232/7 là 34,01m; cột mốc số 232/7(2) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 10°55'43,150" vĩ độ Bắc, 105°24'10,509" kinh độ Đông và có độ cao 4,85m, cách vị trí mốc giới số 232/7 là 35,80m.

Từ vị trí mốc giới số 232/7, đường biên giới hướng chung hướng Tây, xuôi theo trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom), đến giao điểm trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom) với trung tuyến dòng chảy của sông On Lung Cha chảy ra từ lãnh thổ Campuchia, tức là vị trí mốc giới số 232/8. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài 0,944km.

Mốc giới số 232/8 là mốc phụ ba cùng số, gồm có:

- Cột mốc số 232/8(1) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Việt Nam, có tọa độ địa lý 10°55'38,914" vĩ độ Bắc, 105°23'48,673" kinh độ Đông và có độ cao 4,10m, cách vị trí mốc giới số 232/8 là 38,15m; khoảng cách từ cột mốc số 232/8(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 232/8(2) có chiều dài là 39,51m; khoảng cách từ cột mốc số 232/8(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 232/8(3) có chiều dài là 30,34m.

- Cột mốc số 232/8(2) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 10°55'41,284" vĩ độ Bắc, 105°23'47,964" kinh độ Đông và có độ cao 4,04m, cách vị trí mốc giới số 232/8 là 38,51m; khoảng cách từ cột mốc số 232/8(2) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 232/8(1) có chiều dài là 36,41m.

- Cột mốc số 232/8(3) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 10°55'41,213" vĩ độ Bắc, 105°23'49,855" kinh độ Đông và có độ cao 2,77m, cách vị trí mốc giới số 232/8 là 52,97m; khoảng cách từ cột mốc số 232/8(3) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 232/8(1) có chiều dài là 48,88m.

Từ vị trí mốc giới số 232/8, đường biên giới hướng chung hướng Nam, xuôi theo trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom), đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 232/9(1) và cột mốc số 232/9(2) với trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom), tức là vị trí mốc giới số 232/9. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài là 0,472km.

Mốc giới số 232/9 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc số 232/9(1) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 10°55'27,288" vĩ độ Bắc, 105°23'46,630" kinh độ Đông và có độ cao 3,45m, cách vị trí mốc giới số 232/9 là 22,46m; cột mốc số 232/9(2) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 10°55'25,693" vĩ

độ Bắc, 105°23'47,604" kinh độ Đông và có độ cao 4,66m, cách vị trí mốc giới số 232/9 là 34,78m.

Từ vị trí mốc giới số 232/9, đường biên giới hướng chung Tây Nam, xuôi theo trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom), đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 232/10(1) và cột mốc số 232/10(2) với trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom), tức là vị trí mốc giới số 232/10. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài là 0,879km.

Mốc giới số 232/10 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc số 232/10(1) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 10°55'15,010" vĩ độ Bắc, 105°23'28,132" kinh độ Đông và có độ cao 2,85m, cách vị trí mốc giới số 232/10 là 30,50m; cột mốc số 232/10(2) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 10°55'12,722" vĩ độ Bắc, 105°23'28,971" kinh độ Đông và có độ cao 4,35m, cách vị trí mốc giới số 232/10 là 44,24m.

Từ vị trí mốc giới số 232/10, đường biên giới hướng chung Tây - Tây Nam, xuôi theo trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom), đến giao điểm trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom) với trung tuyến dòng chảy của kênh Tân Công Chí chảy vào lãnh thổ Việt Nam, tức là vị trí mốc giới số 232/11. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài là 0,735km.

Mốc giới số 232/11 là mốc phụ ba cùng số, gồm có:

- Cột mốc số 232/11(1) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 10°55'04,584" vĩ độ Bắc, 105°23'09,739" kinh độ Đông và có độ cao 2,56m, cách vị trí mốc giới số 232/11 là 29,61m; khoảng cách từ cột mốc số 232/11(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 232/11(2) có chiều dài là 35,72m; khoảng cách từ cột mốc số 232/11(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 232/11(3) có chiều dài là 31,08m.

- Cột mốc số 232/11(2) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 10°55'03,651" vĩ độ Bắc, 105°23'11,737" kinh độ Đông và có độ cao 4,79m, cách vị trí mốc giới số 232/11 là 39,13m; khoảng cách từ cột mốc số 232/11(2) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 232/11(1) có chiều dài là 31,33m.

- Cột mốc số 232/11(3) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 10°55'02,683" vĩ độ Bắc, 105°23'10,557" kinh độ Đông và có độ cao 5,49m, cách vị trí mốc giới số 232/11 là 39,46m; khoảng cách từ cột mốc số 232/11(3) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 232/11(1) có chiều dài là 32,38m.

Từ vị trí mốc giới số 232/11, đường biên giới hướng chung Nam - Tây Nam, xuôi theo trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom), đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 232/12(1) và cột mốc số 232/12(2) với trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom), tức là vị trí mốc giới số 232/12. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài là 1,015km.

Mốc giới số 232/12 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc số 232/12(1) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 10°54'37,929" vĩ độ Bắc, 105°22'57,102" kinh độ Đông và có độ cao 2,56m, cách vị trí mốc giới số 232/12 là 31,04m; cột mốc số 232/12(2) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 10°54'36,282" vĩ độ Bắc, 105°22'57,859" kinh độ Đông và có độ cao 3,03m, cách vị trí mốc giới số 232/12 là 24,54m.

Từ vị trí mốc giới số 232/12, đường biên giới hướng chung Nam - Tây Nam, xuôi theo trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 232/13(1) và cột mốc số 232/13(2) với trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom), tức là vị trí mốc giới số 232/13. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài là 1,425km.

Mốc giới số 232/13 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc số 232/13(1) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 10°54'11,020" vĩ độ Bắc, 105°22'48,333" kinh độ Đông và có độ cao 2,47m, cách vị trí mốc giới số 232/13 là 34,09m; cột mốc số 232/13(2) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 10°54'09,629" vĩ độ Bắc, 105°22'49,915" kinh độ Đông và có độ cao 4,01m, cách vị trí mốc giới số 232/13 là 30,20m.

Từ vị trí mốc giới số 232/13, đường biên giới hướng chung hướng Tây, xuôi theo trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom) đến giao điểm trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom) với trung tuyến dòng chảy của rạch

Ka Đông chảy vào lãnh thổ Campuchia, tức là vị trí mốc giới số 232/14. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài là 0,779km.

Mốc giới số 232/14 là mốc phụ ba cùng số, gồm có:

- Cột mốc số 232/14(1) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 10°54'12,866" vĩ độ Bắc, 105°22'26,417" kinh độ Đông và có độ cao 4,43m, cách vị trí mốc giới số 232/14 là 36,46m; khoảng cách từ cột mốc số 232/14(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 232/14(2) có chiều dài là 45,35m; khoảng cách từ cột mốc số 232/14(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 232/14(3) có chiều dài là 43,55m.

- Cột mốc số 232/14(2) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 10°54'15,536" vĩ độ Bắc, 105°22'24.913" kinh độ Đông và có độ cao 2,83m, cách vị trí mốc giới số 232/14 là 60,27m; khoảng cách từ cột mốc số 232/14(2) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 232/14(1) có chiều dài là 48,55m.

- Cột mốc số 232/14(3) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 10°54'15,769" vĩ độ Bắc, 105°22'27,037" kinh độ Đông và có độ cao 3,01m, cách vị trí mốc giới số 232/14 là 59,33m; khoảng cách từ cột mốc số 232/14(3) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 232/14(1) có chiều dài là 47,67m.

Từ vị trí mốc giới số 232/14, đường biên giới hướng chung Nam - Tây Nam, xuôi theo trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom), đến giao điểm trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom) với trung tuyến dòng chảy của kênh Thống Nhất chảy vào lãnh thổ Việt Nam, tức là vị trí mốc giới số 232/15. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài là 0,809km.

Mốc giới số 232/15 là mốc phụ ba cùng số, gồm có:

- Cột mốc số 232/15(1) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 10°53'53,816" vĩ độ Bắc, 105°22'16,867" kinh độ Đông và có độ cao 2,68m, cách vị trí mốc giới số 232/15 là 58,16m; khoảng cách từ cột mốc số 232/15(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 232/15(2) có chiều dài là 39,35m; khoảng cách từ

cột mốc số 232/15(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 232/15(3) có chiều dài là 60,08m.

- Cột mốc số 232/15(2) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 10°53'52,206" vĩ độ Bắc, 105°22'19,071" kinh độ Đông và có độ cao 4,56m, cách vị trí mốc giới số 232/15 là 39,32m; khoảng cách từ cột mốc số 232/15(2) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 232/15(1) có chiều dài là 43,83m.

- Cột mốc số 232/15(3) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 10°53'50,594" vĩ độ Bắc, 105°22'17,636" kinh độ Đông và có độ cao 5,49m, cách vị trí mốc giới số 232/15 là 47,95m; khoảng cách từ cột mốc số 232/15(3) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 232/15(1) có chiều dài là 41,60m.

Từ vị trí mốc giới số 232/15, đường biên giới hướng chung Nam - Tây Nam, xuôi theo trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom), đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 232/16(1) và cột mốc số 232/16(2) với trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom), tức là vị trí mốc giới số 232/16. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài là 1,278km.

Mốc giới số 232/16 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc số 232/16(1) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 10°53'18,864" vĩ độ Bắc, 105°22'05,536" kinh độ Đông và có độ cao 2,54m, cách vị trí mốc giới số 232/16 là 47,97m; cột mốc số 232/16(2) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 10°53'17,603" vĩ độ Bắc, 105°22'08,347" kinh độ Đông và có độ cao 3,56m, cách vị trí mốc giới số 232/16 là 45,74m.

Từ vị trí mốc giới số 232/16, đường biên giới hướng chung hướng Tây, xuôi theo trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom), đến giao điểm trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom) với trung tuyến dòng chảy của rạch Ka Đông chảy ra từ lãnh thổ Campuchia, tức là vị trí mốc giới số 232/17. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài là 1,067km.

Mốc giới số 232/17 là mốc phụ ba cùng số, gồm có:

- Cột mốc số 232/17(1) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 10°53'11,047" vĩ độ Bắc, 105°21'35,025" kinh độ

Đông và có độ cao 3,94m, cách vị trí mốc giới số 232/17 là 48,43m; khoảng cách từ cột mốc số 232/17(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 232/17(2) có chiều dài là 49,19m; khoảng cách từ cột mốc số 232/17(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 232/17(3) có chiều dài là 49,41m.

- Cột mốc số 232/17(2) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 10°53'10,514" vĩ độ Bắc, 105°21'32,147" kinh độ Đông và có độ cao 2,72m, cách vị trí mốc giới số 232/17 là 75,57m; khoảng cách từ cột mốc số 232/17(2) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 232/17(1) có chiều dài là 39,69m.

- Cột mốc số 232/17(3) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 10°53'14,022" vĩ độ Bắc, 105°21'33,604" kinh độ Đông và có độ cao 3,00m, cách vị trí mốc giới số 232/17 là 56,57m; khoảng cách từ cột mốc số 232/17(3) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 232/17(1) có chiều dài là 51,61m.

Từ vị trí mốc giới số 232/17, đường biên giới hướng chung hướng Nam, xuôi theo trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom), đến giao điểm trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom) với trung tuyến dòng chảy của kênh không tên chảy vào lãnh thổ Việt Nam, tức là vị trí mốc giới số 232/18. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài là 0,908km.

Mốc giới số 232/18 là mốc phụ ba cùng số, gồm có:

- Cột mốc số 232/18(1) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 10°52'47,941" vĩ độ Bắc, 105°21'29,970" kinh độ Đông và có độ cao 2,70m, cách vị trí mốc giới số 232/18 là 27,91m; khoảng cách từ cột mốc số 232/18(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 232/18(2) có chiều dài là 24,98m; khoảng cách từ cột mốc số 232/18(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 232/18(3) có chiều dài là 39,23m.

- Cột mốc số 232/18(2) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 10°52'46,418" vĩ độ Bắc, 105°21'30,763" kinh độ Đông và có độ cao 3,96m, cách vị trí mốc giới số 232/18 là 31,39m; khoảng cách từ cột mốc số 232/18(2) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 232/18(1) có chiều dài là 27,64m.

- Cột mốc số 232/18(3) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 10°52'46,176" vĩ độ Bắc, 105°21'28,573" kinh độ Đông và có độ cao 3,55m, cách vị trí mốc giới số 232/18 là 49,09m; khoảng cách từ cột mốc số 232/18(3) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 232/18(1) có chiều dài là 29,59m.

Từ vị trí mốc giới số 232/18, đường biên giới hướng chung Tây - Tây Bắc, xuôi theo trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom) đến giao điểm trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom) với trung tuyến dòng chảy của rạch Ôs Túk chảy ra từ lãnh thổ Campuchia, tức là vị trí mốc giới số 232/19. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài là 0,314km.

Mốc giới số 232/19 là mốc phụ ba cùng số, gồm có:

- Cột mốc số 232/19(1) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 10°52'49,068" vĩ độ Bắc, 105°21'20,607" kinh độ Đông và có độ cao 3,41m, cách vị trí mốc giới số 232/19 là 34,12m; khoảng cách từ cột mốc số 232/19(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 232/19(2) có chiều dài là 37,32m; khoảng cách từ cột mốc số 232/19(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 232/19(3) có chiều dài là 28,67m.

- Cột mốc số 232/19(2) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 10°52'51,000" vĩ độ Bắc, 105°21'19,491" kinh độ Đông và có độ cao 2,96m, cách vị trí mốc giới số 232/19 là 36,07m; khoảng cách từ cột mốc số 232/19(2) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 232/19(1) có chiều dài là 31,02m.

- Cột mốc số 232/19(3) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 10°52'50,886" vĩ độ Bắc, 105°21'20,721" kinh độ Đông và có độ cao 2,96m, cách vị trí mốc giới số 232/19 là 26,46m; khoảng cách từ cột mốc số 232/19(3) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 232/19(1) có chiều dài là 27,28m.

Từ vị trí mốc giới số 232/19, đường biên giới hướng chung Tây Nam, xuôi theo trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 233(1) và cột mốc số 233(2) với trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom), tức là vị trí mốc giới số 233. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài là 0,256km.

Mốc giới số 233 là mốc đôi cùng số, loại C: Cột mốc số 233(1) cắm trên đường biên giới, tại điểm có tọa độ địa lý 10°52'45,659" vĩ độ Bắc, 105°21'13,447" kinh độ Đông và có độ cao 3,12m; cột mốc số 233(2) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 10°52'44,588" vĩ độ Bắc, 105°21'15,047" kinh độ Đông và có độ cao 2,68m, cách vị trí mốc giới số 233 là 30,07m.

Từ vị trí mốc giới 233 đường biên giới hướng Tây Bắc, theo đường thẳng đến cột mốc số 233(1); sau đó chuyển hướng chung Tây Nam, theo đường thẳng đến cọc dấu số 1 tại điểm có tọa độ địa lý 10°52'40,288" vĩ độ Bắc, 105°21'09,247" kinh độ Đông và có độ cao 2,81m, tiếp tục theo đường thẳng đến cọc dấu số 2 tại điểm có tọa độ địa lý 10°52'31,368" vĩ độ Bắc, 105°21'02,272" kinh độ Đông và có độ cao 2,95m, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 233/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,820km.

Mốc giới số 233/1 là mốc phụ đơn, cắm trên bờ ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°52'24,973" vĩ độ Bắc, 105°20'57,936" kinh độ Đông và có độ cao 2,72m.

Từ mốc giới số 233/1, đường biên giới hướng Nam, theo đường thẳng đến cọc dấu số 1 tại điểm có tọa độ địa lý 10°52'21,392" vĩ độ Bắc, 105°20'57,823" kinh độ Đông và có độ cao 1,86m; sau đó chuyển hướng chung Nam - Tây Nam, xuôi theo trung tuyến dòng chảy của rạch không tên đến cọc dấu số 2 tại điểm có tọa độ địa lý 10°52'19,828" vĩ độ Bắc, 105°20'58,332" kinh độ Đông và có độ cao 1,57m, rồi xuôi theo trung tuyến dòng chảy của rạch không tên đến mốc giới số 234. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,377km, trong đó đoạn biên giới trên bộ có chiều dài là 0,110km, đoạn biên giới theo sông suối có chiều dài là 0,267km.

Mốc giới số 234 là mốc đơn loại C, cắm giữa rạch không tên, tại điểm có tọa độ địa lý 10°52'13,329" vĩ độ Bắc, 105°20'56,187" kinh độ Đông và có độ cao 3,10m.

Từ mốc giới số 234, đường biên giới hướng chung Tây - Tây Nam, theo đường thẳng đến cọc dấu số 1 tại điểm tại điểm có tọa độ địa lý 10°52'10,009" vĩ độ Bắc, 105°20'47,059" kinh độ Đông và có độ cao 3,20m, tiếp tục theo đường thẳng đến cọc dấu số 2 tại điểm có tọa độ địa lý 10°52'07,662" vĩ độ Bắc, 105°20'39,721" kinh độ Đông và có độ cao 2,82m, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 234/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,737km.

Mốc giới số 234/1 là mốc phụ đơn, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°52'05,580" vĩ độ Bắc, 105°20'33,212" kinh độ Đông và có độ cao 2,77m.

Từ mốc giới số 234/1, đường biên giới hướng chung Nam - Tây Nam, theo đường thẳng đến cọc dấu số 1 tại điểm có tọa độ địa lý 10°52'02,208" vĩ độ Bắc, 105°20'31,341" kinh độ Đông và có độ cao 2,83m, tiếp tục theo đường thẳng đến cọc dấu số 2 tại điểm có tọa độ địa lý 10°51'58,534" vĩ độ Bắc, 105°20'28,316" kinh độ Đông và có độ cao 3,00m, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 234/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,367km.

Mốc giới số 234/2 là mốc phụ đơn, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°51'55,431" vĩ độ Bắc, 105°20'27,034" kinh độ Đông và có độ cao 3,20m.

Từ mốc giới số 234/2, đường biên giới hướng chung Tây Nam, theo đường thẳng đến cọc dấu số 1 tại điểm có tọa độ địa lý 10°51'52,846" vĩ độ Bắc, 105°20'24,680" kinh độ Đông và có độ cao 3,41m, rồi theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°51'49,164" vĩ độ Bắc, 105°20'22,278" kinh độ Đông; sau đó chuyển hướng chung hướng Nam, theo trung tuyến dòng chảy của rạch không tên đến cọc dấu số 2 tại điểm có tọa độ địa lý 10°51'47,988" vĩ độ Bắc, 105°20'22,489" kinh độ Đông và có độ cao 3,09m; sau đó chuyển hướng chung Tây Nam, theo trung tuyến dòng chảy của rạch không tên đến điểm có tọa độ địa lý 10°51'47,036" vĩ độ Bắc, 105°20'21,842" kinh độ Đông; sau đó chuyển hướng chung Nam - Tây Nam, theo đường thẳng đến cọc dấu số 3 tại điểm có tọa độ địa lý 10°51'44,788" vĩ độ Bắc, 105°20'21,170" kinh độ Đông và có độ cao 3,53m, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°51'42,674" vĩ độ Bắc, 105°20'21,150" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến cọc dấu số 4 tại điểm có tọa độ địa lý 10°51'41,661" vĩ độ Bắc, 105°20'19,778" kinh độ Đông và có độ cao 4,60m, tiếp tục theo đường thẳng đến cột mốc số 235(1), rồi theo đường thẳng đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 235(1) và cột mốc số 235(2) với trung tuyến luồng của sông Sở Thượng (prêch Cọ Xom Pâu), tức là vị trí mốc giới số 235. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,720km.

Mốc giới số 235 là mốc đôi cùng số, loại C: Cột mốc số 235(1) cắm trên đường biên giới, tại điểm có tọa độ địa lý 10°51'37,807" vĩ độ Bắc, 105°20'18,846" kinh độ Đông và có độ cao 5,12m; cột mốc số 235(2) cắm trên bờ sông Sở Thượng (prêch Cọ Xom Pâu) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa

lý 10°51'32,382" vĩ độ Bắc, 105°20'17,028" kinh độ Đông và có độ cao 5,29m, cách vị trí mốc giới số 235 là 82,14m.

Từ vị trí mốc giới số 235, đường biên giới hướng chung Tây - Tây Bắc, ngược theo trung tuyến luồng của sông Sở Thượng (prêch Cọ Xom Pâu), đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 235/1(1) và cột mốc số 235/1(2) với trung tuyến luồng của sông Sở Thượng (prêch Cọ Xom Pâu), tức là vị trí mốc giới số 235/1. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài là 0,907km.

Mốc giới số 235/1 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc số 235/1(1) cắm trên bờ sông Sở Thượng (prêch Cọ Xom Pâu) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 10°51'50,685" vĩ độ Bắc, 105°19'53,087" kinh độ Đông và có độ cao 4,55m, cách vị trí mốc số 235/1 là 72,18m; cột mốc số 235/1(2) cắm trên bờ sông Sở Thượng (prêch Cọ Xom Pâu) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 10°51'46,956" vĩ độ Bắc, 105°19'50,358" kinh độ Đông và có độ cao 7,10m, cách vị trí mốc số 235/1 là 69,17m.

Từ vị trí mốc giới số 235/1, đường biên giới hướng chung Tây - Tây Bắc, ngược theo trung tuyến luồng của sông Sở Thượng (prêch Cọ Xom Pâu), đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 235/2(1) và cột mốc số 235/2(2) với trung tuyến luồng của sông Sở Thượng (prêch Cọ Xom Pâu), tức là vị trí mốc giới số 235/2. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài là 1,065km.

Mốc giới số 235/2 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc số 235/2(1) cắm trên bờ sông Sở Thượng (prêch Cọ Xom Pâu) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 10°52'06,735" vĩ độ Bắc, 105°19'23,876" kinh độ Đông và có độ cao 4,98m, cách vị trí mốc số 235/2 là 94,77m; cột mốc số 235/2(2) cắm trên bờ sông Sở Thượng (prêch Cọ Xom Pâu) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 10°52'02,131" vĩ độ Bắc, 105°19'19,639" kinh độ Đông và có độ cao 4,02m, cách vị trí mốc số 235/2 là 96,37m.

Từ vị trí mốc giới số 235/2, đường biên giới hướng chung Tây - Tây Bắc, ngược theo trung tuyến luồng của sông Sở Thượng (prêch Cọ Xom Pâu) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 235/3(1) và cột mốc số 235/3(2) với trung tuyến luồng của sông Sở Thượng (prêch Cọ Xom Pâu), tức là vị trí

mốc giới số 235/3. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài là 1,910km.

Mốc giới số 235/3 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc số 235/3(1) cắm trên bờ sông Sở Thượng (prêch Cọ Xom Pâu) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 10°52'34,458" vĩ độ Bắc, 105°18'26,704" kinh độ Đông và có độ cao 4,64m, cách vị trí mốc giới số 235/3 là 82,59m; cột mốc số 235/3(2) cắm trên bờ sông Sở Thượng (prêch Cọ Xom Pâu) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 10°52'29,730" vĩ độ Bắc, 105°18'24,371" kinh độ Đông và có độ cao 7,39m, cách vị trí mốc giới số 235/3 là 78,96m.

Từ vị trí mốc giới số 235/3, đường biên giới hướng chung Tây - Tây Bắc, ngược theo trung tuyến luồng của sông Sở Thượng (prêch Cọ Xom Pâu) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 235/4(1) và cột mốc số 235/4(2) với trung tuyến luồng của sông Sở Thượng (prêch Cọ Xom Pâu), tức là vị trí mốc giới số 235/4. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài là 1,054km.

Mốc giới số 235/4 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc số 235/4(1) cắm trên bờ sông Sở Thượng (prêch Cọ Xom Pâu) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 10°52'49,463" vĩ độ Bắc, 105°17'55,704" kinh độ Đông và có độ cao 4,18m, cách vị trí mốc giới số 235/4 là 76,52m; cột mốc số 235/4(2) cắm trên bờ sông Sở Thượng (prêch Cọ Xom Pâu) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 10°52'45,096" vĩ độ Bắc, 105°17'53,181" kinh độ Đông và có độ cao 6,83m, cách vị trí mốc giới số 235/4 là 77,95m.

Từ vị trí mốc giới số 235/4, đường biên giới hướng chung Tây - Tây Bắc, ngược theo trung tuyến luồng của sông Sở Thượng (prêch Cọ Xom Pâu) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 235/5(1) và cột mốc số 235/5(2) với trung tuyến luồng của sông Sở Thượng (prêch Cọ Xom Pâu), tức là vị trí mốc giới số 235/5. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài là 0,763km.

Mốc giới số 235/5 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc số 235/5(1) cắm trên bờ sông Sở Thượng (prêch Cọ Xom Pâu) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 10°53'00,497" vĩ độ Bắc, 105°17'33,528" kinh độ Đông và có độ cao 5,22m, cách vị trí mốc giới số 235/5 là 92,22m; cột mốc số 235/5(2) cắm trên bờ sông Sở Thượng (prêch Cọ Xom Pâu) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý

10°52'55,586" vĩ độ Bắc, 105°17'30,144" kinh độ Đông và có độ cao 7,57m, cách vị trí mốc giới số 235/5 là 90,30m.

Từ vị trí mốc giới số 235/5, đường biên giới hướng chung Tây Bắc, ngược theo trung tuyến luồng của sông Sở Thượng (prêch Cọ Xom Pâu), đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 235/6(1) và cột mốc số 235/6(2) với trung tuyến luồng của sông Sở Thượng (prêch Cọ Xom Pâu), tức là vị trí mốc giới số 235/6. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài 0,722km.

Mốc giới số 235/6 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc số 235/6(1) cắm trên bờ sông Sở Thượng (prêch Cọ Xom Pâu) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 10°53'13,111" vĩ độ Bắc, 105°17'13,929" kinh độ Đông và có độ cao 4,84m, cách vị trí mốc giới số 235/6 là 77,17m; cột mốc số 235/6(2) cắm trên bờ sông Sở Thượng (prêch Cọ Xom Pâu) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 10°53'09,566" vĩ độ Bắc, 105°17'10,707" kinh độ Đông và có độ cao 7,05m, cách vị trí mốc giới số 235/6 là 69,20m.

Từ vị trí mốc giới số 235/6, đường biên giới hướng chung Tây - Tây Bắc, ngược theo trung tuyến luồng của sông Sở Thượng (prêch Cọ Xom Pâu), đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 235/7(1) và cột mốc số 235/7(2) với trung tuyến luồng của sông Sở Thượng (prêch Cọ Xom Pâu), tức là vị trí mốc giới số 235/7, Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài là 1,899km.

Mốc giới số 235/7 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc số 235/7(1) cắm trên bờ sông Sở Thượng (prêch Cọ Xom Pâu) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 10°53'32,447" vĩ độ Bắc, 105°16'17,606" kinh độ Đông và có độ cao 4,52m, cách vị trí mốc giới số 235/7 là 75,92m; cột mốc số 235/7(2) cắm trên bờ sông Sở Thượng (prêch Cọ Xom Pâu) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 10°53'28,907" vĩ độ Bắc, 105°16'13,916" kinh độ Đông và có độ cao 6,74m, cách vị trí mốc giới số 235/7 là 80,19m.

Từ vị trí mốc giới số 235/7, đường biên giới hướng chung Tây Bắc, ngược theo trung tuyến luồng của sông Sở Thượng (prêch Cọ Xom Pâu), đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 236(1) và cột mốc số 236(2) với trung tuyến luồng của sông Sở Thượng (prêch Cọ Xom Pâu), tức là vị trí mốc giới số 236. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài là 0,868km.

Mốc giới số 236 là mốc đôi cùng số, loại C: Cột mốc số 236(1) cắm trên bờ sông Sở Thượng (prêch Cọ Xom Pâu) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 10°53'47,395" vĩ độ Bắc, 105°15'55,951" kinh độ Đông và có độ cao 5,17m, cách vị trí mốc giới số 236 là 62,39m; cột mốc số 236(2) cắm trên đường biên giới, tại điểm có tọa độ địa lý 10°53'46,869" vĩ độ Bắc, 105°15'51,582" kinh độ Đông và có độ cao 5,18m.

Từ vị trí mốc giới số 236, đường biên giới hướng chung hướng Tây, theo đường thẳng đến cột mốc số 236(2), tiếp tục theo đường thẳng đến cọc dấu số 1 tại điểm có tọa độ địa lý là 10°53'45,480" vĩ độ Bắc, 105°15'44,131" kinh độ Đông và có độ cao 1,72m, tiếp tục theo đường thẳng đến cọc dấu số 2 tại điểm có tọa độ địa lý là 10°53'44,469" vĩ độ Bắc, 105°15'38,726" kinh độ Đông và có độ cao 2,78m, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 236/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,653km.

Mốc giới số 236/1 là mốc phụ đơn, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°53'43,355" vĩ độ Bắc, 105°15'32,764" kinh độ Đông và có độ cao 2,55m.

Từ vị trí mốc giới số 236/1, đường biên giới hướng chung hướng Tây, theo đường thẳng đến cọc dấu số 1 tại điểm có tọa độ địa lý là 10°53'42,333" vĩ độ Bắc, 105°15'27,242" kinh độ Đông và có độ cao 3,39m, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý là 10°53'42,133" vĩ độ Bắc, 105°15'26,570" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°53'42,632" vĩ độ Bắc, 105°15'26,469" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°53'42,380" vĩ độ Bắc, 105°15'23,142" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến cọc dấu số 2 tại điểm có tọa độ địa lý là 10°53'42,794" vĩ độ Bắc, 105°15'19,539" kinh độ Đông và có độ cao 4,47m, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 236/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,548km.

Mốc giới số 236/2 là mốc phụ đơn, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°53'40,888" vĩ độ Bắc, 105°15'15,742" kinh độ Đông và có độ cao 3,55m.

Từ giới số 236/2, đường biên giới hướng chung Tây - Tây Nam, theo đường thẳng đến cọc dấu số 1 tại điểm có tọa độ địa lý 10°53'41,788" vĩ độ Bắc, 105°15'13,176" kinh độ Đông và có độ cao 1,76m, tiếp tục theo đường thẳng đến cọc dấu số 2 tại điểm có tọa độ địa lý 10°53'38,604" vĩ độ Bắc, 105°15'04,045" kinh độ Đông và có độ cao 2,91m, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 236/3. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,660km.

Mốc giới số 236/3 là mốc phụ đơn, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°53'36,446" vĩ độ Bắc, 105°14'54,952" kinh độ Đông và có độ cao 3,87m.

Từ giới số 236/3, đường biên giới hướng chung hướng Tây, theo đường thẳng đến cọc dấu số 1 tại điểm có tọa độ địa lý 10°53'34,793" vĩ độ Bắc, 105°14'49,223" kinh độ Đông và có độ cao 1,99m, tiếp tục theo đường thẳng đến cọc dấu số 2 tại điểm có tọa độ địa lý 10°53'33,841" vĩ độ Bắc, 105°14'42,336" kinh độ Đông và có độ cao 3,20m, tiếp tục theo đường thẳng đến cọc dấu số 3 tại điểm có tọa độ địa lý 10°53'32,408" vĩ độ Bắc, 105°14'32,660" kinh độ Đông và có độ cao 1,81m, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 237. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,987km.

Mốc giới số 237 là mốc đơn, loại C, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°53'30,652" vĩ độ Bắc, 105°14'23,017" kinh độ Đông và có độ cao 3,48m.

Từ mốc giới số 237, đường biên giới hướng Tây - Tây Bắc, theo đường thẳng qua cọc dấu số 1 tại điểm có tọa độ địa lý 10°53'33,368" vĩ độ Bắc, 105°14'14,514" kinh độ Đông và có độ cao 3,15m, qua cọc dấu số 2 tại điểm có tọa độ địa lý 10°53'36,183" vĩ độ Bắc, 105°14'05,712" kinh độ Đông và có độ cao 3,52m, đến mốc giới số 237/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,764km.

Mốc giới số 237/1 là mốc phụ đơn, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°53'38,300" vĩ độ Bắc, 105°13'59,080" kinh độ Đông và có độ cao 3,07m.

Từ mốc giới số 237/1, đường biên giới hướng Tây - Tây Bắc, theo đường thẳng qua cọc dấu số 1 tại điểm có tọa độ địa lý 10°53'41,656" vĩ độ Bắc, 105°13'48,583" kinh độ Đông và có độ cao 3,06m, qua cọc dấu số 2 tại điểm có tọa độ địa lý 10°53'44,965" vĩ độ Bắc, 105°13'38,191" kinh độ Đông và có độ cao 2,88m, đến mốc giới số 237/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,044km.

Mốc giới số 237/2 là mốc phụ đơn, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°53'48,733" vĩ độ Bắc, 105°13'26,361" kinh độ Đông và có độ cao 3,60m.

Từ mốc giới số 237/2, đường biên giới hướng chung Tây - Tây Bắc, theo đường thẳng đến cọc dấu số 1 tại điểm có tọa độ địa lý 10°53'53,171" vĩ độ Bắc, 105°13'16,238" kinh độ Đông và có độ cao 3,21m, tiếp tục theo đường thẳng đến cọc dấu số 2 tại điểm có tọa độ địa lý 10°53'55,827" vĩ độ Bắc, 105°13'05,746" kinh độ Đông và có độ cao 3,41m, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 238. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,961km.

Mốc giới số 238 là mốc đơn, loại C, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°53'58,223" vĩ độ Bắc, 105°12'56,292" kinh độ Đông và có độ cao 4,00m.

Từ mốc giới số 238, đường biên giới hướng Tây Bắc, theo đường thẳng đến mốc giới số 238/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,261km.

Mốc giới số 238/1 là mốc phụ đơn, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°54'03,138" vĩ độ Bắc, 105°12'49,284" kinh độ Đông và có độ cao 3,52m.

Từ mốc giới số 238/1, đường biên giới hướng Tây Bắc, theo đường thẳng qua cọc dấu số 1 tại điểm có tọa độ địa lý 10°54'10,550" vĩ độ Bắc, 105°12'38,789" kinh độ Đông và có độ cao 4,09m, đến mốc giới số 238/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,672km.

Mốc giới số 238/2 là mốc phụ đơn, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°54'15,849" vĩ độ Bắc, 105°12'31,268" kinh độ Đông và có độ cao 4,89m.

Từ mốc giới số 238/2, đường biên giới hướng Tây Bắc, theo đường thẳng qua cọc dấu số 1 tại điểm có tọa độ địa lý 10°54'23,844" vĩ độ Bắc, 105°12'19,933" kinh độ Đông và có độ cao 4,98m, qua cọc dấu số 2 tại điểm có tọa độ địa lý 10°54'29,657" vĩ độ Bắc, 105°12'11,691" kinh độ Đông và có độ cao 4,63m, đến mốc giới số 238/3. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,990km.

Mốc giới số 238/3 là mốc phụ đơn, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°54'34,563" vĩ độ Bắc, 105°12'04,724" kinh độ Đông và có độ cao 5,15m.

Từ mốc giới số 238/3, đường biên giới hướng Tây Bắc, theo đường thẳng đến mốc giới số 239. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,282km.

Mốc giới số 239 là mốc đơn, loại C, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°54'39,895" vĩ độ Bắc, 105°11'57,155" kinh độ Đông và có độ cao 5,93m.

Từ mốc giới số 239, đường biên giới hướng Tây, theo đường thẳng đến mốc giới số 240. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,160km.

Mốc giới số 240 là mốc đơn, loại A, cắm tại cặp cửa khẩu quốc tế Thường Phước (Việt Nam) - Cọ Rô Ca (Campuchia), trên bờ phía Đông sông Tiền (sông Mê Kông Hạ), tại điểm có tọa độ địa lý 10°54'40,102" vĩ độ Bắc, 105°11'51,878" kinh độ Đông và có độ cao 6,96m.

Từ mốc giới số 240, đường biên giới hướng Tây, theo đường thẳng, cắt qua sông Tiền (tôn lê Mê Kông Hạ) đến mốc giới số 241. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,912km.

Mốc giới số 241 là mốc đơn, loại A, cắm tại cặp cửa khẩu quốc tế Vĩnh Xương (Việt Nam) - Cờ Om Sòm No (Campuchia), trên bờ phía Tây sông Tiền (tôn lê Mê Kông Hạ), tại điểm có tọa độ địa lý 10°54'42,586" vĩ độ Bắc, 105°10'48,933" kinh độ Đông và có độ cao 7,71m

Đoạn biên giới từ mốc giới số 241 đến vị trí mốc giới số 245/1 chưa phân giới trên thực địa.

Mốc giới số 245/1 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc số 245/1(1) cắm trên bờ sông Hậu (tôn lê Bassac) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 10°55'58,986" vĩ độ Bắc, 105°06'37,183" kinh độ Đông và có độ cao 5,99m, cách vị trí mốc giới số 245/1 là 126,37m; cột mốc số 245/1(2) cắm trên bờ sông Hậu (tôn lê Bassac) phía Việt Nam, tại điểm tại điểm có tọa độ địa lý 10°56'05,006" vĩ độ Bắc, 105°06'31,524" kinh độ Đông và có độ cao 6,54m, cách vị trí mốc giới số 245/1 là 126,00m.

Từ vị trí mốc giới số 245/1, đường biên giới hướng chung Đông Bắc, ngược theo trung tuyến luồng của sông Hậu (tôn lê Bassac), đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 245/2(1) và cột mốc số 245/2(2) với trung tuyến luồng của sông Hậu (tôn lê Bassac), tức là vị trí mốc giới số 245/2. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài là 1,070km.

Mốc giới số 245/2 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc số 245/2(1) cắm trên bờ sông Hậu (tôn lê Bassac) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 10°56'26,789" vĩ độ Bắc, 105°07'00,867" kinh độ Đông và có độ cao 5,78m, cách vị trí mốc giới số 245/2 là 131,48m; cột mốc số 245/2(2) cắm trên bờ sông Hậu (tôn lê Bassac) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 10°56'30,418" vĩ độ Bắc, 105°06'53,122" kinh độ Đông và có độ cao 3,85m, cách vị trí mốc giới số 245/2 là 128,68m.

Từ vị trí mốc giới số 245/2, đường biên giới hướng chung hướng Bắc, ngược theo trung tuyến luồng của sông Hậu (tôn lê Bassac), đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 245/3(1) và cột mốc 245/3(2) với trung tuyến luồng của sông Hậu (tôn lê Bassac), tức là vị trí mốc giới số 245/3. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài là 1,261km.

Mốc giới số 245/3 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc số 245/3(1) cắm trên bờ sông Hậu (tên lê Bassac) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 10°57'07,769" vĩ độ Bắc, 105°07'07,078" kinh độ Đông và có độ cao 4,85m, cách vị trí mốc giới số 245/3 là 88,39m; cột mốc số 245/3(2) cắm trên bờ sông Hậu (tên lê Bassac) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 10°57'07,486" vĩ độ Bắc, 105°07'01,567" kinh độ Đông và có độ cao 5,14m, cách vị trí mốc giới số 245/3 là 79,10m.

Từ vị trí mốc giới số 245/3, đường biên giới hướng chung hướng Bắc, ngược theo trung tuyến luồng của sông Hậu (tên lê Bassac), đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 245/4(1) và cột mốc số 245/4(2) với trung tuyến luồng của sông Hậu (tên lê Bassac) tức là vị trí mốc giới số 245/4. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài là 1,011km.

Mốc giới số 245/4 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc số 245/4(1) cắm trên bờ sông Hậu (tên lê Bassac) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 10°57'41,812" vĩ độ Bắc, 105°07'03,572" kinh độ Đông và có độ cao 6,22m, cách vị trí mốc giới số 245/4 là 86,47m; cột mốc số 245/4(2) cắm trên bờ sông Hậu (tên lê Bassac) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 10°57'37,211" vĩ độ Bắc, 105°06'57,740" kinh độ Đông và có độ cao 4,07m, cách vị trí mốc giới số 245/4 là 140,05m.

Từ vị trí mốc giới số 245/4, đường biên giới hướng chung Tây - Tây Nam, ngược theo trung tuyến luồng sông Hậu (tên lê Bassac), đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 245/5(1) và cột mốc số 245/5(2) với trung tuyến luồng của sông Hậu (tên lê Bassac), tức là vị trí mốc giới số 245/5. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài là 1,376km.

Mốc giới số 245/5 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc số 245/5(1) cắm trên bờ sông Hậu (tên lê Bassac) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 10°57'31,442" vĩ độ Bắc, 105°06'19,398" kinh độ Đông và có độ cao 4,85m, cách vị trí mốc giới số 245/5 là 88,90m; cột mốc số 245/5(2) cắm trên bờ sông Hậu (tên lê Bassac) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 10°57'25,757" vĩ độ Bắc, 105°06'21,778" kinh độ Đông và có độ cao 7,24m, cách vị trí mốc giới số 245/5 là 100,06m.

Từ vị trí mốc giới số 245/5, đường biên giới hướng chung Tây - Tây Nam, ngược theo trung tuyến luồng sông Hậu (tên lê Bassac), đến giao điểm của đoạn

thẳng nối liền cột mốc số 245/6(1) và cột mốc số 245/6(2) với trung tuyến luồng của sông Hậu (tôn lê Bassac), tức là vị trí mốc giới số 245/6. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài là 0,991km.

Mốc giới số 245/6 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc số 245/6(1) cắm trên bờ sông Hậu (tôn lê Bassac) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 10°57'20,663" vĩ độ Bắc, 105°05'50,105" kinh độ Đông và có độ cao 5,12m, cách vị trí mốc giới số 245/6 là 112,03m; cột mốc số 245/6(2) cắm trên bờ sông Hậu (tôn lê Bassac) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 10°57'13,893" vĩ độ Bắc, 105°05'50,608" kinh độ Đông và có độ cao 6,03m, cách vị trí mốc giới số 245/6 là 96,45m.

Từ vị trí mốc giới số 245/6, đường biên giới hướng chung hướng Tây, ngược theo trung tuyến luồng sông Hậu (tôn lê Bassac), đến giao điểm trung tuyến luồng của sông Hậu (tôn lê Bassac) và trung tuyến luồng của rạch Bình Ghi (prêch Chrây Thum), tức là vị trí mốc giới số 246. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài là 1,617km.

Mốc giới số 246 là mốc ba cùng số, loại C, gồm có:

- Cột mốc số 246(1) cắm trên bờ sông Hậu (tôn lê Bassac) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 10°57'18,234" vĩ độ Bắc, 105°04'57,754" kinh độ Đông và có độ cao 8,28m, cách vị trí mốc giới số 246 là 153,89m; khoảng cách từ cột mốc số 246(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 246(2) có chiều dài là 38,94m; khoảng cách từ cột mốc số 246(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 246(3) có chiều dài là 144,34m.

- Cột mốc số 246(2) cắm trên bờ sông Hậu (tôn lê Bassac) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 10°57'18,449" vĩ độ Bắc, 105°04'53,036" kinh độ Đông và có độ cao 6,49m, cách vị trí mốc giới số 246 là 208,97m; khoảng cách từ cột mốc số 246(2) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 246(1) có chiều dài là 104,40m.

- Cột mốc số 246(3) cắm trên bờ sông Hậu (tôn lê Bassac) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 10°57'28,944" vĩ độ Bắc, 105°05'01,022" kinh độ Đông và có độ cao 5,83m, cách vị trí mốc giới số 246 là 198,79m; khoảng cách từ cột mốc số 246(3) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 246(1) có chiều dài là 199,24m.

Từ vị trí mốc giới số 246, đường biên giới hướng chung Tây Nam, xuôi theo trung tuyến luồng của rạch Bình Ghi (prêch Chrây Thum), đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 246/1(1) và cột mốc số 246/1(2) với trung tuyến luồng của rạch Bình Ghi (prêch Chrây Thum), tức là vị trí mốc giới số 246/1. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài là 0,727km.

Mốc giới số 246/1 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc số 246/1(1) cắm trên bờ rạch Bình Ghi (prêch Chrây Thum) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 10°57'05,787" vĩ độ Bắc, 105°04'42,245" kinh độ Đông và có độ cao 6,46m, cách vị trí mốc giới số 246/1 là 65,46m; cột mốc số 246/1(2) cắm trên bờ rạch Bình Ghi (prêch Chrây Thum) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 10°57'04,996" vĩ độ Bắc, 105°04'46,392" kinh độ Đông và có độ cao 5,62m, cách vị trí mốc giới số 246/1 là 62,72m.

Từ vị trí mốc giới số 246/1, đường biên giới hướng chung hướng Nam, xuôi theo trung tuyến luồng của rạch Bình Ghi (prêch Chrây Thum), đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 246/2(1) và cột mốc số 246/2(2) với trung tuyến luồng của rạch Bình Ghi (prêch Chrây Thum), tức là vị trí mốc giới số 246/2. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài 0,393km.

Mốc giới số 246/2 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc số 246/2(1) cắm trên bờ rạch Bình Ghi (prêch Chrây Thum) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 10°56'52,927" vĩ độ Bắc, 105°04'45,151" kinh độ Đông và có độ cao 6,61m, cách vị trí mốc giới số 246/2 là 46,95m; cột mốc số 246/2(2) cắm trên bờ rạch Bình Ghi (prêch Chrây Thum) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 10°56'52,762" vĩ độ Bắc, 105°04'48,419" kinh độ Đông và có độ cao 5,07m, cách vị trí mốc giới số 246/2 là 52,38m.

Từ vị trí mốc giới số 246/2, đường biên giới hướng chung hướng Nam, xuôi theo trung tuyến luồng của rạch Bình Ghi (prêch Chrây Thum) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 246/3(1) và cột mốc số 246/3(2) với trung tuyến luồng của rạch Bình Ghi (prêch Chrây Thum), tức là vị trí mốc giới số 246/3. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài là 0,872km.

Mốc giới số 246/3 là mốc phụ đôi cùng số: Cột mốc số 246/3(1) cắm trên bờ rạch Bình Ghi (prêch Chrây Thum) phía Campuchia, tại điểm có tọa độ địa lý 10°56'25,158" vĩ độ Bắc, 105°04'39,576" kinh độ Đông và có độ cao 6,80m, cách vị trí mốc giới số 246/3 là 62,21m; cột mốc số 246/3(2) cắm trên bờ rạch

Bình Ghi (prêch Chrây Thum) phía Việt Nam, tại điểm có tọa độ địa lý 10°56'25,253" vĩ độ Bắc, 105°04'43,501" kinh độ Đông và có độ cao 5,06m, cách vị trí mốc giới số 246/3 là 56,97m.

Đoạn biên giới từ vị trí mốc giới số 246/3 đến mốc giới số 254 chưa phân giới trên thực địa.

Mốc giới số 254 là mốc đơn, loại C, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°53'32,226" vĩ độ Bắc, 105°01'42,520" kinh độ Đông và có độ cao 2,52m.

Từ mốc giới số 254, đường biên giới hướng chung Nam - Đông Nam, theo đường thẳng đến cọc dấu số 1 tại điểm có tọa độ địa lý 10°53'27,043" vĩ độ Bắc, 105°01'43,882" kinh độ Đông và có độ cao 2,32m, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°53'21,932" vĩ độ Bắc, 105°01'45,016" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°53'21,507" vĩ độ Bắc, 105°01'44,736" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°53'19,718" vĩ độ Bắc, 105°01'45,334" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến cọc dấu số 2 tại điểm có tọa độ địa lý 10°53'19,013" vĩ độ Bắc, 105°01'46,301" kinh độ Đông và có độ cao 2,56m, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°53'18.255" vĩ độ Bắc, 105°01'46,479" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°53'16,026" vĩ độ Bắc, 105°01'46,504" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°53'15,554" vĩ độ Bắc, 105°01'46,596" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°53'11,882" vĩ độ Bắc, 105°01'46,989" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 254/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,778km.

Mốc giới số 254/1 là mốc phụ đơn, cắm trên bờ ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°53'08,020" vĩ độ Bắc, 105°01'48,042" kinh độ Đông và có độ cao 2,37m.

Từ mốc giới số 254/1, đường biên giới hướng chung Nam - Đông Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°53'07,114" vĩ độ Bắc, 105°01'49,778" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°53'05,427" vĩ độ Bắc, 105°01'50,665" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến cọc dấu số 1 tại điểm có tọa độ địa lý 10°53'04,948" vĩ độ Bắc, 105°01'50,499" kinh độ Đông và có độ cao 2,33m, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°53'01,969" vĩ độ Bắc, 105°01'50,943" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến cọc dấu số 2 tại điểm có tọa độ địa lý

10°52'58,133" vĩ độ Bắc, 105°01'52,021" kinh độ Đông và có độ cao 2,28m, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°52'57,665" vĩ độ Bắc, 105°01'52,670" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°52'56,081" vĩ độ Bắc, 105°01'52,999" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°52'55,415" vĩ độ Bắc, 105°01'52,462" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới 254/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,606km.

Mốc giới số 254/2 là mốc phụ đơn, cắm trên bờ ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°52'50,406" vĩ độ Bắc, 105°01'53,617" kinh độ Đông và có độ cao 2,35m.

Từ mốc giới số 254/2, đường biên giới hướng chung Nam - Đông Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°52'50,680" vĩ độ Bắc, 105°01'54,543" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°52'46,465" vĩ độ Bắc, 105°01'56,035" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến cọc dấu số 1 tại điểm có tọa độ địa lý 10°52'43,646" vĩ độ Bắc, 105°01'56,209" kinh độ Đông và có độ cao 2,18m, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°52'40,351" vĩ độ Bắc, 105°01'55,850" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°52'40,854" vĩ độ Bắc, 105°01'56,523" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến cọc dấu số 2 tại điểm có tọa độ địa lý 10°52'34,944" vĩ độ Bắc, 105°01'58,618" kinh độ Đông và có độ cao 2,16m, tiếp tục theo đường thẳng đến cọc dấu số 3 tại điểm có tọa độ địa lý 10°52'28,532" vĩ độ Bắc, 105°01'59,330" kinh độ Đông và có độ cao 2,33m, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°52'28,462" vĩ độ Bắc, 105°01'59,108" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến cọc dấu số 4 tại điểm có tọa độ địa lý 10°52'24,525" vĩ độ Bắc, 105°01'59,320" kinh độ Đông và có độ cao 1,99m, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°52'22,171" vĩ độ Bắc, 105°01'58,539" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến cọc dấu số 5 tại điểm có tọa độ địa lý 10°52'19,178" vĩ độ Bắc, 105°01'59,167" kinh độ Đông và có độ cao 2,34m, rồi theo đường thẳng đến mốc giới 255. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,131km.

Mốc giới số 255 là mốc đơn, loại C, cắm trên bờ ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°52'17,317" vĩ độ Bắc, 105°01'59,961" kinh độ Đông và có độ cao 2,32m.

Từ mốc giới số 255, đường biên giới hướng chung Nam - Đông Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°52'14,395" vĩ độ Bắc, 105°02'01,205"

kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°52'13,531" vĩ độ Bắc, 105°02'02,998" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến cọc dấu số 1 tại điểm có tọa độ địa lý 10°52'10,479" vĩ độ Bắc, 105°02'03,584" kinh độ Đông và có độ cao 2,37m, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°52'10,376" vĩ độ Bắc, 105°02'02,274" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến cọc dấu số 2 tại điểm có tọa độ địa lý 10°52'05,762" vĩ độ Bắc, 105°02'02,479" kinh độ Đông và có độ cao 2,01m, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°52'06,009" vĩ độ Bắc, 105°02'04,016" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến cọc dấu số 3 tại điểm có tọa độ địa lý 10°52'02,049" vĩ độ Bắc, 105°02'04,693" kinh độ Đông và có độ cao 2,16m, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°51'59,920" vĩ độ Bắc, 105°02'05,653" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°51'58,581" vĩ độ Bắc, 105°02'06,683" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến cọc dấu số 4 tại điểm có tọa độ địa lý 10°51'55,842" vĩ độ Bắc, 105°02'09,298" kinh độ Đông và có độ cao 2,13m, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 255/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,975km.

Mốc giới số 255/1 là mốc phụ đơn, cắm trên bờ ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°51'51,958" vĩ độ Bắc, 105°02'11,016" kinh độ Đông và có độ cao 2,38m.

Từ mốc giới số 255/1, đường biên giới hướng chung Nam - Đông Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°51'49,188" vĩ độ Bắc, 105°02'12,639" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến cọc dấu số 1 tại điểm có tọa độ địa lý 10°51'44,490" vĩ độ Bắc, 105°02'15,061" kinh độ Đông và có độ cao 2,32m, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°51'44,325" vĩ độ Bắc, 105°02'15,417" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°51'43,032" vĩ độ Bắc, 105°02'15,627" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến cọc dấu số 2 tại điểm có tọa độ địa lý 10°51'37,699" vĩ độ Bắc, 105°02'19,189" kinh độ Đông và có độ cao 2,33m, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 255/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,615km.

Mốc giới số 255/2 là mốc phụ đơn, cắm trên bờ ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°51'34,380" vĩ độ Bắc, 105°02'20,146" kinh độ Đông và có độ cao 2,14m.

Từ mốc giới số 255/2, đường biên giới hướng chung Nam - Đông Nam, theo đường thẳng đến cọc dấu số 1 tại điểm có tọa độ địa lý 10°51'29,590" vĩ độ

Bắc, 105°02'22,639" kinh độ Đông và có độ cao 2,35m, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°51'28,189" vĩ độ Bắc, 105°02'23,279" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°51'23,639" vĩ độ Bắc, 105°02'24,091" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến cọc dấu số 2 tại điểm có tọa độ địa lý 10°51'23,429" vĩ độ Bắc, 105°02'23,380" kinh độ Đông và có độ cao 2,15m, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°51'20,137" vĩ độ Bắc, 105°02'24,533" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°51'20,461" vĩ độ Bắc, 105°02'25,039" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 256. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,587km.

Mốc giới số 256 là mốc đơn, loại C, cắm trên bờ ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°51'17,717" vĩ độ Bắc, 105°02'25,257" kinh độ Đông và có độ cao 2,32m.

Từ mốc giới số 256, đường biên giới hướng chung Nam - Đông Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°51'15,963" vĩ độ Bắc, 105°02'26,613" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°51'15,951" vĩ độ Bắc, 105°02'26,776" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°51'14,689" vĩ độ Bắc, 105°02'27,809" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến cọc dấu số 1 tại điểm có tọa độ địa lý 10°51'13,278" vĩ độ Bắc, 105°02'28,488" kinh độ Đông và có độ cao 2,30m, tiếp tục theo đường thẳng đến cọc dấu số 2 tại điểm có tọa độ địa lý 10°51'10,044" vĩ độ Bắc, 105°02'30,229" kinh độ Đông và có độ cao 2,24m, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°51'07,202" vĩ độ Bắc, 105°02'30,676" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°51'06,121" vĩ độ Bắc, 105°02'31,036" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°51'05,910" vĩ độ Bắc, 105°02'31,413" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 256/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,477km.

Mốc giới số 256/1 là mốc phụ đơn, cắm trên bờ ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°51'04,138" vĩ độ Bắc, 105°02'32,029" kinh độ Đông và có độ cao 2,40m.

Từ mốc giới số 256/1, đường biên giới hướng chung Nam - Đông Nam, theo đường thẳng đến cọc dấu số 1 tại điểm có tọa độ địa lý 10°50'56,172" vĩ độ Bắc, 105°02'34,649" kinh độ Đông và có độ cao 2,41m, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°50'54,236" vĩ độ Bắc, 105°02'35,326" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°50'54,306" vĩ

độ Bắc, 105°02'35,534" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến cọc dấu số 2 tại điểm có tọa độ địa lý 10°50'49,438" vĩ độ Bắc, 105°02'36,493" kinh độ Đông và có độ cao 2,30m; sau đó chuyển hướng Đông, theo đường thẳng đến mốc giới số 256/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,542km.

Mốc giới số 256/2 là mốc phụ đơn, cắm trên bờ ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°50'49,929" vĩ độ Bắc, 105°02'38,488" kinh độ Đông và có độ cao 2,36m.

Từ mốc giới số 256/2, đường biên giới hướng chung hướng Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°50'49,566" vĩ độ Bắc, 105°02'38,587" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°50'46,746" vĩ độ Bắc, 105°02'38,593" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến cọc dấu số 1 tại điểm có tọa độ địa lý 10°50'43,376" vĩ độ Bắc, 105°02'38,961" kinh độ Đông và có độ cao 2,30m; sau đó chuyển hướng Đông - Đông Bắc, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°50'44,013" vĩ độ Bắc, 105°02'40,625" kinh độ Đông; sau đó chuyển hướng chung Đông Nam, theo đường thẳng đến cọc dấu số 2 tại điểm có tọa độ địa lý 10°50'40,485" vĩ độ Bắc, 105°02'41,780" kinh độ Đông và có độ cao 2,22m, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°50'40,506" vĩ độ Bắc, 105°02'43,222" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 256/3. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,447km.

Mốc giới số 256/3 là mốc phụ đơn, cắm trên bờ ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°50'39,874" vĩ độ Bắc, 105°02'44,100" kinh độ Đông và có độ cao 2,13m.

Từ mốc giới số 256/3, đường biên giới hướng chung Đông Nam, theo đường thẳng đến cọc dấu số 1 tại điểm có tọa độ địa lý 10°50'35,432" vĩ độ Bắc, 105°02'46,647" kinh độ Đông và có độ cao 2,39m, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°50'31,845" vĩ độ Bắc, 105°02'47,055" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến cọc dấu số 2 tại điểm có tọa độ địa lý 10°50'31,656" vĩ độ Bắc, 105°02'48,867" kinh độ Đông và có độ cao 2,34m, tiếp tục theo đường thẳng đến cọc dấu số 3 tại điểm có tọa độ địa lý 10°50'27,331" vĩ độ Bắc, 105°02'54,625" kinh độ Đông và có độ cao 2,46m, tiếp tục theo đường thẳng đến cọc dấu số 4 tại điểm có tọa độ địa lý 10°50'24,165" vĩ độ Bắc, 105°02'56,483" kinh độ Đông và có độ cao 2,22m, rồi theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°50'22,643" vĩ độ Bắc, 105°02'56,960" kinh độ Đông; sau đó chuyển hướng Đông, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý

10°50'22,994" vĩ độ Bắc, 105°02'58,945" kinh độ Đông; sau đó chuyển hướng Nam - Đông Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 256/4. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,832km.

Mốc giới số 256/4 là mốc phụ đơn, cắm trên bờ ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°50'20,931" vĩ độ Bắc, 105°02'59,606" kinh độ Đông và có độ cao 2,38m.

Từ mốc giới 256/4, đường biên giới hướng Tây Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°50'20,304" vĩ độ Bắc, 105°02'59,171" kinh độ Đông; sau đó chuyển hướng Nam - Đông Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 257. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,381km.

Mốc giới số 257 là mốc đơn, loại C, cắm trên bờ ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°50'09,777" vĩ độ Bắc, 105°03'04,233" kinh độ Đông và có độ cao 3,01m.

Từ mốc giới số 257, đường biên giới hướng chung Nam - Đông Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°49'52,244" vĩ độ Bắc, 105°03'12,581" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 257/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,618km.

Mốc giới số 257/1 là mốc phụ đơn, cắm trên bờ ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°49'51,615" vĩ độ Bắc, 105°03'12,998" kinh độ Đông và có độ cao 2,38m.

Từ mốc giới số 257/1, đường biên giới hướng chung Nam - Đông Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°49'44,659" vĩ độ Bắc, 105°03'16,617" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°49'41,188" vĩ độ Bắc, 105°03'19,965" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến cọc dấu số 1 tại điểm có tọa độ địa lý 10°49'40,767" vĩ độ Bắc, 105°03'20,534" kinh độ Đông và có độ cao 2,42m, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°49'38,409" vĩ độ Bắc, 105°03'20,993" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°49'38,038" vĩ độ Bắc, 105°03'20,711" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°49'36,231" vĩ độ Bắc, 105°03'21,428" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°49'36,092" vĩ độ Bắc, 105°03'21,878" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°49'35,007" vĩ độ Bắc, 105°03'22,320" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến cọc dấu số 2 tại điểm có tọa độ địa lý 10°49'28,638" vĩ độ Bắc, 105°03'24,087" kinh độ Đông và có độ cao 3,06m, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°49'18,235" vĩ độ Bắc, 105°03'28,623" kinh độ

Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 257/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,172km.

Mốc giới số 257/2 là mốc phụ đơn, cắm trên bờ ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°49'17,877" vĩ độ Bắc, 105°03'28,927" kinh độ Đông và có độ cao 3,30m.

Từ mốc giới số 257/2, đường biên giới hướng chung Nam - Đông Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°49'15,208" vĩ độ Bắc, 105°03'29,988" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 258. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,219km.

Mốc giới số 258 là mốc đơn, loại C, cắm trên bờ ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°49'11,499" vĩ độ Bắc, 105°03'32,138" kinh độ Đông và có độ cao 2,59m.

Từ mốc giới số 258, đường biên giới hướng Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 258/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,452km.

Mốc giới số 258/1 là mốc phụ đơn, cắm trên bờ ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°48'56,801" vĩ độ Bắc, 105°03'31,239" kinh độ Đông và có độ cao 3,14m.

Từ mốc giới số 258/1, đường biên giới hướng Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 258/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,456km.

Mốc giới số 258/2 là mốc phụ đơn, cắm phía Nam rạch không tên, tại điểm có tọa độ địa lý 10°48'41,995" vĩ độ Bắc, 105°03'30,337" kinh độ Đông và có độ cao 3,01m.

Từ mốc giới số 258/2, đường biên giới hướng Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 259. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,624km.

Mốc giới số 259 là mốc đơn, loại C, cắm trên bãi đất trống, tại điểm có tọa độ địa lý 10°48'21,700" vĩ độ Bắc, 105°03'29,096" kinh độ Đông và có độ cao 2,94m.

Từ mốc giới số 259, đường biên giới hướng Nam - Đông Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 259/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,232km.

Mốc giới số 259/1 là mốc phụ đơn, cắm trên bờ ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°48'15,026" vĩ độ Bắc, 105°03'32,665" kinh độ Đông và có độ cao 2,31m.

Từ mốc giới số 259/1, đường biên giới hướng Nam - Đông Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 259/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,261km.

Mốc giới số 259/2 là mốc phụ đơn, cắm trên bờ ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°48'07,505" vĩ độ Bắc, 105°03'36,680" kinh độ Đông và có độ cao 2,38m.

Từ mốc giới số 259/2, đường biên giới hướng Nam - Đông Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 259/3. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,276km.

Mốc giới số 259/3 là mốc phụ đơn, cắm trên bờ ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°47'59,558" vĩ độ Bắc, 105°03'40,927" kinh độ Đông và có độ cao 2,78m.

Từ mốc giới số 259/3, đường biên giới hướng Nam - Đông Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 260. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,319km.

Mốc giới số 260 là mốc đơn, loại C (cặp cửa khẩu Vĩnh Hội Đông - Kam Pung Kro Xăng), cắm trên bờ phía Đông kênh Pol Sa Rươn, tại điểm có tọa độ địa lý 10°47'50,366" vĩ độ Bắc, 105°03'45,840" kinh độ Đông và có độ cao 5,59m.

Từ mốc giới số 260, đường biên giới hướng chung hướng Nam theo đường thẳng đến cọc dấu số 1 tại điểm có tọa độ địa lý 10°47'50,279" vĩ độ Bắc, 105°03'45,544" kinh độ Đông và có độ cao 2,81m, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°47'42,575" vĩ độ Bắc, 105°03'45,908" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°47'42,273" vĩ độ Bắc, 105°03'45,747" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến cọc dấu số 2 tại điểm có tọa độ địa lý 10°47'33,502" vĩ độ Bắc, 105°03'46,323" kinh độ Đông và có độ cao 3,12m, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°47'21,478" vĩ độ Bắc, 105°03'47,955" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°47'21,194" vĩ độ Bắc, 105°03'48,415" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 260/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,942km.

Mốc giới số 260/1 là mốc phụ đơn, cắm trên bờ phía Đông kênh Pol Sa Rươn, tại điểm có tọa độ địa lý 10°47'20,408" vĩ độ Bắc, 105°03'48,112" kinh độ Đông và có độ cao 2,67m.

Từ mốc giới số 260/1, đường biên giới hướng chung hướng Nam, theo đường thẳng đến cọc dấu số 1 tại điểm có tọa độ địa lý 10°47'05,485" vĩ độ Bắc, 105°03'49,327" kinh độ Đông và có độ cao 2,43m, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 260/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,945km.

Mốc giới số 260/2 là mốc phụ đơn, cắm trên bờ phía Đông kênh Pol Sa Rươn, tại điểm có tọa độ địa lý 10°46'49,772" vĩ độ Bắc, 105°03'50,979" kinh độ Đông và có độ cao 4,07m.

Từ mốc giới số 260/2, đường biên giới hướng Đông, theo đường thẳng đến mốc giới số 261. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,105km.

Mốc giới số 261 là mốc đơn, loại C, cắm trên bờ phía Tây kênh Cái Hàng (prêch Kom Pung Kro Xăng), tại điểm có tọa độ địa lý 10°46'50,108" vĩ độ Bắc, 105°03'54,419" kinh độ Đông và có độ cao 3,70m.

Từ mốc giới số 261, đường biên giới hướng chung hướng Đông, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°46'50,239" vĩ độ Bắc, 105°03'55,535" kinh độ Đông (trên bản đồ), rồi xuôi theo trung tuyến dòng chảy của rạch không tên (pro lai Kdol Chrum) đến mốc giới số 261/1. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài là 0,058km.

Mốc giới số 261/1 là mốc phụ đơn, cắm giữa rạch không tên (pro lai Kdol Chrum), tại điểm có tọa độ địa lý 10°46'50,132" vĩ độ Bắc, 105°03'56,320" kinh độ Đông và có độ cao 2,40m.

Từ mốc giới số 261/1, đường biên giới hướng chung Đông - Đông Nam, xuôi theo trung tuyến dòng chảy của rạch không tên (pro lai Kdol Chrum) đến mốc giới số 261/2. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài là 0,464km.

Mốc giới số 261/2 là mốc phụ đơn, cắm giữa rạch không tên (pro lai Kdol Chrum), tại điểm có tọa độ địa lý 10°46'46,871" vĩ độ Bắc, 105°04'11,243" kinh độ Đông và có độ cao 2,22m.

Từ mốc giới số 261/2, đường biên giới hướng chung Đông - Đông Nam, xuôi theo trung tuyến dòng chảy của rạch không tên (pro lai Kdol Chrum) qua cọc dấu số 1 tại điểm có tọa độ địa lý 10°46'43,289" vĩ độ Bắc, 105°04'26,036" kinh độ Đông và có độ cao 1,40m, qua cọc dấu số 2 tại điểm có tọa độ địa lý 10°46'41,544" vĩ độ Bắc, 105°04'30,092" kinh độ Đông và có độ cao 2,92m, đến điểm có tọa độ địa lý 10°46'41,933" vĩ độ Bắc, 105°04'34,531" kinh độ Đông (trên bản đồ), rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 262. Đoạn biên giới này là biên giới theo sông suối, có chiều dài là 0,778km.

Mốc giới số 262 là mốc đơn, loại C, cắm trên bờ ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°46'41,455" vĩ độ Bắc, 105°04'34,809" kinh độ Đông và có độ cao 2,83m.

Từ mốc giới số 262, đường biên giới hướng Đông Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 262/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,684km.

Mốc giới số 262/1 là mốc phụ đơn, cắm trên bờ ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°46'23,418" vĩ độ Bắc, 105°04'48,000" kinh độ Đông và có độ cao 2,74m.

Từ mốc giới số 262/1, đường biên giới hướng Đông Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 263. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,751km.

Mốc giới số 263 là mốc đơn, loại C, cắm trên bờ ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°46'03,615" vĩ độ Bắc, 105°05'02,482" kinh độ Đông và có độ cao 2,77m.

Từ mốc giới số 263, đường biên giới hướng Đông Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 263/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,788km.

Mốc giới số 263/1 là mốc phụ đơn, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°45'42,830" vĩ độ Bắc, 105°05'17,680" kinh độ Đông và có độ cao 2,44m.

Từ mốc giới số 263/1, đường biên giới hướng Đông Nam, theo đường thẳng, đến mốc giới số 263/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,390km.

Mốc giới số 263/2 là mốc phụ đơn, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°45'32,548" vĩ độ Bắc, 105°05'25,199" kinh độ Đông và có độ cao 2,88m.

Từ mốc giới số 263/2, đường biên giới hướng Đông Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 264. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,396km.

Mốc giới số 264 là mốc đơn, loại C, cắm trên bờ rạch không tên, tại điểm có tọa độ địa lý 10°45'22,093" vĩ độ Bắc, 105°05'32,840" kinh độ Đông và có độ cao 3,29m.

Từ mốc giới số 264, đường biên giới hướng Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 264/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,358km.

Mốc giới số 264/1 là mốc phụ đơn, cắm trên bãi đất trống, tại điểm có tọa độ địa lý 10°45'10,607" vĩ độ Bắc, 105°05'34,794" kinh độ Đông và có độ cao 2,76m.

Từ mốc giới số 264/1, đường biên giới hướng Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 264/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,384km.

Mốc giới số 264/2 là mốc phụ đơn, cắm trên bãi đất trống, tại điểm có tọa độ địa lý 10°44'58,286" vĩ độ Bắc, 105°05'36,876" kinh độ Đông và có độ cao 2,50m.

Từ mốc giới số 264/2, đường biên giới hướng Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 264/3. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,418km.

Mốc giới số 264/3 là mốc phụ đơn, cắm trên bãi đất trống, tại điểm có tọa độ địa lý 10°44'44,867" vĩ độ Bắc, 105°05'39,169" kinh độ Đông và có độ cao 2,63m.

Từ mốc giới số 264/3, đường biên giới hướng Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 264/4. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,352km.

Mốc giới số 264/4 là mốc phụ đơn, cắm trên bãi đất trống, tại điểm có tọa độ địa lý 10°44'33,568" vĩ độ Bắc, 105°05'41,089" kinh độ Đông và có độ cao 2,58m.

Từ mốc giới số 264/4, đường biên giới hướng Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 264/5. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,343km.

Mốc giới số 264/5 là mốc phụ đơn, cắm trên bờ ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°44'22,553" vĩ độ Bắc, 105°05'42,961" kinh độ Đông và có độ cao 2,70m.

Từ mốc giới số 264/5, đường biên giới hướng Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 265. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,427km.

Mốc giới số 265 là mốc đơn, loại C, cắm phía Bắc đường đất, tại điểm có tọa độ địa lý 10°44'08,846" vĩ độ Bắc, 105°05'45,286" kinh độ Đông và có độ cao 3,28m.

Từ mốc giới số 265, đường biên giới hướng Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 265/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,142km.

Mốc giới số 265/1 là mốc phụ đơn, cắm trên bãi đất trống, tại điểm có tọa độ địa lý 10°44'04,286" vĩ độ Bắc, 105°05'46,055" kinh độ Đông và có độ cao 3,86m.

Từ mốc giới số 265/1, đường biên giới hướng Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 265/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,317km.

Mốc giới số 265/2 là mốc phụ đơn, cắm trên bãi đất trống, tại điểm có tọa độ địa lý 10°43'54,121" vĩ độ Bắc, 105°05'47,791" kinh độ Đông và có độ cao 3,01m.

Từ mốc giới số 265/2, đường biên giới hướng Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 265/3. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,332km.

Mốc giới số 265/3 là mốc phụ đơn, cắm trên bờ Tây kênh không tên (pro lai Ta Mao), tại điểm có tọa độ địa lý 10°43'43,460" vĩ độ Bắc, 105°05'49,600" kinh độ Đông và có độ cao 2,89m.

Từ mốc giới số 265/3, đường biên giới hướng Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 265/4. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,390km.

Mốc giới số 265/4 là mốc phụ đơn, cắm trên bãi đất trống, tại điểm có tọa độ địa lý 10°43'30,943" vĩ độ Bắc, 105°05'51,726" kinh độ Đông và có độ cao 2,69m.

Từ mốc giới số 265/4, đường biên giới hướng Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 266. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,405km.

Mốc giới số 266 là mốc đơn, loại C, cắm trên bãi đất trống, tại điểm có tọa độ địa lý 10°43'17,935" vĩ độ Bắc, 105°05'53,936" kinh độ Đông và có độ cao 2,94m.

Từ mốc giới số 266, đường biên giới hướng Tây - Tây Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 266/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,498km.

Mốc giới số 266/1 là mốc phụ đơn, cắm trên bãi đất trống, tại điểm có tọa độ địa lý 10°43'09,731" vĩ độ Bắc, 105°05'39,802" kinh độ Đông và có độ cao 2,44m.

Đoạn biên giới từ mốc giới số 266/1 đến mốc giới số 266/2 chưa phân giới trên thực địa.

Mốc giới số 266/2 là mốc phụ đơn, cắm trên bờ ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°42'57,779" vĩ độ Bắc, 105°05'19,213" kinh độ Đông và có độ cao 1,92m.

Từ mốc giới số 266/2, đường biên giới hướng Tây - Tây Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 267. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,680km.

Mốc giới số 267 là mốc đơn, loại C, cắm trên bờ ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°42'46,563" vĩ độ Bắc, 105°04'59,901" kinh độ Đông và có độ cao 2,73m.

Từ mốc giới số 267, đường biên giới hướng Tây - Tây Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 267/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,561km.

Mốc giới số 267/1 là mốc phụ đơn, cắm trên bờ ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°42'37,397" vĩ độ Bắc, 105°04'43,945" kinh độ Đông và có độ cao 2,42m.

Từ mốc giới số 267/1, đường biên giới hướng Tây - Tây Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 267/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,528km.

Mốc giới số 267/2 là mốc phụ đơn, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°42'28,768" vĩ độ Bắc, 105°04'28,930" kinh độ Đông và có độ cao 2,47m.

Từ mốc giới số 267/2, đường biên giới hướng Tây - Tây Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 267/3. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,545km.

Mốc giới số 267/3 là mốc phụ đơn, cắm trên bãi đất trống, tại điểm có tọa độ địa lý 10°42'19,858" vĩ độ Bắc, 105°04'13,413" kinh độ Đông và có độ cao 2,35m.

Từ mốc giới số 267/3, đường biên giới hướng Tây - Tây Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 267/4. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,543km.

Mốc giới số 267/4 là mốc phụ đơn, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°42'10,980" vĩ độ Bắc, 105°03'57,961" kinh độ Đông và có độ cao 2,40m.

Từ mốc giới số 267/4, đường biên giới hướng Tây - Tây Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 267/5. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,550km.

Mốc giới số 267/5 là mốc phụ đơn, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°42'01,987" vĩ độ Bắc, 105°03'42,305" kinh độ Đông và có độ cao 2,16m.

Từ mốc giới số 267/5, đường biên giới hướng Tây - Tây Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 268. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,542km.

Mốc giới số 268 là mốc đơn, loại C, cắm trên bãi đất trống, tại điểm có tọa độ địa lý 10°41'53,115" vĩ độ Bắc, 105°03'26,862" kinh độ Đông và có độ cao 2,63m.

Từ mốc giới số 268, đường biên giới hướng Tây - Tây Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 268/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,575km.

Mốc giới số 268/1 là mốc phụ đơn, cắm trên bãi đất trống, tại điểm có tọa độ địa lý 10°41'43,722" vĩ độ Bắc, 105°03'10,503" kinh độ Đông và có độ cao 2,17m.

Từ mốc giới số 268/1, đường biên giới hướng Tây - Tây Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 268/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,574km.

Mốc giới số 268/2 là mốc phụ đơn, cắm trên bãi đất trống, tại điểm có tọa độ địa lý 10°41'34,324" vĩ độ Bắc, 105°02'54,156" kinh độ Đông và có độ cao 2,09m.

Từ mốc giới số 268/2, đường biên giới hướng Tây - Tây Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 269.Chiều dài đoạn biên giới này là 0,562km.

Mốc giới số 269 là mốc đơn, loại C, cắm giữa rạch không tên (prêch Nẹk Ta), tại điểm có tọa độ địa lý 10°41'25,130" vĩ độ Bắc, 105°02'38,146" kinh độ Đông và có độ cao 2,46m.

Từ mốc giới số 269, đường biên giới hướng Tây - Tây Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 269/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,632km.

Mốc giới số 269/1 là mốc phụ đơn, cắm trên bãi đất trống, tại điểm có tọa độ địa lý 10°41'14,825" vĩ độ Bắc, 105°02'20,136" kinh độ Đông và có độ cao 2,45m.

Từ mốc giới số 269/1, đường biên giới hướng Tây - Tây Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 269/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,623km.

Mốc giới số 269/2 là mốc phụ đơn, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°41'04,660" vĩ độ Bắc, 105°02'02,382" kinh độ Đông và có độ cao 2,65m.

Từ mốc giới số 269/2, đường biên giới hướng Tây - Tây Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 269/3. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,623km.

Mốc giới số 269/3 là mốc phụ đơn, cắm trong ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°40'54,502" vĩ độ Bắc, 105°01'44,636" kinh độ Đông và có độ cao 2,32m.

Từ mốc giới số 269/3, đường biên giới hướng Tây - Tây Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 269/4. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,637km.

Mốc giới số 269/4 là mốc phụ đơn, cắm trên bãi đất trống, tại điểm có tọa độ địa lý 10°40'44,127" vĩ độ Bắc, 105°01'26,493" kinh độ Đông và có độ cao 2,00m.

Từ mốc giới số 269/4, đường biên giới hướng Tây - Tây Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 270. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,608km.

Mốc giới số 270 là mốc đơn, loại C, cắm trên bãi đất trống, tại điểm có tọa độ địa lý 10°40'34,209" vĩ độ Bắc, 105°01'09,170" kinh độ Đông và có độ cao 2,27m.

Từ mốc giới số 270, đường biên giới hướng Nam - Đông Nam, theo đường thẳng đến cọc dấu số 1 tại điểm có tọa độ địa lý 10°40'30,059" vĩ độ Bắc, 105°01'10,176" kinh độ Đông và có độ cao 2,73m; sau đó chuyển hướng chung Tây - Tây Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°40'28,378" vĩ độ Bắc, 105°01'07,129" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°40'26,685" vĩ độ Bắc, 105°01'03,978" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến cọc dấu số 2 tại điểm có tọa độ địa lý 10°40'23,562" vĩ độ Bắc,

105°00'58,273" kinh độ Đông và có độ cao 2,35m, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 270/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,983km.

Mốc giới số 270/1 là mốc phụ đơn, cắm trên bờ ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°40'16,625" vĩ độ Bắc, 105°00'45,650" kinh độ Đông và có độ cao 2,89m.

Từ mốc giới số 270/1, đường biên giới hướng chung Tây - Tây Nam, theo đường thẳng đến cọc dấu số 1 tại điểm có tọa độ địa lý 10°40'10,528" vĩ độ Bắc, 105°00'34,916" kinh độ Đông và có độ cao 2,70m, tiếp tục theo đường thẳng đến cọc dấu số 2 tại điểm có tọa độ địa lý 10°40'04,664" vĩ độ Bắc, 105°00'24,558" kinh độ Đông và có độ cao 2,56m, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 270/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,083km.

Mốc giới số 270/2 là mốc phụ đơn, cắm trên bờ ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°39'59,042" vĩ độ Bắc, 105°00'14,755" kinh độ Đông và có độ cao 2,89m.

Từ mốc giới số 270/2, đường biên giới hướng Nam - Đông Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°39'58,879" vĩ độ Bắc, 105°00'14,803" kinh độ Đông; sau đó chuyển hướng chung Tây - Tây Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°39'54,571" vĩ độ Bắc, 105°00'07,898" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến cọc dấu số 1 tại điểm có tọa độ địa lý 10°39'52,752" vĩ độ Bắc, 105°00'04,621" kinh độ Đông và có độ cao 3,87m, rồi theo đường thẳng đến cọc dấu số 2 tại điểm có tọa độ địa lý 10°39'45,785" vĩ độ Bắc, 104°59'52,933" kinh độ Đông và có độ cao 2,80m; sau đó chuyển hướng Bắc - Tây Bắc, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°39'46,688" vĩ độ Bắc, 104°59'52,353" kinh độ Đông; sau đó chuyển hướng chung Tây - Tây Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°39'46,337" vĩ độ Bắc, 104°59'51,785" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 270/3. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,129km.

Mốc giới số 270/3 là mốc phụ đơn, cắm trên bờ Bắc kênh 79, tại điểm có tọa độ địa lý 10°39'41,325" vĩ độ Bắc, 104°59'43,559" kinh độ Đông và có độ cao 2,51m.

Từ mốc giới số 270/3, đường biên giới hướng Tây - Tây Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°39'37,507" vĩ độ Bắc, 104°59'36,994" kinh độ Đông; sau đó chuyển hướng Bắc - Tây Bắc, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°39'37,878" vĩ độ Bắc, 104°59'36,881" kinh độ Đông; sau đó chuyển hướng Tây - Tây Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý

10°39'36,908" vĩ độ Bắc, 104°59'35,238" kinh độ Đông; sau đó chuyển hướng Nam - Đông Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°39'36,539" vĩ độ Bắc, 104°59'35,367" kinh độ Đông; sau đó chuyển hướng Tây - Tây Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 270/4. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,354km.

Mốc giới số 270/4 là mốc phụ đơn, cắm trên bờ Bắc kênh 79, tại điểm có tọa độ địa lý 10°39'35,859" vĩ độ Bắc, 104°59'34,233" kinh độ Đông và có độ cao 2,51m.

Từ mốc giới số 270/4, đường biên giới hướng Tây - Tây Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°39'33,030" vĩ độ Bắc, 104°59'29,316" kinh độ Đông; sau đó chuyển hướng Bắc - Tây Bắc, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°39'33,393" vĩ độ Bắc, 104°59'29,170" kinh độ Đông; sau đó chuyển hướng Tây - Tây Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 271. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,363km.

Mốc giới số 271, là mốc đơn, loại C, cắm trên bờ Bắc kênh 79, tại điểm có tọa độ địa lý 10°39'30,383" vĩ độ Bắc, 104°59'24,156" kinh độ Đông và có độ cao 3,39m.

Từ mốc giới số 271, đường biên giới hướng chung Tây - Tây Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°39'29,743" vĩ độ Bắc, 104°59'23,015" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°39'27,955" vĩ độ Bắc, 104°59'20,525" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°39'26,772" vĩ độ Bắc, 104°59'18,261" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°39'26,751" vĩ độ Bắc, 104°59'17,740" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến cọc dấu số 1 tại điểm có tọa độ địa lý 10°39'21,284" vĩ độ Bắc, 104°59'08,338" kinh độ Đông và có độ cao 2,90m, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°39'17,706" vĩ độ Bắc, 104°59'02,221" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°39'16,769" vĩ độ Bắc, 104°59'00,513" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 271/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,844km.

Mốc giới số 271/1 là mốc phụ đơn, cắm tại bờ Bắc kênh 79, tại điểm có tọa độ địa lý 10°39'16,457" vĩ độ Bắc, 104°59'00,413" kinh độ Đông và có độ cao 2,65m.

Từ mốc giới số 271/1, đường biên giới hướng chung Tây Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°39'14,094" vĩ độ Bắc, 104°58'57,556" kinh

độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°39'14,042" vĩ độ Bắc, 104°58'57,596" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 271/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,753km.

Mốc giới số 271/2 là mốc phụ đơn, cắm tại bờ Bắc kênh 79, tại điểm có tọa độ địa lý 10°39'00,832" vĩ độ Bắc, 104°58'41,388" kinh độ Đông và có độ cao 2,92m.

Từ mốc giới số 271/2, đường biên giới hướng chung Tây - Tây Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°38'54,976" vĩ độ Bắc, 104°58'27,656" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 272. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,507km.

Mốc giới số 272 là mốc đơn, loại C, cắm giữa kênh không tên, tại điểm có tọa độ địa lý 10°38'54,341" vĩ độ Bắc, 104°58'26,035" kinh độ Đông và có độ cao 3,28m.

Từ mốc giới số 272, đường biên giới hướng Tây Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 272/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,405km.

Mốc giới số 272/1 là mốc phụ đơn, cắm ở giữa kênh không tên, tại điểm có tọa độ địa lý 10°38'49,294" vĩ độ Bắc, 104°58'13,705" kinh độ Đông và có độ cao 3,52m.

Từ mốc giới số 272/1, đường biên giới hướng Tây - Tây Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 272/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,794km.

Mốc giới số 272/2 là mốc phụ đơn, cắm trên bờ ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°38'39,171" vĩ độ Bắc, 104°57'49,649" kinh độ Đông và có độ cao 2,15m.

Từ mốc giới số 272/2, đường biên giới hướng Nam - Đông Nam, theo đường thẳng đến cọc dấu số 1 tại điểm có tọa độ địa lý 10°38'36,350" vĩ độ Bắc, 104°57'50,939" kinh độ Đông và có độ cao 2,14m; sau đó chuyển hướng chung Tây - Tây Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°38'34,812" vĩ độ Bắc, 104°57'48,195" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°38'34,255" vĩ độ Bắc, 104°57'48,206" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°38'34,005" vĩ độ Bắc, 104°57'47,483" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°38'30,229" vĩ độ Bắc, 104°57'41,754" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến cọc dấu số 2 tại điểm có tọa độ địa lý 10°38'30,263" vĩ độ Bắc,

104°57'41,633" kinh độ Đông và có độ cao 2,44m, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 273. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,007km.

Mốc giới số 273 là mốc đơn, loại C, cắm trên bờ ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°38'20,103" vĩ độ Bắc, 104°57'26,215" kinh độ Đông và có độ cao 3,04m.

Từ mốc giới số 273, đường biên giới hướng chung Tây Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°38'12,196" vĩ độ Bắc, 104°57'13,841" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°38'10,221" vĩ độ Bắc, 104°57'11,880" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°38'08,584" vĩ độ Bắc, 104°57'11,215" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°38'06,709" vĩ độ Bắc, 104°57'10,821" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°38'05,159" vĩ độ Bắc, 104°57'08,494" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°38'04,884" vĩ độ Bắc, 104°57'08,302" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 273/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,106km.

Mốc giới số 273/1 là mốc phụ đơn, cắm trên bãi đất trống, tại điểm có tọa độ địa lý 10°37'55,576" vĩ độ Bắc, 104°57'00,851" kinh độ Đông và có độ cao 1,95m.

Từ mốc giới 273/1, đường biên giới hướng Tây Nam, theo đường thẳng đến mốc giới 273/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,852km.

Mốc giới số 273/2 là mốc phụ đơn, cắm trên bãi đất trống, tại điểm có tọa độ địa lý 10°37'33,832" vĩ độ Bắc, 104°56'43,434" kinh độ Đông và có độ cao 2,17m.

Từ mốc giới 273/2, đường biên giới hướng chung Tây Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°37'24,436" vĩ độ Bắc, 104°56'35,909" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 273/3. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,100km.

Mốc giới số 273/3 là mốc phụ đơn, cắm trên bãi đất trống, tại điểm có tọa độ địa lý 10°37'06,168" vĩ độ Bắc, 104°56'20,428" kinh độ Đông và có độ cao 2,20m.

Từ mốc giới số 273/3, đường biên giới hướng Tây Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 273/4. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,368km.

Mốc giới số 273/4 là mốc phụ đơn, cắm trên bờ Tây kênh 79, tại điểm có tọa độ địa lý 10°36'56,881" vĩ độ Bắc, 104°56'12,762" kinh độ Đông và có độ cao 2,36m.

Từ mốc giới số 273/4, đường biên giới hướng Tây Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 274. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,287km.

Mốc giới số 274 là mốc đơn, loại C, cắm trên bờ Tây kênh 79, tại điểm có tọa độ địa lý 10°36'49,877" vĩ độ Bắc, 104°56'06,523" kinh độ Đông và có độ cao 3,98m.

Từ mốc giới số 274, đường biên giới hướng chung Nam - Tây Nam, theo đường thẳng đến cọc dấu số 1 tại điểm có tọa độ địa lý 10°36'36,391" vĩ độ Bắc, 104°55'59,085" kinh độ Đông và có độ cao 2,89m, tiếp tục theo đường thẳng đến cọc dấu số 2 tại điểm có tọa độ địa lý 10°36'23,038" vĩ độ Bắc, 104°55'51,724" kinh độ Đông và có độ cao 2,43m, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 275. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,405km.

Mốc giới số 275 là mốc đơn, loại A, cắm tại cặp cửa khẩu quốc tế Tịnh Biên (Việt Nam) - Phnôm Đân (Campuchia), là điểm giao giữa quốc lộ số 91 (Việt Nam) và đường số 2 (Campuchia) với đường biên giới, tại điểm có tọa độ địa lý 10°36'09,715" vĩ độ Bắc, 104°55'44,377" kinh độ Đông và có độ cao 8,36m.

Từ mốc giới số 275, đường biên giới hướng chung Nam - Tây Nam, theo đường thẳng đến cọc dấu 1 tại điểm có tọa độ địa lý 10°35'59,156" vĩ độ Bắc, 104°55'39,588" kinh độ Đông và có độ cao 2,43m, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 275/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,793km.

Mốc giới số 275/1 là mốc phụ đơn, cắm trên bờ Tây kênh 79, tại điểm có tọa độ địa lý 10°35'46,176" vĩ độ Bắc, 104°55'33,636" kinh độ Đông và có độ cao 2,32m.

Từ mốc giới số 275/1, đường biên giới hướng Nam - Tây Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 275/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,797km.

Mốc giới số 275/2 là mốc phụ đơn, cắm trên bờ ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°35'22,544" vĩ độ Bắc, 104°55'22,806" kinh độ Đông và có độ cao 2,44m.

Từ mốc giới số 275/2, đường biên giới hướng chung Nam - Tây Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°35'19,806" vĩ độ Bắc, 104°55'21,348" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°35'14,980" vĩ độ Bắc, 104°55'18,618" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 275/3. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,587km.

Mốc giới số 275/3 là mốc phụ đơn, cắm trên bờ ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°35'05,408" vĩ độ Bắc, 104°55'14,298" kinh độ Đông và có độ cao 2,62m.

Từ mốc giới số 275/3, đường biên giới hướng Nam - Tây Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ 10°34'50,445" vĩ độ Bắc, 104°55'07,685" kinh độ Đông; sau đó chuyển hướng Đông - Đông Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ 10°34'50,358" vĩ độ Bắc, 104°55'08,047" kinh độ Đông; sau đó chuyển hướng Nam - Tây Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 275/4. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,589km.

Mốc giới số 275/4 là mốc phụ đơn, cắm giữa hai bờ ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°34'48,150" vĩ độ Bắc, 104°55'06,928" kinh độ Đông và có độ cao 2,83m.

Từ mốc giới số 275/4, đường biên giới hướng chung Nam - Tây Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°34'45,056" vĩ độ Bắc, 104°55'05,231" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°34'41,526" vĩ độ Bắc, 104°55'03,045" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°34'38,097" vĩ độ Bắc, 104°55'01,051" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°34'32,155" vĩ độ Bắc, 104°54'57,467" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 276. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,691km.

Mốc giới số 276 là mốc đơn, loại C, cắm trên bờ ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°34'28,764" vĩ độ Bắc, 104°54'55,413" kinh độ Đông và có độ cao 5,28m.

Từ mốc giới số 276, đường biên giới hướng chung Nam - Tây Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°34'24,987" vĩ độ Bắc, 104°54'53,006" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°34'20,479" vĩ độ Bắc, 104°54'49,827" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°34'16,151" vĩ độ Bắc, 104°54'46,917" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 276/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,618km.

Mốc giới số 276/1 là mốc phụ đơn, cắm trên bờ ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°34'12,029" vĩ độ Bắc, 104°54'44,126" kinh độ Đông và có độ cao 3,61m.

Từ mốc giới số 276/1, đường biên giới hướng Tây, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°34'12,014" vĩ độ Bắc, 104°54'43,856" kinh độ Đông; sau đó chuyển hướng chung Tây Nam, *theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa*

lý 10°34'10,711" vĩ độ Bắc, 104°54'42,674" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°34'07,381" vĩ độ Bắc, 104°54'40,458" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°34'03,952" vĩ độ Bắc, 104°54'38,112" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°33'58,134" vĩ độ Bắc, 104°54'34,251" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 276/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,668km.

Mốc giới số 276/2 là mốc phụ đơn, cắm trên bờ ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°33'54,269" vĩ độ Bắc, 104°54'31,628" kinh độ Đông và có độ cao 4,02m.

Từ mốc giới số 276/2, đường biên giới hướng chung Nam - Tây Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°33'49,086" vĩ độ Bắc, 104°54'28,154" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°33'42,548" vĩ độ Bắc, 104°54'24,286" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°33'39,774" vĩ độ Bắc, 104°54'22,595" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°33'37,647" vĩ độ Bắc, 104°54'21,390" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 277. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,719km.

Mốc giới số 277 là mốc đơn, loại C, cắm trên bờ ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°33'34,312" vĩ độ Bắc, 104°54'19,265" kinh độ Đông và có độ cao 5,26m.

Từ mốc giới số 277, đường biên giới hướng chung Nam - Tây Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°33'32,705" vĩ độ Bắc, 104°54'18,300" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°33'30,542" vĩ độ Bắc, 104°54'17,378" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°33'30,157" vĩ độ Bắc, 104°54'17,480" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°33'29,732" vĩ độ Bắc, 104°54'17,305" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°33'29,583" vĩ độ Bắc, 104°54'17,046" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°33'29,466" vĩ độ Bắc, 104°54'16,692" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°33'24,803" vĩ độ Bắc, 104°54'13,791" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°33'23,266" vĩ độ Bắc, 104°54'13,000" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°33'20,558" vĩ độ Bắc, 104°54'11,510" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến cọc dấu số 1 tại điểm có tọa độ địa lý 10°33'19,928" vĩ độ Bắc, 104°54'11,270" kinh độ

Đông và có độ cao 3,56m, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°33'18,288" vĩ độ Bắc, 104°54'10,221" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°33'16,782" vĩ độ Bắc, 104°54'09,239" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°33'12,413" vĩ độ Bắc, 104°54'06,754" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến cọc dấu số 2 tại điểm có tọa độ địa lý 10°33'07,926" vĩ độ Bắc, 104°54'04,279" kinh độ Đông và có độ cao 3,32m, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°33'06,364" vĩ độ Bắc, 104°54'03,366" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°33'02,994" vĩ độ Bắc, 104°54'01,201" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°33'00,157" vĩ độ Bắc, 104°53'59,295" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°32'57,756" vĩ độ Bắc, 104°53'56,939" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 278. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,419km.

Mốc giới số 278 là mốc đơn, loại C, cắm trên bờ ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°32'55,612" vĩ độ Bắc, 104°53'54,678" kinh độ Đông và có độ cao 4,62m.

Từ mốc giới số 278, đường biên giới hướng chung Tây Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°32'51,524" vĩ độ Bắc, 104°53'48,700" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°32'48,980" vĩ độ Bắc, 104°53'45,263" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 278/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,632km.

Mốc giới số 278/1 là mốc phụ đơn, cắm trên bờ ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°32'42,697" vĩ độ Bắc, 104°53'38,537" kinh độ Đông và có độ cao 3,52m.

Từ mốc giới số 278/1, đường biên giới hướng chung Tây Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ 10°32'39,693" vĩ độ Bắc, 104°53'35,398" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ 10°32'39,807" vĩ độ Bắc, 104°53'35,273" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ 10°32'33,762" vĩ độ Bắc, 104°53'28,850" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ 10°32'33,636" vĩ độ Bắc, 104°53'28,927" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 279. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,704km.

Mốc giới số 279 là mốc đơn, loại C, cắm trên bờ ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°32'27,321" vĩ độ Bắc, 104°53'21,727" kinh độ Đông và có độ cao 3,94m.

Từ mốc giới số 279, đường biên giới hướng chung Tây Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°32'18,703" vĩ độ Bắc, 104°53'12,021" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°32'18,951" vĩ độ Bắc, 104°53'11,803" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 279/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,507km.

Mốc giới số 279/1 là mốc phụ đơn, cắm trên bờ ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°32'16,738" vĩ độ Bắc, 104°53'09,355" kinh độ Đông và có độ cao 4,49m.

Từ mốc giới số 279/1, đường biên giới hướng chung Tây Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°32'12,350" vĩ độ Bắc, 104°53'05,099" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới 279/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,498km.

Mốc giới số 279/2 là mốc phụ đơn, cắm giữa hai bờ ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°32'05,262" vĩ độ Bắc, 104°52'57,794" kinh độ Đông và có độ cao 3,45m.

Từ mốc giới số 279/2, đường biên giới hướng Tây Nam, theo đường thẳng đến mốc giới số 280. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,549km.

Mốc giới số 280 là mốc đơn, loại C, cắm trên bờ Tây kênh 79, tại điểm có tọa độ địa lý 10°31'53,154" vĩ độ Bắc, 104°52'44,499" kinh độ Đông và có độ cao 3,90m.

Từ mốc giới số 280, đường biên giới hướng chung Tây Nam, theo đường thẳng đến cọc dấu số 1 tại điểm có tọa độ địa lý 10°31'42,832" vĩ độ Bắc, 104°52'33,522" kinh độ Đông và có độ cao 4,60m, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°31'34,185" vĩ độ Bắc, 104°52'24,131" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°31'30,762" vĩ độ Bắc, 104°52'20,383" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến cọc dấu số 2 tại điểm có tọa độ địa lý 10°31'27,399" vĩ độ Bắc, 104°52'16,667" kinh độ Đông và có độ cao 3,78m, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°31'23,304" vĩ độ Bắc, 104°52'12,439" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới 281. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,576km.

Mốc giới số 281 là mốc đơn, loại C, cắm trên bờ ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°31'18,094" vĩ độ Bắc, 104°52'06,654" kinh độ Đông và có độ cao 3,91m.

Từ mốc giới số 281, đường biên giới hướng chung Tây - Tây Nam, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°31'17,708" vĩ độ Bắc, 104°52'05,739"

kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 281/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,229km.

Mốc giới số 281/1 là mốc phụ đơn, cắm trên bờ ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°31'16,221" vĩ độ Bắc, 104°51'59,391" kinh độ Đông và có độ cao 4,59m.

Từ mốc giới số 281/1, đường biên giới hướng chung hướng Tây, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°31'16,056" vĩ độ Bắc, 104°51'52,303" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°31'16,033" vĩ độ Bắc, 104°51'49,718" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°31'15,841" vĩ độ Bắc, 104°51'45,711" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°31'15,890" vĩ độ Bắc, 104°51'44,740" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°31'16,042" vĩ độ Bắc, 104°51'41,797" kinh độ Đông; sau đó chuyển hướng Nam, theo đường thẳng đến cọc dấu số 1 tại điểm có tọa độ địa lý 10°31'15,228" vĩ độ Bắc, 104°51'41,733" kinh độ Đông và có độ cao 2,97m; sau đó chuyển hướng chung hướng Tây, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°31'15,334" vĩ độ Bắc, 104°51'41,168" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°31'15,046" vĩ độ Bắc, 104°51'36,864" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°31'14,533" vĩ độ Bắc, 104°51'34,023" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°31'14,491" vĩ độ Bắc, 104°51'32,044" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°31'14,444" vĩ độ Bắc, 104°51'30,644" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến cọc dấu số 2 tại điểm có tọa độ địa lý 10°31'13,624" vĩ độ Bắc, 104°51'24,829" kinh độ Đông và có độ cao 3,43m, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°31'13,289" vĩ độ Bắc, 104°51'22,907" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°31'13,060" vĩ độ Bắc, 104°51'21,051" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°31'12,599" vĩ độ Bắc, 104°51'16,871" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°31'12,607" vĩ độ Bắc, 104°51'13,487" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới 281/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,557km.

Mốc giới số 281/2 là mốc phụ đơn, cắm trên bờ ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°31'12,277" vĩ độ Bắc, 104°51'09,132" kinh độ Đông và có độ cao 4,55m.

Từ mốc giới số 281/2, đường biên giới hướng Bắc, theo đường thẳng đến cọc dấu số 1 tại điểm có tọa độ địa lý 10°31'13,733" vĩ độ Bắc, 104°51'09,008" kinh độ Đông và có độ cao 2,94m; sau đó chuyển hướng chung hướng Tây, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°31'13,715" vĩ độ Bắc, 104°51'02,264" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°31'13,576" vĩ độ Bắc, 104°50'57,426" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến cọc dấu số 2 tại điểm có tọa độ địa lý 10°31'13,160" vĩ độ Bắc, 104°50'52,548" kinh độ Đông và có độ cao 3,43m; sau đó chuyển hướng Bắc, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°31'13,612" vĩ độ Bắc, 104°50'52,536" kinh độ Đông; sau đó chuyển hướng chung hướng Tây, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°31'13,486" vĩ độ Bắc, 104°50'47,467" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°31'13,611" vĩ độ Bắc, 104°50'47,457" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°31'13,612" vĩ độ Bắc, 104°50'46,291" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 282. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,829km.

Mốc giới số 282 là mốc đơn, loại C, cắm trên bờ ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°31'13,308" vĩ độ Bắc, 104°50'43,823" kinh độ Đông và có độ cao 3,59m.

Từ mốc giới số 282, đường biên giới hướng chung hướng Tây, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°31'12,770" vĩ độ Bắc, 104°50'39,440" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°31'12,864" vĩ độ Bắc, 104°50'39,438" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°31'12,466" vĩ độ Bắc, 104°50'35,559" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến cọc dấu số 1 tại điểm có tọa độ địa lý 10°31'12,307" vĩ độ Bắc, 104°50'30,497" kinh độ Đông và có độ cao 2,59m, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°31'12,711" vĩ độ Bắc, 104°50'30,506" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°31'12,749" vĩ độ Bắc, 104°50'27,876" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°31'13,220" vĩ độ Bắc, 104°50'27,875" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°31'12,822" vĩ độ Bắc, 104°50'20,607" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°31'13,107" vĩ độ Bắc, 104°50'20,599" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°31'12,921" vĩ độ Bắc, 104°50'17,631" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến cọc dấu số 2 tại điểm có tọa độ địa lý 10°31'12,826" vĩ độ Bắc,

104°50'17,656" kinh độ Đông và có độ cao 2,97m, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°31'12,678" vĩ độ Bắc, 104°50'16,302" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°31'12,775" vĩ độ Bắc, 104°50'16,290" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°31'12,352" vĩ độ Bắc, 104°50'10,926" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 282/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,332km.

Mốc giới số 282/1 là mốc phụ đơn, cắm trên bờ ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°31'11,432" vĩ độ Bắc, 104°50'01,613" kinh độ Đông và có độ cao 4,03m.

Từ mốc giới số 282/1, đường biên giới hướng chung hướng Tây, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°31'10,962" vĩ độ Bắc, 104°49'57,151" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°31'10,661" vĩ độ Bắc, 104°49'52,935" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến cọc dấu số I tại điểm có tọa độ địa lý 10°31'10,643" vĩ độ Bắc, 104°49'45,779" kinh độ Đông và có độ cao 3,34m; sau đó chuyển hướng Bắc, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°31'11,559" vĩ độ Bắc, 104°49'45,751" kinh độ Đông; sau đó chuyển hướng chung hướng Tây, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°31'11,221" vĩ độ Bắc, 104°49'42,044" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 283. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,138km.

Mốc giới số 283 là mốc đơn, loại C, cắm trên bãi đất trống, tại điểm có tọa độ địa lý 10°31'14,008" vĩ độ Bắc, 104°49'25,365" kinh độ Đông và có độ cao 3,71m.

Từ mốc giới số 283, đường biên giới hướng Tây, theo đường thẳng đến mốc giới số 283/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,325km.

Mốc giới số 283/1 là mốc phụ đơn, cắm trên bãi đất trống, tại điểm có tọa độ địa lý 10°31'13,736" vĩ độ Bắc, 104°49'14,680" kinh độ Đông và có độ cao 3,30m.

Từ mốc giới số 283/1, đường biên giới hướng Tây, theo đường thẳng đến mốc giới số 283/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,325km.

Mốc giới số 283/2 là mốc phụ đơn, cắm trên bãi đất trống, tại điểm có tọa độ địa lý 10°31'13,466" vĩ độ Bắc, 104°49'03,994" kinh độ Đông và có độ cao 3,16m.

Từ mốc giới số 283/2, đường biên giới hướng Tây, theo đường thẳng đến mốc giới số 283/3. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,325km.

Mốc giới số 283/3 là mốc phụ đơn, cắm trên bãi đất trống, tại điểm có tọa độ địa lý 10°31'13,192" vĩ độ Bắc, 104°48'53,308" kinh độ Đông và có độ cao 3,13m.

Từ mốc giới số 283/3, đường biên giới hướng Tây, theo đường thẳng đến mốc giới số 284. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,325km.

Mốc giới số 284 là mốc đơn, loại C, cắm trên bãi đất trống, tại điểm có tọa độ địa lý 10°31'12,921" vĩ độ Bắc, 104°48'42,613" kinh độ Đông và có độ cao 4,30m.

Từ mốc giới số 284, đường biên giới hướng chung hướng Tây, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°31'12,822" vĩ độ Bắc, 104°48'38,632" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến cọc dấu số 1 tại điểm có tọa độ địa lý 10°31'12,766" vĩ độ Bắc, 104°48'31,176" kinh độ Đông và có độ cao 2,94m, rồi theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°31'12,843" vĩ độ Bắc, 104°48'19,265" kinh độ Đông; sau đó chuyển hướng Bắc, theo đường thẳng đến cọc dấu số 2 tại điểm có tọa độ địa lý 10°31'13,200" vĩ độ Bắc, 104°48'19,254" kinh độ Đông và có độ cao 3,64m; sau đó chuyển hướng chung hướng Tây, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°31'12,888" vĩ độ Bắc, 104°48'10,369" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến cọc dấu số 3 tại điểm có tọa độ địa lý 10°31'12,736" vĩ độ Bắc, 104°48'07,991" kinh độ Đông và có độ cao 3,26m; sau đó chuyển hướng Bắc - Tây Bắc, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°31'13,136" vĩ độ Bắc, 104°48'07,848" kinh độ Đông; sau đó chuyển hướng chung hướng Tây, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°31'12,841" vĩ độ Bắc, 104°48'05,826" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°31'13,010" vĩ độ Bắc, 104°48'05,806" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°31'12,909" vĩ độ Bắc, 104°48'03,798" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°31'12,928" vĩ độ Bắc, 104°47'58,848" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°31'13,281" vĩ độ Bắc, 104°47'58,261" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 285. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,410km.

Mốc giới số 285 là mốc đơn, loại C, cắm trên bờ ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°31'13,173" vĩ độ Bắc, 104°47'57,154" kinh độ Đông và có độ cao 3,94m.

Từ mốc giới số 285, đường biên giới hướng chung hướng Tây, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°31'12,879" vĩ độ Bắc, 104°47'54,824" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°31'12,689" vĩ

độ Bắc, 104°47'52,035" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°31'12,408" vĩ độ Bắc, 104°47'47,746" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°31'12,063" vĩ độ Bắc, 104°47'42,254" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 285/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,519km.

Mốc giới số 285/1 là mốc phụ đơn, cắm trên bờ ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°31'11,794" vĩ độ Bắc, 104°47'40,153" kinh độ Đông và có độ cao 3,98m.

Từ mốc giới số 285/1, đường biên giới hướng chung hướng Tây, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°31'10,969" vĩ độ Bắc, 104°47'33,977" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°31'10,750" vĩ độ Bắc, 104°47'32,145" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến cọc dấu số 1 tại điểm có tọa độ địa lý 10°31'10,748" vĩ độ Bắc, 104°47'29,999" kinh độ Đông và có độ cao 4,00m, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°31'10,513" vĩ độ Bắc, 104°47'29,910" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°31'10,388" vĩ độ Bắc, 104°47'29,229" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°31'10,793" vĩ độ Bắc, 104°47'29,084"kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°31'10,794" vĩ độ Bắc, 104°47'28,034" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°31'10,620" vĩ độ Bắc, 104°47'27,385" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°31'10,227" vĩ độ Bắc, 104°47'26,704" kinh độ Đông; sau đó chuyển hướng Bắc - Tây Bắc, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°31'11,284" vĩ độ Bắc, 104°47'26,328" kinh độ Đông; sau đó chuyển hướng chung hướng Tây, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°31'11,029" vĩ độ Bắc, 104°47'24,974" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến cọc dấu số 2 tại điểm có tọa độ địa lý 10°31'10,784" vĩ độ Bắc, 104°47'24,855" kinh độ Đông và có độ cao 3,34m, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°31'10,945" vĩ độ Bắc, 104°47'20,126" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 286. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,675km.

Mốc giới số 286 là mốc đơn, loại C, cắm trên bãi đất trống, tại điểm có tọa độ địa lý 10°31'10,802" vĩ độ Bắc, 104°47'19,584" kinh độ Đông và có độ cao 3,24m.

Từ mốc giới số 286, đường biên giới hướng chung hướng Tây, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°31'10,967" vĩ độ Bắc, 104°47'19,098" kinh

độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°31'10,985" vĩ độ Bắc, 104°47'18,121" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°31'11,641" vĩ độ Bắc, 104°47'17,953" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến cọc dấu số 1 tại điểm có tọa độ địa lý 10°31'11,478" vĩ độ Bắc, 104°47'14,756" kinh độ Đông và có độ cao 3,60m, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°31'10,782" vĩ độ Bắc, 104°47'08,456" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 286/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,528km.

Mốc giới số 286/1 là mốc phụ đơn, cắm trên bờ ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°31'10,471" vĩ độ Bắc, 104°47'02,794" kinh độ Đông và có độ cao 3,31m.

Từ mốc giới số 286/1, đường biên giới hướng chung hướng Tây, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°31'10,386" vĩ độ Bắc, 104°46'59,667" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°31'10,465" vĩ độ Bắc, 104°46'52,489" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°31'10,593" vĩ độ Bắc, 104°46'52,378" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 286/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,390km.

Mốc giới số 286/2 là mốc phụ đơn, cắm trên bờ ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°31'10,410" vĩ độ Bắc, 104°46'50,037" kinh độ Đông và có độ cao 3,48m.

Từ mốc giới số 286/2, đường biên giới hướng chung hướng Tây, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°31'10,388" vĩ độ Bắc, 104°46'48,284" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°31'10,202" vĩ độ Bắc, 104°46'42,540" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°31'10,019" vĩ độ Bắc, 104°46'39,976" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 287. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,408km.

Mốc giới số 287 là mốc đơn, loại C, cắm trên bờ ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°31'09,939" vĩ độ Bắc, 104°46'36,629" kinh độ Đông và có độ cao 3,27m.

Từ mốc giới số 287, đường biên giới hướng chung hướng Tây, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°31'09,814" vĩ độ Bắc, 104°46'32,034" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°31'09,713" vĩ độ Bắc, 104°46'28,201" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 287/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,389km.

Mốc giới số 287/1 là mốc phụ đơn, cắm trên bờ ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°31'09,583" vĩ độ Bắc, 104°46'23,833" kinh độ Đông và có độ cao 2,94m.

Từ mốc giới số 287/1, đường biên giới hướng Tây, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°31'09,470" vĩ độ Bắc, 104°46'19,840" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°31'09,195" vĩ độ Bắc, 104°46'13,553" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 287/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,372km.

Mốc giới số 287/2 là mốc phụ đơn, cắm trên bờ ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°31'09,154" vĩ độ Bắc, 104°46'11,616" kinh độ Đông và có độ cao 2,77m.

Từ mốc giới số 287/2, đường biên giới hướng Tây, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°31'09,140" vĩ độ Bắc, 104°46'09,178" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°31'09,211" vĩ độ Bắc, 104°46'05,778" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°31'09,332" vĩ độ Bắc, 104°46'01,662" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 288. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,375km.

Mốc giới số 288 là mốc đơn, loại C, cắm trên bờ ruộng, tại điểm có tọa độ địa lý 10°31'09,369" vĩ độ Bắc, 104°45'59,274" kinh độ Đông và có độ cao 2,86m.

Từ mốc giới số 288, đường biên giới hướng chung hướng Tây, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°31'09,183" vĩ độ Bắc, 104°45'57,645" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°31'09,100" vĩ độ Bắc, 104°45'55,765" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°31'09,141" vĩ độ Bắc, 104°45'54,602" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°31'09,208" vĩ độ Bắc, 104°45'53,671" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°31'09,306" vĩ độ Bắc, 104°45'51,629" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°31'09,302" vĩ độ Bắc, 104°45'49,682" kinh độ Đông; sau đó chuyển hướng Bắc, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°31'09,799" vĩ độ Bắc, 104°45'49,625" kinh độ Đông; sau đó chuyển hướng chung hướng Tây, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°31'09,687" vĩ độ Bắc, 104°45'47,691" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°31'09,645" vĩ độ Bắc, 104°45'45,476" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 288/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,450km.

Mốc giới số 288/1 là mốc phụ đơn, cắm trên bờ Bắc kênh 79, tại điểm có tọa độ địa lý 10°31'09,672" vĩ độ Bắc, 104°45'44,946" kinh độ Đông và có độ cao 2,92m.

Từ mốc giới số 288/1, đường biên giới hướng chung hướng Tây, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°31'09,691" vĩ độ Bắc, 104°45'44,338" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°31'09,648" vĩ độ Bắc, 104°45'43,138" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°31'09,503" vĩ độ Bắc, 104°45'40,715" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°31'09,242" vĩ độ Bắc, 104°45'36,162" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°31'09,241" vĩ độ Bắc, 104°45'35,206" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°31'08,971" vĩ độ Bắc, 104°45'31,142" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°31'08,885" vĩ độ Bắc, 104°45'29,497" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 288/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,542km.

Mốc giới số 288/2 là mốc phụ đơn, cắm trên bờ Bắc kênh 79, tại điểm có tọa độ địa lý 10°31'08,728" vĩ độ Bắc, 104°45'27,128" kinh độ Đông và có độ cao 2,82m.

Từ mốc giới số 288/2, đường biên giới hướng chung hướng Tây, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°31'08,572" vĩ độ Bắc, 104°45'23,527" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°31'08,414" vĩ độ Bắc, 104°45'18,846" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 289. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,458km.

Mốc giới số 289 là mốc đơn, loại C, cắm trên bờ Bắc kênh 79, tại điểm có tọa độ địa lý 10°31'08,073" vĩ độ Bắc, 104°45'12,058" kinh độ Đông và có độ cao 3,49m.

Từ mốc giới số 289, đường biên giới hướng chung Tây - Tây Bắc, theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°31'09,635" vĩ độ Bắc, 104°45'07,970" kinh độ Đông, tiếp tục theo đường thẳng đến điểm có tọa độ địa lý 10°31'11,970" vĩ độ Bắc, 104°45'01,140" kinh độ Đông, rồi theo đường thẳng đến mốc giới số 289/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,571km.

361

(Xem tiếp Công báo số 155 + 156)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng